

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương lớp 8
sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Hải Dương**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương;

Căn cứ Tờ trình số 64/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hải Dương lớp 8 và lớp 11;

Căn cứ Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về việc Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hải Dương lớp 8 và lớp 11;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hải Dương lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả sử dụng tài liệu được phê duyệt tại Điều 1 trong quá trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ủy ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thường

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

SÁCH MẪU

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH **HẢI DƯƠNG**

Lớp **8**





ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

LƯƠNG VĂN VIỆT (Tổng Chủ biên)

ĐỖ DUY HÙNG (Chủ biên)

NGUYỄN THANH THUYẾT - PHẠM VĂN KHANH - NGUYỄN NGỌC KHÁNH

SÁCH MẪU

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH **HẢI DƯƠNG**

Lớp

8

TCB: Lương Văn Việt

CB: Đỗ Duy Hùng

Nguyễn Ngọc Khánh

Phạm Văn Khanh

Nguyễn Thanh Thuý

Mục lục

Lời nói đầu	3
Hướng dẫn sử dụng tài liệu	4
Chủ đề 1 Vùng đất Hải Dương từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XIX	5
Chủ đề 2 Thành Đông trong lịch sử của vùng đất Hải Dương	23
Chủ đề 3 Dấu ấn văn hoá phương Tây (thế kỉ XVI – XX) tại Hải Dương	35
Chủ đề 4 Đặc điểm chung địa hình và ảnh hưởng của sự phân hoá địa hình đối với tự nhiên và khai thác kinh tế	47
Chủ đề 5 Đa dạng sinh học và các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở tỉnh Hải Dương	61
Chủ đề 6 Văn học viết Hải Dương	73

Lời nói đầu

Các em học sinh thân mến!

Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hải Dương – Lớp 8 sẽ tiếp tục đồng hành cùng các em trong việc tiếp cận và khám phá các vấn đề về văn hoá, lịch sử truyền thống; địa lí, kinh tế, hướng nghiệp; chính trị – xã hội, môi trường của xứ Đông xưa, Hải Dương nay.

Với sáu chủ đề được Ban Biên soạn lựa chọn kĩ lưỡng, bám sát mục tiêu, yêu cầu của nội dung giáo dục địa phương, các em sẽ có cơ hội, trải nghiệm, tìm hiểu vùng đất Hải Dương.

Thông qua các hoạt động khám phá tri thức, các em có điều kiện phát huy, phát triển một số năng lực cốt lõi và phẩm chất chủ yếu cần có của học sinh Trung học cơ sở. Qua đó, bồi dưỡng niềm tự hào, tình yêu quê hương, ý thức giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống của quê hương; vận dụng những điều đã học vào giải quyết những vấn đề nảy sinh từ thực tế của quê hương, góp phần bảo vệ môi trường tự nhiên tại tỉnh Hải Dương nói riêng, cả nước nói chung.

Trong quá trình biên soạn, tài liệu không tránh khỏi những thiếu sót. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy, cô giáo và các em học sinh để *Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Hải Dương – Lớp 8* ngày càng hoàn thiện hơn.

Ban Biên soạn

Hướng dẫn sử dụng tài liệu

Các em học sinh thân mến!

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Hải Dương – Lớp 8 được biên soạn gồm sáu chủ đề thuộc các lĩnh vực địa lí, lịch sử và ngữ văn; mỗi lĩnh vực có những điểm riêng. Các em cần bám sát đặc trưng của từng môn học để tìm hiểu, khám phá và chiếm lĩnh tri thức.



Mỗi phần, mỗi chủ đề thường bắt đầu bằng các nhiệm vụ, tình huống cần giải quyết để các em kết nối với tri thức đã biết và tiếp tục tìm kiếm, thu thập thông tin cần thiết trước, trong và sau khi tìm hiểu chủ đề.



Phần hình thành kiến thức, đọc hiểu văn bản: được thể hiện sinh động qua kênh chữ, kênh hình và một số hình ảnh minh họa. Những câu hỏi, hoạt động, hướng dẫn giúp các em tự tin khám phá kiến thức về địa lí, lịch sử và văn hoá của Hải Dương.



Phần thực hành, luyện tập: là những câu hỏi, bài tập nhằm củng cố, khắc sâu kiến thức, rèn kĩ năng nhận diện, nhận xét, đánh giá, bước đầu giải quyết một số vấn đề có liên quan.



Phần vận dụng, mở rộng: là những gợi ý, yêu cầu, định hướng để các em kết nối tri thức của địa phương Hải Dương với tri thức chung của dân tộc và thế giới; kết nối kiến thức nội môn, liên môn một cách chủ động, sáng tạo nhằm hình thành các phẩm chất chủ yếu, phát triển các năng lực cốt lõi, sở trường, năng khiếu của mỗi cá nhân một cách hiệu quả nhất.

Phần em có biết: là những thông tin bổ trợ để giải thích, mở rộng, làm rõ nội dung tuyến chính.

Chúc các em tự giác, tự chủ, tự tin và sáng tạo trong học tập để đạt kết quả tốt nhất.

Ban Biên soạn

Hãy bảo quản, giữ gìn tài liệu để có thể dành tặng cho các em học sinh lớp sau nhé!

VÙNG ĐẤT HẢI DƯƠNG TỪ THẾ KỈ XVI ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XIX

Mục tiêu

- Trình bày được sự phát triển của xã hội, kinh tế, văn hoá Hải Dương từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XIX.
- Nhận xét được bước phát triển mới của kinh tế, văn hoá của Hải Dương các thế kỉ XVI – XIX; đánh giá được những đóng góp của Hải Dương đối với lịch sử dân tộc.
- Tìm hiểu, giới thiệu được một số di tích lịch sử – văn hoá, thành tựu văn hoá; nghề thủ công tiêu biểu của Hải Dương trong các thế kỉ XVI – XIX.



Đền thờ Tiến sĩ Nguyễn Thị Duệ, thành phố Chí Linh

Handwritten signature

ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH VÀ XÃ HỘI



Thế kỉ XVI – XIX là thời kì diễn ra nhiều biến động trong lịch sử dân tộc. Trong bối cảnh chung của đất nước, vùng đất Hải Dương đã có nhiều biến động về địa giới hành chính, xã hội và phát triển mới về kinh tế, văn hoá, góp phần vào sự phát triển chung của lịch sử dân tộc. Vậy những biến động về xã hội, kinh tế Hải Dương trong các thế kỉ XV – XIX được thể hiện như thế nào?



1 Đơn vị hành chính vùng đất Hải Dương



Trong các thế kỉ XVI – XIX, vùng đất Hải Dương có những thay đổi như thế nào về đơn vị hành chính?

Từ thời nhà Mạc đến thời Tây Sơn, hành chính vùng đất Hải Dương không có nhiều thay đổi; tên phủ, huyện cơ bản được giữ nguyên theo bản đồ Hồng Đức vẽ năm 1490: Thừa tuyên (xứ, đạo, trấn) Hải Dương gồm bốn phủ: Thượng Hồng, Hạ Hồng, Nam Sách và Kinh Môn.

Trong giai đoạn này, phủ Thượng Hồng có ba huyện (Đường An, Đường Hào và Cẩm Giàng); phủ Hạ Hồng có bốn huyện (Gia Phúc, Tứ Kỳ, Vĩnh Lại và Thanh Miện); phủ Nam Sách có bốn huyện (Thanh Hà, Tân Minh, Thanh Lâm và Chí Linh); phủ Kinh Môn có bảy huyện (Hiệp Sơn, Đông Triều, An Lão, Nghi Dương, Thuỷ Đường, Kim Thành và An Dương).

Sau khi lên nắm chính quyền (từ năm 1527), nhà Mạc đã xây dựng kinh đô thứ hai tại quê hương (làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương (nay thuộc huyện Kiến Thụy, Hải Phòng). Dương Kinh thuộc vùng đất Hải Dương xưa đã trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá lớn của nước ta trong thế kỉ XVI.



Hình 1. Dấu tích cung điện Dương Kinh tại Cổ Trai (nay thuộc xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, Hải Phòng)

Thời nhà Nguyễn, trong những năm 1802 – 1830, Hải Dương là một trong 23 trấn của cả nước, gồm bốn phủ: Thượng Hồng, Hạ Hồng, Kinh Môn và Nam Sách.



Hình 2. Mộc bản sách "Đại Nam thực lục chính biên" ghi chép về tên gọi trấn Hải Dương dưới triều vua Gia Long gồm 4 phủ, 18 huyện

Phủ Thượng Hồng thời nhà Nguyễn gồm 3 huyện (Cẩm Giàng, Đường Hào, Đường An); phủ Hạ Hồng gồm 4 huyện (Tứ Kỳ, Vĩnh Lại, Thanh Miện, Gia Lộc); phủ Kinh Môn gồm 7 huyện (An Lão, An Dương, Thủy Đường, Nghi Dương, Đông Triều, Kim Thành, Giáp Sơn); phủ Nam Sách gồm 4 huyện (Chí Linh, Thanh Lâm, Thanh Hà, Tiên Minh).

Từ năm 1831, trấn Hải Dương được đổi thành tỉnh Hải Dương (hay còn gọi là tỉnh Đông), đứng đầu tỉnh là quan Tổng đốc. Trong những năm 1831 – 1887, Hải Dương gồm 5 phủ: Bình Giang, Ninh Giang, Nam Sách, Kinh Môn và Kiến Thụy.

2 Tình hình xã hội

Tại sao tình hình xã hội Hải Dương luôn bất ổn trong các thế kỉ XVI – XIX?

2021

Trong các thế kỉ XVI – XVIII, do nội chiến liên miên, nên tình hình xã hội Hải Dương thường xuyên không ổn định. Đặc biệt, thời kì nội chiến Trịnh – Mạc (1533 – 1592), vì Hải Dương là thủ phủ thứ hai của vương triều Mạc, nên vùng đất này cũng là nơi hứng chịu nặng nề hậu quả của cuộc chiến. Nạn binh lửa khiến nhân dân điêu đứng.

Những năm cuối thế kỉ XVIII, phong trào khởi nghĩa nông dân chống lại chính quyền phong kiến diễn ra khá mạnh mẽ, điển hình là cuộc khởi nghĩa của anh em Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ và Nguyễn Hữu Cầu.



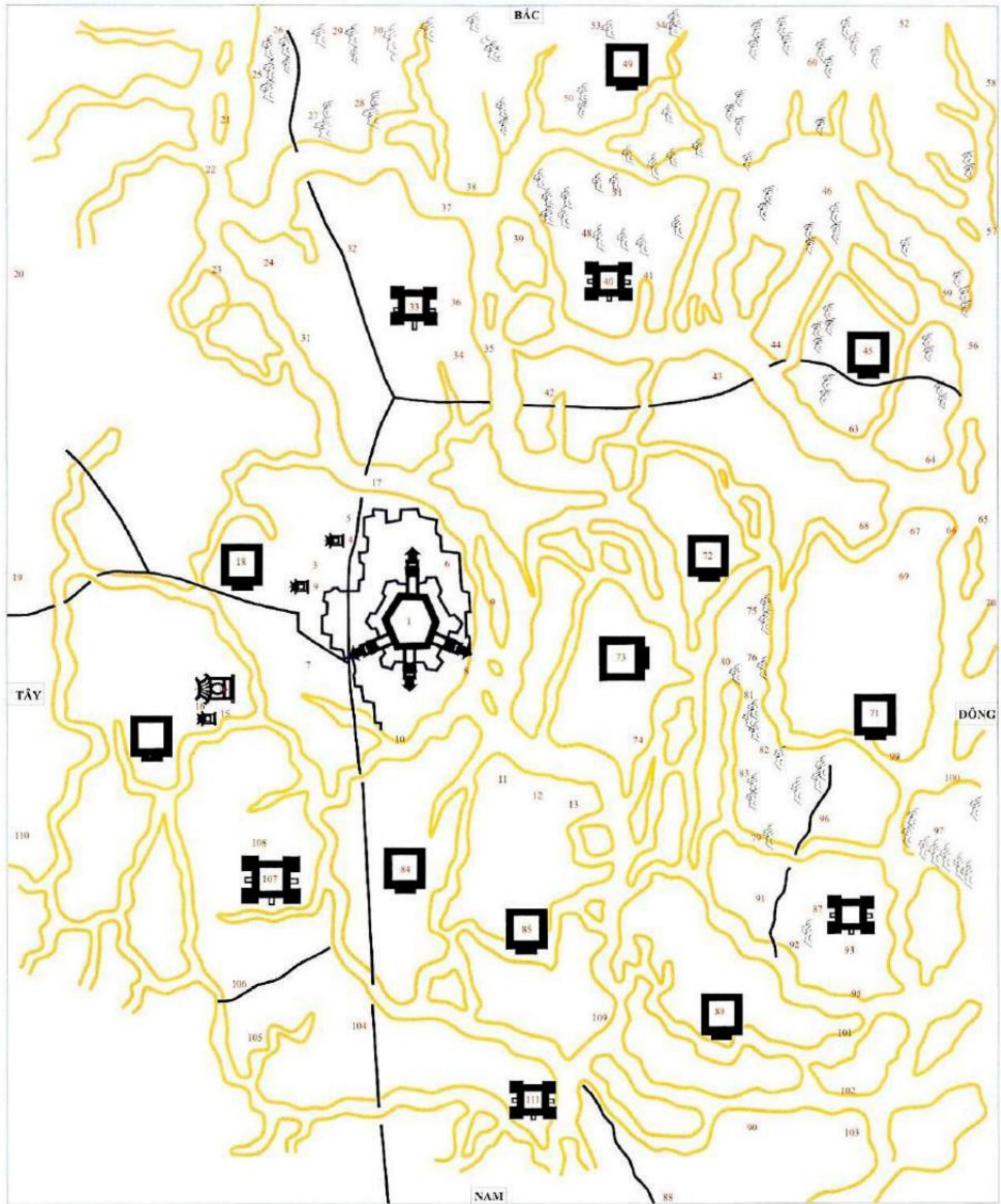
Nguyễn Tuyển và Nguyễn Cừ là người làng Ninh Xá, huyện Chí Linh (nay thuộc thành phố Chí Linh). Trong bối cảnh triều đình đổ nát, nhân dân oán than, khởi nghĩa nông dân bùng nổ khắp Đàng ngoài, hai ông đã lấy núi Phao Sơn làm căn cứ, xây đồn đắp lũy, kêu gọi nông dân khởi nghĩa. Từ năm 1740 – 1741, nghĩa quân đánh nhiều trận lớn, chiến thắng vang dội, thổi bùng lên ngọn lửa đấu tranh chống áp bức bóc lột khắp cả vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng rộng lớn.

Sau khi khởi nghĩa Nguyễn Cừ thất bại, Nguyễn Hữu Cầu (người Lôi Động, nay thuộc xã Tân An, huyện Thanh Hà) đứng lên chỉnh đốn nghĩa quân, phát triển lực lượng cuộc khởi nghĩa ở vùng Hải Dương. Khởi nghĩa Nguyễn Hữu Cầu là cuộc khởi nghĩa lớn nhất, mãnh liệt nhất ở Đàng ngoài trong thế kỉ XVIII. Trong khoảng 10 năm (1741 – 1751), Nguyễn Hữu Cầu đã tập hợp được hàng vạn nông dân nổi dậy đấu tranh, trên một địa bàn rộng lớn từ các trấn Hải Dương, Kinh Bắc, Sơn Nam đến các trấn Thanh Hoá, Nghệ An, làm cho chính quyền họ Trịnh nhiều phen điên đảo.

Thời nhà Nguyễn, với vị trí quan trọng ở cửa ngõ phía đông của Bắc Thành, nhà Nguyễn đã chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống thành lũy dày đặc ở các phủ, huyện, trấn lỵ Hải Dương.



“Vùng đất Hải Dương dưới thời Nguyễn, từ các phủ huyện đến các cửa sông, cửa biển, đường lớn đều được triều đình bố trí các thành lũy, đồn binh, cùng lực lượng binh lính đủ mạnh để phòng thủ cho trấn, tỉnh”.



Hình 3. Bản đồ ghi dấu các thành lũy tại tỉnh Hải Dương cuối thế kỉ XIX
(Nguồn: Tỉnh uỷ Hải Dương, Địa chí Hải Dương tập III)

Handwritten signature or mark in blue ink.

Chỉ dẫn:

- | | | | | |
|--------------------------|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------------|--|
| 1. Thành tỉnh Hải Dương | 23. Nấu khê giang | 44. Kiêu bài đồn | 66. Ninh hải đồn (nhất) | 89. Vĩnh bảo huyện lệ |
| 2. Thành Hoàng miếu | 24. Nấu khê đồn | 45. Thủy đường huyện lệ | 67. Ninh hải đồn (nhì) | 90. Tiến đồn |
| 3. Xã tắc | 25. Phao sơn | 46. Trù liệt đồn | 68. Thương chính | 91. An lão huyện hạt |
| 4. Hội đồng miếu | 26. Dược sơn | 47. An tử sơn | 69. Hải phòng | 92. Địa sơn |
| 5. Đông thượng điểm | 27. Doanh sơn | 48. An phụ sơn | 70. Quang yên tỉnh nghiêu phong | 93. Kiêm lý Nghi dương huyện |
| 6. Tiên nông miếu | 28. Nùng sơn | 49. Đông triều huyện lệ | 71. An dương huyện lệ | 94. Văn úc hữu đồn |
| 7. Sơn xuyên miếu | 29. Phương hoàng sơn | 50. Thiêu thí sơn | 72. Kim thành huyện lệ | 95. Văn úc hải khẩu |
| 8. Đông tân đồn | 30. Con sơn | 51. Dương Nham sơn | 73. Thanh hà huyện lệ | 96. Thái bình hải khẩu |
| 9. Ngọc uyển đồn | 31. Thanh lâm huyện hạt | 52. Lạng sơn tỉnh lâm phần | 74. Phú kinh đồn | 97. Đồ sơn |
| 10. Thủy đồn | 32. Chí linh huyện hạt | 53. Bắc mã sơn | 75. Tượng sơn | 98. Nghi dương huyện hạt |
| 11. Ba sao đồn | 33. Nam sách phủ thành | 54. Đan thủy sơn | 76. Tiểu hội sơn | 99. An kê đồn |
| 12. Ngọc nặc đồn | 34. Đồng bình đồn | 55. Quỳnh lâm sơn | 77. Dương sơn | 100. Cẩm giang hải khẩu |
| 13. Phạm xá đồn | 35. An điền giang | 56. Bạch đằng giang | 78. Mã yên sơn | 101. Văn úc đồn |
| 14. Văn miếu | 36. Kiêm lý Chí linh, Thanh lâm | 57. An hưng huyện giới | 79. Vụ sơn | 102. Thủ đồn |
| 15. Khai thành từ | 37. Thủ châu giang | 58. Quảng yên tỉnh lâm phần | 80. Phao sơn | 103. Đông bông điểm |
| 16. Chí trường | 38. Mặc ngân đồn | 59. Hoàng tôn sơn | 81. Trà sơn | 104. Thanh miện huyện hạt |
| 17. Hàm giang | 39. Xạ sơn đồn | 60. Lộc đầu sơn | 82. Đầu sơn | 105. Đường an huyện hạt |
| 18. Cẩm giang huyện lệ | 40. Kinh môn phủ thành | 61. Châu cốc sơn | 83. Đường sơn | 106. Bình giang phủ thành |
| 19. Lương tài huyện giới | 41. Kiêm lý Giáp sơn | 62. Dồn sơn | 84. Gia lộc huyện lệ | 107. Kiêm lý đường an, Thanh miện |
| 20. Gia bình huyện giới | 42. Đông khê điểm | 63. Ninh hải đồn (tam) | 85. Tứ kỳ huyện lệ | 108. Đường an huyện lệ |
| 21. Bình than | 43. Đông mai điểm | 64. Thủy lễ đồn | 86. Kiêm thủy phủ thành | 109. Bắc minh tỉnh, Văn giang huyện giới |
| 22. Lục đầu giang | | 65. Nam triều hải môn | 87. Kiêm lý nghi dương, An lão | 110. Ninh giang phủ thành |
| | | | 88. Vĩnh bảo huyện hạt | |

Chú thích:

Năm 1886 tỉnh Hải Dương có 5 phủ, 19 huyện

1. Phủ Bình Giang có 4 huyện, Kiêm lý: huyện Đường An, huyện Thanh Miện.
2. Phủ Nam Sách có 4 huyện, Kiêm lý: huyện Chí Linh, huyện Thanh Lâm.
3. Phủ Ninh Giang có 4 huyện, Kiêm lý: huyện Vĩnh Lạc, huyện Vĩnh Bảo.
4. Phủ Kinh Môn có 3 huyện, Kiêm lý: huyện Giáp Sơn.
5. Phủ Kiến Thủy có 4 huyện, Kiêm lý: huyện Nghi Dương, huyện An Lão.

Thống hạt: huyện Cẩm Giang, huyện Đường Hào.
Thống hạt: huyện Thanh Hà, huyện Tân Minh.
Thống hạt: huyện Gia Lộc, huyện Tứ Kỳ.
Thống hạt: huyện Đông Triều, huyện Thủy Đường
Thống hạt: huyện Kim Thành, huyện An Dương

Việc tập trung xây đắp thành lũy; nạn cướp bóc của hải tặc từ phía biển Đông Bắc; những tác động của thiên tai, dịch bệnh,... đã khiến cho tình hình xã hội Hải Dương luôn không ổn định.



1. Trấn Hải Dương được đổi thành tỉnh Hải Dương từ năm nào?
2. Tại sao vùng đất Hải Dương là nơi hứng chịu hậu quả nặng nề trong thời kỳ nội chiến Trịnh – Mạc (1553 – 1592).



Tại sao vào thế kỷ XIX, nhà Nguyễn đầu tư xây dựng hệ thống thành lũy dày đặc ở các phủ, huyện của trấn Hải Dương?

TÌNH HÌNH KINH TẾ



Trong các thế kỉ XVII – XVIII, vùng đất Hải Dương từng là một phần của thương cảng Domea, là thương cảng lớn thứ ba ở Đàng Ngoài, sau Thăng Long (Hà Nội) và Phố Hiến (Hưng Yên) với các hoạt động thương mại nhộn nhịp, sôi động, có vai trò là thương cảng cửa khẩu lớn nhất Đàng Ngoài.

Sự phát triển của thương nghiệp Hải Dương gắn với thương cảng Domea có tác động đến kinh tế Hải Dương không? Trong các thế kỉ XVI - XIX, kinh tế của vùng đất Hải Dương phát triển như thế nào?

1 Nông nghiệp

Kinh tế nông nghiệp có vai trò như thế nào trong nền kinh tế Hải Dương thế kỉ XVI – XIX?

Trong các thế kỉ XVI – XVIII, sau những năm đầu của triều Mạc, do những bất ổn về chính trị và tình hình nội chiến liên miên đã có nhiều tác động tiêu cực đến sự phát triển nông nghiệp của Hải Dương, nạn mất mùa, đói kém diễn ra nhiều năm. Tuy nhiên, với những điều kiện tự nhiên thuận lợi, con người cần cù, chịu khó, nên kinh tế nông nghiệp của vùng đất xứ Đông vẫn là ngành kinh tế chủ đạo ở Hải Dương.



Hải Dương là vùng đất nổi tiếng về trồng lúa với những sản phẩm gạo thơm ngon như: gạo tẻ thơm, gạo đỏ, gạo nếp cái hoa vàng. Bên cạnh đó, các sản phẩm trồng trọt khác cũng rất phong phú như: khoai lang, khoai sọ, khoai nước, gia vị (hành, tỏi, gừng,...), các loại quả (cau, vải thiều, cam,...)¹

Trong thời kì này, tình trạng mua bán ruộng đất ngày càng phổ biến, thúc đẩy tầng lớp đại địa chủ phát triển tại các địa phương của Hải Dương.

¹ Sách Đại Nam nhất thống chí, quyển 17 ghi về quả cam đường tỉnh Hải Dương như sau: "Cam đường: có một tên nữa là cam nhũ sản ở các xã Vũ Xá, Nhũ Tĩnh, Đồng Quang huyện Tứ Kỳ và Lục Đáp, Hoà Ung huyện Vĩnh Lại, quả nhỏ, vị ngọt và thơm, có lệ cố".

2021



Hình 4. Lăng bà Bối Lạng tại xã Bình Lăng, huyện Tứ Kỳ

Nổi tiếng trong tầng lớp đại địa chủ ở Hải Dương thế kỉ XVII là bà Bối Lạng ở làng Bình Lăng, huyện Tứ Kỳ, phủ Hạ Hồng (nay là xã Bình Lăng, huyện Tứ Kỳ). Nội dung văn bia tại lăng cho biết bà Nguyễn Thị Trị làm giàu từ nghề buôn bán gạo, khi thu được lãi, bà tậu ruộng, chăn nuôi gia súc, trở thành người giàu có nhất vùng: "Ruộng có hơn nghìn mẫu, tiền có trên vạn xâu. Thóc lúa, gia súc nhiều đến mức không đếm xuể".

Dưới triều Nguyễn, trấn Hải Dương vẫn là "xứ Đông phen giậu", vì vậy, nhà nước rất quan tâm đến phát triển kinh tế nông nghiệp, tập trung khai khẩn đất hoang, chia lại ruộng đất.



Từ năm 1809 đến năm 1837, nhà Nguyễn đã cho đào các sông như: sông Cửu An, sông Thiên Đức; cho khai rộng nhiều hệ thống sông ở Văn Giang, phủ Bình Giang và cho đắp sửa hệ thống đê ở các huyện, phủ trong toàn trấn, đặc biệt là hệ thống đê ngăn mặn vùng ven biển,... để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Kinh tế nông nghiệp của Hải Dương thế kỉ XIX đã có bước tiến mới là sản xuất theo mùa trong năm (vụ chiêm và vụ mùa). Ngoài trồng lúa, các phủ của Hải Dương đều căn cứ vào điều kiện đất đai, khí hậu để phát triển các cây rau màu đặc trưng khác như: ngô, khoai, các loại đậu, các cây thuộc họ dưa, rau củ,...

Trong các thế kỉ XVI – XIX, sản xuất nông nghiệp luôn đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của vùng đất Hải Dương.

2 Thủ công nghiệp



Điểm mới trong sự phát triển của kinh tế thủ công nghiệp tại Hải Dương các thế kỉ XVI – XIX là gì?

Từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XIX, các nghề thủ công của Hải Dương tiếp tục phát triển và dẫn đến sự ra đời của các làng nghề thủ công nổi tiếng: nghề làm giầy da ở các làng Phong Lâm, Văn Lâm, Trúc Lâm (Hoàng Diệu – huyện Gia Lộc); làng mộc Đông Giao (huyện Cẩm Giàng), Cúc Bồ (huyện Ninh Giang); làng chạm khắc đá Kính Chủ (phường Phạm Thái – thị xã Kinh Môn); nghề làm vàng bạc ở Châu Khê (Thức Kháng – huyện Bình Giang); làng nghề khắc ván in mộc bản Hồng Lục, Liễu Tràng (thành phố Hải Dương); làng nghề nhuộm Đan Loan (huyện Bình Giang),...



Hình 5, 6. Sản phẩm của nghề nhân Châu Khê được trưng bày tại đình Kim Ngân, phố Hàng Bạc, Hà Nội

Đặc biệt, nghề thủ công nổi tiếng nhất của Hải Dương thời kì này vẫn là nghề làm gốm. Các làng gốm sứ nổi tiếng như: Chu Đậu, Hợp Lễ, làng Quao, làng Hùng Thắng (huyện Nam Sách), làng Cậy (huyện Bình Giang) tiếp tục phát triển thịnh đạt, cung cấp sản phẩm cho thị trường trong nước và ngoài nước.

Nghề chạm khắc gỗ ở Đông Giao nổi tiếng trong các thế kỉ XVII – XIX. Sự khéo léo của người thợ Đông Giao đã in dấu ở rất nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng trên khắp mọi miền đất nước, trong đó có các công trình lăng tẩm của triều đình nhà Nguyễn tại Huế.



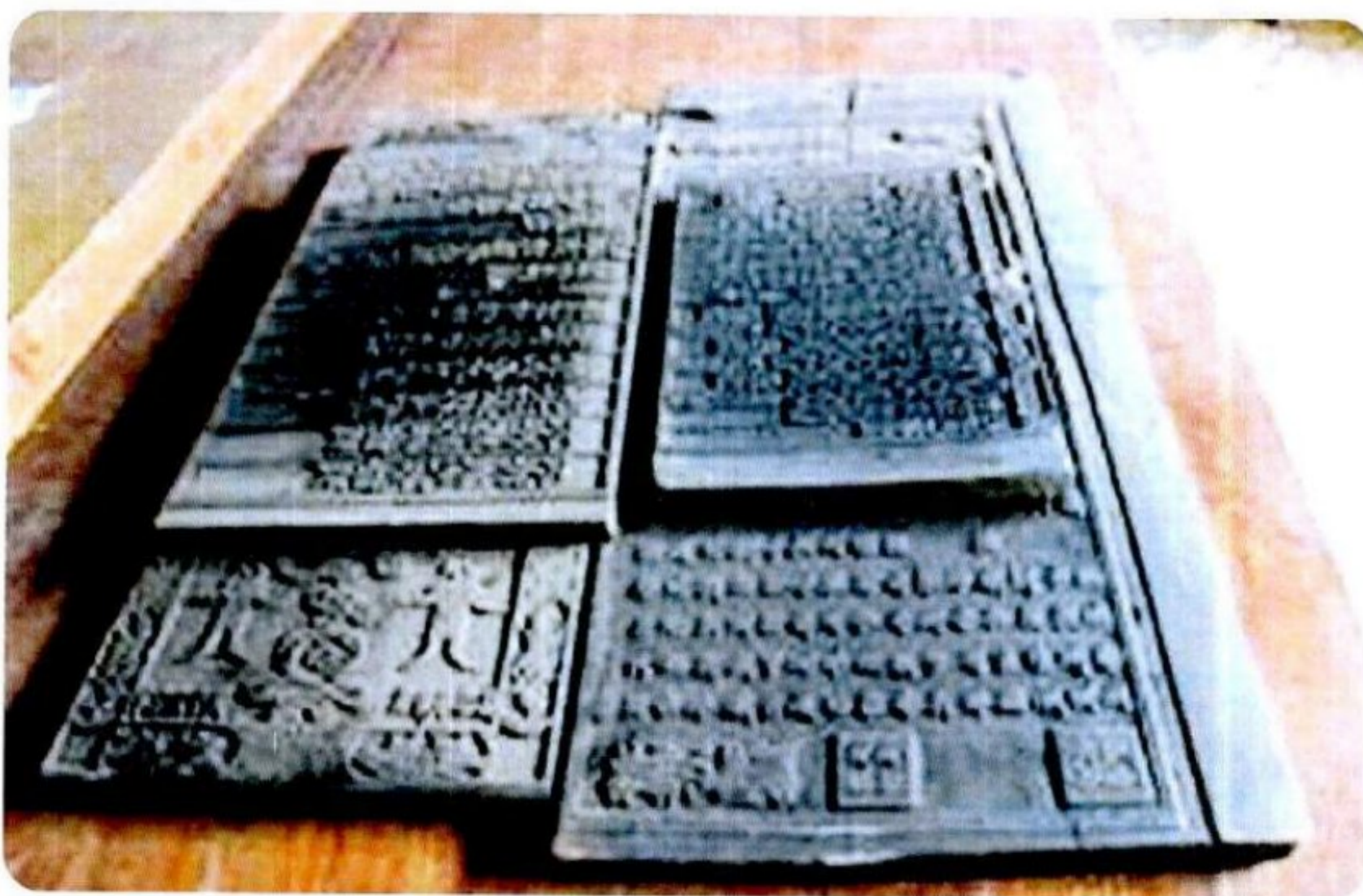
Hình 7. Tượng Long Mã tại đình làng Đông Giao, xã Lương Điền, huyện Cẩm Giàng

Handwritten signature or mark.

Hai làng Hồng Lục và Liễu Tràng thuộc xã Tân Hưng, huyện Gia Lộc (nay là phường Tân Hưng, thành phố Hải Dương) là hai làng nghề khắc in bản mộc nổi tiếng của nước ta trong các thế kỉ XV – XIX, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp chính trị, văn hoá, giáo dục của đất nước. Các tác phẩm tiêu biểu của làng nghề là bộ Đại Việt sử kí toàn thư; hệ thống kinh Phật; bộ Đại bách khoa toàn thư bằng tranh duy nhất của Việt Nam...



Những người thợ thủ công tài ba của Tam Lâm đã di cư ra Thăng Long, đem theo nghề của làng, góp phần hình thành nên phố Hàng Giày, phố Hàng Da tại Kinh Kỳ. Người thợ nhuộm làng Đan Loan cũng là những cư dân đầu tiên lập nên phố Hàng Đào với nghề nhuộm điều đặc sắc.



Hình 8. Một bản khắc in kinh Phật của làng nghề được lưu trữ tại chùa Trăm gian (xã An Bình, huyện Nam Sách)

Bên cạnh đó, ở Hải Dương thời kì này còn có một số nghề thủ công khác cũng khá phát triển như: nghề dệt ở Cẩm Giàng, Gia Lộc, Ninh Giang, Thanh Miện; nghề làm bánh gai ở Ninh Giang; nghề nấu rượu ở Phú Lộc (huyện Cẩm Giàng),...

Sự phát triển mạnh mẽ của các làng nghề thủ công truyền thống trong các thế kỉ XVI – XIX đã thúc đẩy sự phát triển của kinh tế thương nghiệp, tạo cơ sở đưa đến sự hình thành các phố nghề tại Hải Dương.

3 Thương nghiệp

Những biểu hiện nào chứng tỏ thương nghiệp ở Hải Dương phát triển mạnh trong các thế kỉ XVI – XVIII?

Trong bối cảnh kinh tế thương nghiệp Đàng Ngoài phát triển mạnh, cùng với sự thuận lợi về giao thông; sự phát triển của nông nghiệp và thủ công nghiệp thế kỉ XVII – XVIII; hoạt động thương nghiệp của Hải Dương cũng có bước phát triển mới.

Từ thế kỉ XVI – XIX, hệ thống chợ ở Hải Dương đã hình thành ở khắp các địa phương. Các làng xã hầu hết đều có chợ để trao đổi, mua bán hàng hoá. Với mạng lưới đường sông ở Hải Dương như mắc cửi, liên hoàn từ tỉnh lỵ tới tận các làng xã xa xôi, nối liền Hải Dương với các tỉnh lân cận đã tạo nhiều thuận lợi cho các hoạt động vận chuyển, thông thương. Vì vậy, Hải Dương thời kì này đã trở thành trung tâm thương nghiệp lớn ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ với mặt hàng buôn bán chủ yếu là thóc gạo. Bên cạnh đó, sông Kẻ Sặt ở tỉnh lỵ Hải Dương còn là nơi tập trung các loại gỗ vận chuyển từ các tỉnh miền núi về theo đường sông. Hải Dương trên bến, dưới thuyền và hoạt động thương nghiệp phát triển mạnh mẽ.



Hoạt động thương mại tại Đông Kiều Phố rất sầm uất: hoạt động sản xuất thủ công và buôn bán diễn ra tấp nập tại các phố và bến sông. Phố Hàng Giày là phố chuyên sản xuất và kinh doanh các loại giày dép da; phố Hàng Bạc chủ yếu là chế tác và kinh doanh vàng bạc; phố Hàng Đồng tập trung các cửa hàng kinh doanh một số mặt hàng chủ yếu như: đình, giá nển, chùy, chiêng, công,... bằng đồng hoặc các đồ dùng bằng đồng khác như: chậu, mâm, nồi,...; phố Hàng Lọng là nơi sản xuất và bán những chiếc lọng phục vụ cho giới quan lại trong tỉnh,... Ngoài Đông Kiều Phố, phủ Bình Giang, phủ Nam Sách, khu vực bến sông Vân Dậu thuộc Mao Điền – Cẩm Giàng... cũng là những nơi phát triển sầm uất bởi hoạt động thương mại.

(Nguồn: William Dampie (2011), *Một chuyến hành trình đến Đàng Ngoài năm 1968*, Nhà xuất bản Thế giới)

2021

Theo những nghiên cứu của người Pháp đầu thế kỉ XX thì “Tỉnh lỵ Hải Dương đã từng là một đô thị lớn thứ hai trong vùng châu thổ trước khi có sự chiếm đóng của Pháp. Cho đến khi thiết lập Hải Phòng, đô thị Hải Dương là một cảng chính của Bắc Kỳ”.

(Nguyễn Quang Ngọc (2010), Domea trong hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỉ XVII – XVIII, Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển, tr.24)

Hoạt động ngoại thương ở vùng đất Hải Dương thế kỉ XVII – XVIII phát triển với các mặt hàng chính là: sản phẩm nông nghiệp, thủ công nghiệp, đặc biệt là sản phẩm gốm.



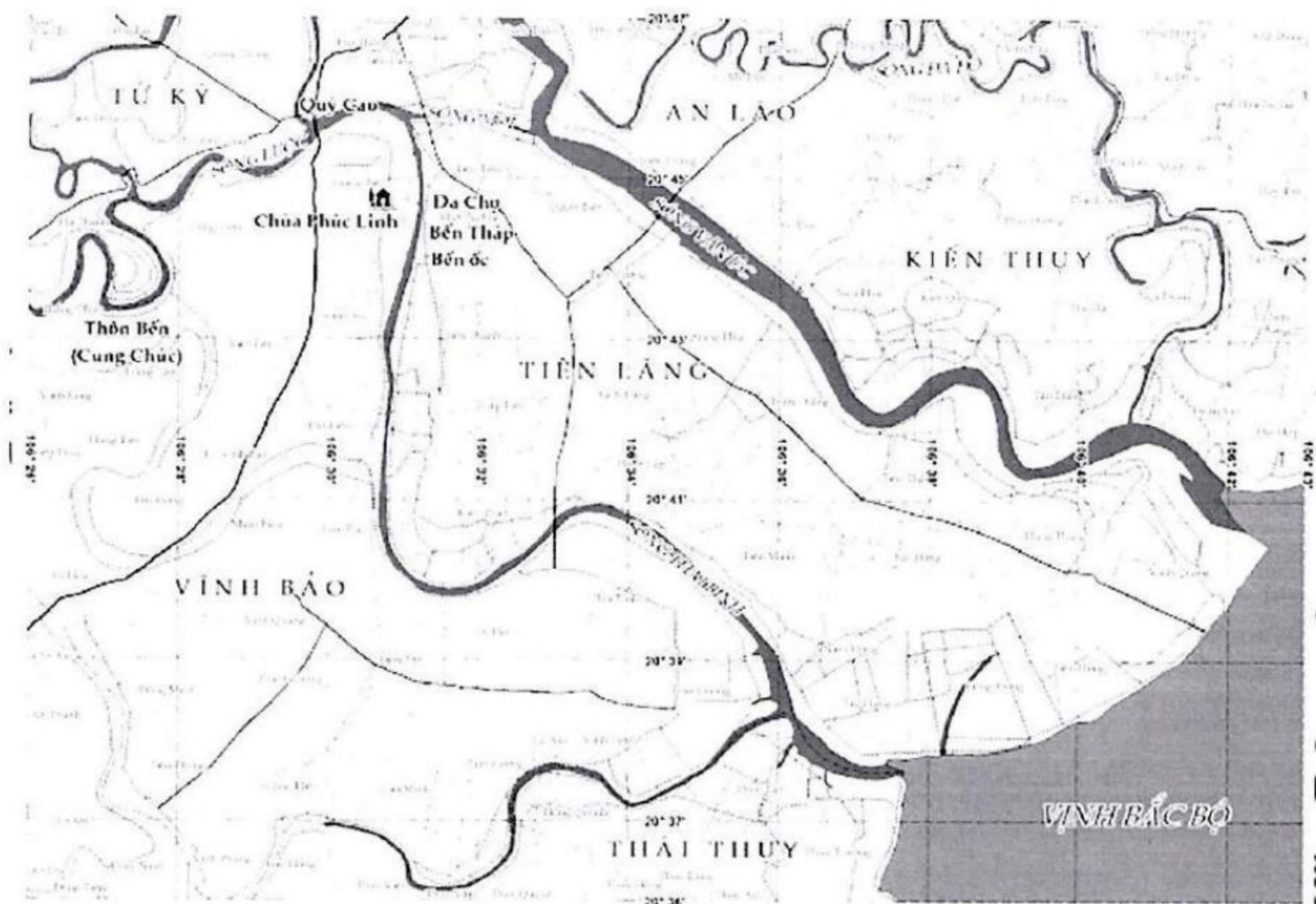
Bên cạnh thương cảng Phố Hiến (Hưng Yên), thương cảng Domea thuộc xứ Đông cũng là một thương cảng lớn. Một phần của thương cảng Domea gồm ngã ba sông Luộc và sông Thái Bình thuộc địa phận Quý Cao (huyện Tứ Kỳ) ngày nay. Thương cảng này được người phương Tây đánh giá là một địa danh quan trọng bậc nhất ở Đàng Ngoài, bởi từ đây họ dễ dàng ngược lên Phố Hiến, Thăng Long.



Hình 9. Bản đồ sông Đàng Ngoài thế kỉ XVII của công ti Đông Ấn Anh

Nguồn: William Dampie (2011), Một chuyến hành trình đến Đàng Ngoài năm 1668, Nhà xuất bản Thế giới)

Handwritten signature or mark.



Hình 10. Bản đồ khu vực hạ lưu sông Thái Bình hiện nay

Tư liệu

Hoạt động buôn bán, trao đổi hàng hoá và dịch vụ đặc biệt đối với các thuyền buôn và thương nhân phương Tây đã dần biến Domea thành một khu vực trù phú, một cảng cửa khẩu quốc tế thực sự sôi động, đứng thứ ba ở Đàng Ngoài, sau Thăng Long và Phố Hiến.

(Nguyễn Quang Ngọc, *Domea trong hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỉ XVII – XVIII*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử, Số 3. 2008.)

Hệ thống tuyến đường thuỷ của Hải Dương nối với Thăng Long và thương cảng Phố Hiến (Hưng Yên) là một lợi thế thúc đẩy hoạt động ngoại thương của Hải Dương thời kì này phát triển mạnh mẽ.

Handwritten signature



1. Hoàn thành bảng về những thành tựu kinh tế nổi bật của Hải Dương thế kỉ XVI – XIX.

Lĩnh vực	Thành tựu tiêu biểu
Nông nghiệp	
Thủ công nghiệp	
Thương nghiệp	

2. Đánh giá bước phát triển mới của kinh tế thương nghiệp Hải Dương thế kỉ XVII – XVIII.



1. Khi nói đến người giàu có nhất thời xưa, dân gian thường nhắc đến 3 người:

*“Thứ nhất cô Đỏ, Thanh Hoa
Thứ nhì Bối Lạng, thứ ba Thạch Sùng”*

Hãy sưu tầm tài liệu, tìm hiểu và giới thiệu về bà Bối Lạng trong lịch sử Hải Dương thế kỉ XVII.

2. Tìm hiểu và giới thiệu về một nghề thủ công nổi tiếng của Hải Dương trong các thế kỉ XVI – XIX.

TÌNH HÌNH VĂN HOÁ



Từ thế kỉ XVI, cùng với quá trình giao lưu kinh tế diễn ra mạnh mẽ là sự giao thoa văn hoá với các nước phương Tây, đưa đến sự xuất hiện của những yếu tố mới trong văn hoá dân tộc nói chung và văn hoá Hải Dương nói riêng.

Văn hoá vùng đất Hải Dương đã phát triển như thế nào trong các thế kỉ XVI – XIX?

1 Tín ngưỡng – tôn giáo

Tín ngưỡng, tôn giáo Hải Dương trong các thế kỉ XVI – XIX có bước phát triển mới như thế nào?

Phật giáo

Thế kỉ XVII – XVIII, bên cạnh các tín ngưỡng truyền thống tiếp tục được duy trì, đạo Phật ở Hải Dương phát triển trong bối cảnh chung của cả nước là chấn hưng Phật giáo. Nhiều ngôi chùa lớn được trùng tu tôn tạo như: chùa Giám (huyện Cẩm Giàng); chùa Côn Sơn, chùa Thanh Mai (thành phố Chí Linh); chùa Động Ngộ (thành phố Hải Dương)... đều được tôn tạo trong thời kì này. Phật giáo phát triển rộng trong dân chúng, tạo nên triết lí sống của nhân dân.



Hình 11. Chùa Nhãm Dương
(phường Duy Tân, thị xã Kinh Môn)

Thế kỉ XVII, Hải Dương trở thành chốn tổ của thiền phái Tào Động. Thiền sư Thuỷ Nguyệt Thông Giác tu tập tại Trung Quốc, trở thành vị tổ thứ 36 của thiền phái Tào Động. Trở về nước, thiền sư tu ở chùa Thánh Quang (thôn Nhãm Dương, xã Duy Tân, huyện Kinh Môn) và trở thành thuỷ tổ của phái Tào Động tại nước ta. Phái Tào Động phát triển ở Hải Dương, sau đó lan toả vào Đàng Trong.

Handwritten signature or mark.

Đến triều Nguyễn, chính sách đối với Phật giáo bị hạn chế do việc đề cao Nho giáo. Tuy nhiên, do sự tiếp nhận của nhân dân, nên đạo Phật được phát triển sâu rộng tới các làng xã ở Hải Dương. Hầu hết chùa ở các địa phương đều được trùng tu, tôn tạo ở giai đoạn này.

Trong các thế kỉ XVI – XIX, tư tưởng tam giáo đồng nguyên và sự giao thoa với tín ngưỡng dân gian tiếp tục được duy trì ở vùng đất xứ Đông.

Thiên chúa giáo

Thế kỉ XVI, Thiên chúa giáo từng bước được truyền vào vùng đất Hải Dương. Năm 1630, xứ đạo Kẻ Sặt (huyện Bình Giang) được thành lập, thu hút được hầu hết cư dân của làng theo Công giáo, đưa đến sự hình thành làng Công giáo Kẻ Sặt.

Năm 1667, hai giáo phận Đàng Ngoài và Đàng Trong được thiết lập ở Việt Nam, Kẻ Sặt trở thành trung tâm Thiên chúa giáo của địa phận Đông Bắc ở Đàng Ngoài.



Hình 12. Nhà thờ giáo xứ Kẻ Sặt (huyện Bình Giang)

Từ sau năm 1630, các xứ và họ đạo dần được hình thành ở các phủ, huyện trong tỉnh. Nhiều nhà thờ Công giáo lớn được xây dựng trên vùng đất Hải Dương trong các thế kỉ XVII – XIX như: nhà thờ Kẻ Sặt (huyện Bình Giang), nhà thờ Hải Dương (đường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương), nhà thờ Mỹ Động (phường Hiến Thành, thị xã Kinh Môn). Trong suốt quá trình phát triển, đồng bào Công giáo ở các xứ đạo Hải Dương luôn thể hiện tinh thần yêu nước, thực hiện lối sống “tốt đời đẹp đạo”.

2 Giáo dục, khoa cử

U *Giáo dục của Hải Dương trong các thế kỉ XVI – XIX đã đạt những thành tựu như thế nào?*

Dưới triều Mạc (1527 – 1592), giáo dục được chú trọng phát triển ở cả kinh đô Thăng Long và vùng đất Dương Kinh – kinh đô thứ hai của vương triều. Bên cạnh các trường học tại kinh đô, triều đình còn cho xây dựng và mở rộng hệ thống trường công ở cấp phủ. Vùng đất Dương Kinh có nhiều trường học, nên giáo dục ở vùng đất Hải Dương rất phát triển. Triều Mạc tổ chức 22 khoa thi, lấy đỗ 485 người, trong đó Hải Dương có 122 người.



Hình 13. Tinh Phi cổ tháp được phục dựng năm 2018 (thành phố Chí Linh)

Nguyễn Thị Duệ còn có tên là Nguyễn Thị Ngọc Du, Nguyễn Thị Ngọc Toàn, hiệu là Diệu Huyền, tên vua ban là Tinh Phi (tức Sao Sa). Bà sinh vào cuối thế kỷ XVI, trong một gia đình hiếu học. Bà đỗ Tiến sĩ dưới triều Mạc và là nữ Tiến sĩ đầu tiên trong lịch sử phong kiến Việt Nam.

Triều Lê trung hưng (1533 – 1789), nhà nước tiếp tục duy trì và củng cố hệ thống trường học các cấp và mở rộng hệ thống trường công tới cấp huyện. Bên cạnh đó, hệ thống trường học, lớp học tư của các danh nho được phát triển rộng đến các làng xã. Trong 68 khoa thi (từ khoa thi đầu tiên năm 1580 đến khoa thi cuối cùng năm 1787), triều đình lấy đỗ 717 tiến sĩ, trong đó có 137 tiến sĩ người Hải Dương.

Từ thế kỷ XIX, triều Nguyễn đặt chức quan trông coi việc học ở cả cấp tỉnh, cấp phủ và cấp huyện. Qua 27 khoa thi Hội (từ khoa thi đầu tiên năm 1822 đến khoa thi cuối cùng năm 1919), triều đình lấy đỗ 368 Phó bảng và Bảng nhãn trong đó có 16 người Hải Dương (xếp hàng thứ 9 trong số 19 trấn, tỉnh).



Hoàn thành bảng thành tựu tiêu biểu về văn hoá – giáo dục của Hải Dương trong các thế kỉ XVI – XIX.

Lĩnh vực	Thành tựu



1. Giới thiệu về một nhà thờ Công giáo ở Hải Dương mà em biết.
2. Sưu tầm chuyện kể về những nhà khoa cử từ thế kỉ XVI đến năm 1919 tại huyện, thành phố, thị xã nơi em đang sống.

Handwritten signature

THÀNH ĐÔNG TRONG LỊCH SỬ CỦA VÙNG ĐẤT HẢI DƯƠNG

Mục tiêu

- Trình bày được sự hình thành của Thành Đông tại trung tâm trấn Hải Dương.
- Đánh giá được vai trò của Thành Đông đối với lịch sử Hải Dương.
- Xác định, giới thiệu được vị trí của Thành Đông xưa trên vị trí địa lí của thành phố Hải Dương hiện nay.



Logo của thành phố Hải Dương

Handwritten signature

LỊCH SỬ VÀ CẤU TRÚC THÀNH ĐÔNG



Năm 1802, nhà Nguyễn được thành lập trong bối cảnh các nước phương Tây đang ráo riết thực hiện xâm lược thuộc địa, vì vậy phòng thủ đất nước là nhiệm vụ được các vị vua triều Nguyễn đặt lên hàng đầu, trong đó, giải pháp đầu tiên là xây dựng, củng cố các thành trì tại kinh đô và các địa phương. Ngay sau khi lên ngôi, vua Gia Long cho đặt Bắc Thành gồm 11 trấn phía bắc, Hải Dương là một trong số năm trấn của Bắc Thành và được coi là vùng đất trọng yếu để trấn giữ mặt biển phía Đông của kinh thành.

Trước năm 1804, vùng đất ngã ba sông Kẻ Sặt và sông Thái Bình vẫn còn là vùng đất hoang vu, nhiều ao đầm và ruộng trũng. Dân cư trong vùng chỉ có một vài thôn xóm nhỏ, chủ yếu sống bằng nghề chài lưới và cấy lúa nước.

Vậy, sự hiện diện của Thành Đông từ năm 1804 đã đưa đến những biến đổi gì của vùng đất Hải Dương?



1 Lịch sử hình thành Thành Đông (trấn thành Hải Dương)



Thành Đông được xây dựng như thế nào?

Năm 1804, vua Gia Long cho dời lỵ sở của trấn Hải Dương từ Mao Điền (Cẩm Giàng) về Hàm Giang đồng thời cho xây dựng thành trấn của quốc gia tại nơi này. Trấn thủ Hải Dương Trần Công Hiến là người thực hiện lệnh di chuyển trấn sở, cũng là người khởi công xây dựng trấn thành Hải Dương.



Hàm Giang thời kì này là vùng đất nằm ở vị trí ngã ba sông Kẻ Sặt và sông Hàm Giang (nay là sông Thái Bình), thuộc địa phận xã Hàm Giang, Hàm Thượng, Bình Lao, tổng Hàm Giang, huyện Cẩm Giàng thời Nguyễn. Vùng đất này là trung tâm của trấn Hải Dương (tỉnh Hải Dương từ năm 1831). Ngã ba sông Thái Bình và sông Kẻ Sặt là giao lộ quan trọng, nằm trên tuyến đường thuỷ huyết mạch, nối liền cửa biển Hải Phòng, Thái Bình đến Thăng Long. Vùng đất này chính là khu vực trung tâm của thành phố Hải Dương hiện nay.

Tư liệu 1

“Đất lệch về một bên ở xứ Bắc Kỳ dựa núi, bọc biển, hình thế vững vàng; núi cao có núi Yên Tử (Đông Triều); sông lớn có Hàm Giang, Lục Đầu. Mặt phía nam nội rộng đất bằng, đường sông như mắc cửi; mặt đông bắc núi cao biển rộng, thế đất hiểm trở, về việc phòng bị quan hệ rất nhiều. Đến như Nam Triệu, Đồ Sơn là khu sát biển, phía đông liền với Quảng Yên, khống chế lẫn nhau, thực là đất quan yếu ở bờ cõi mặt biển”.

(Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam nhất thống chí, tập 3, Nhà xuất bản Thuận Hoá, Huế, tr.451)

Tư liệu 2

“Hạt tỉnh Hải Dương, hai mặt Đông, Bắc giáp biển. Có nhiều cửa biển, dòng sông như mắc cửi, canh giữ không đâu quan yếu bằng tỉnh ấy. Tuy việc canh giữ bằng đường biển đã kỹ, nhưng việc canh giữ đường sông cũng không thể sơ lược”

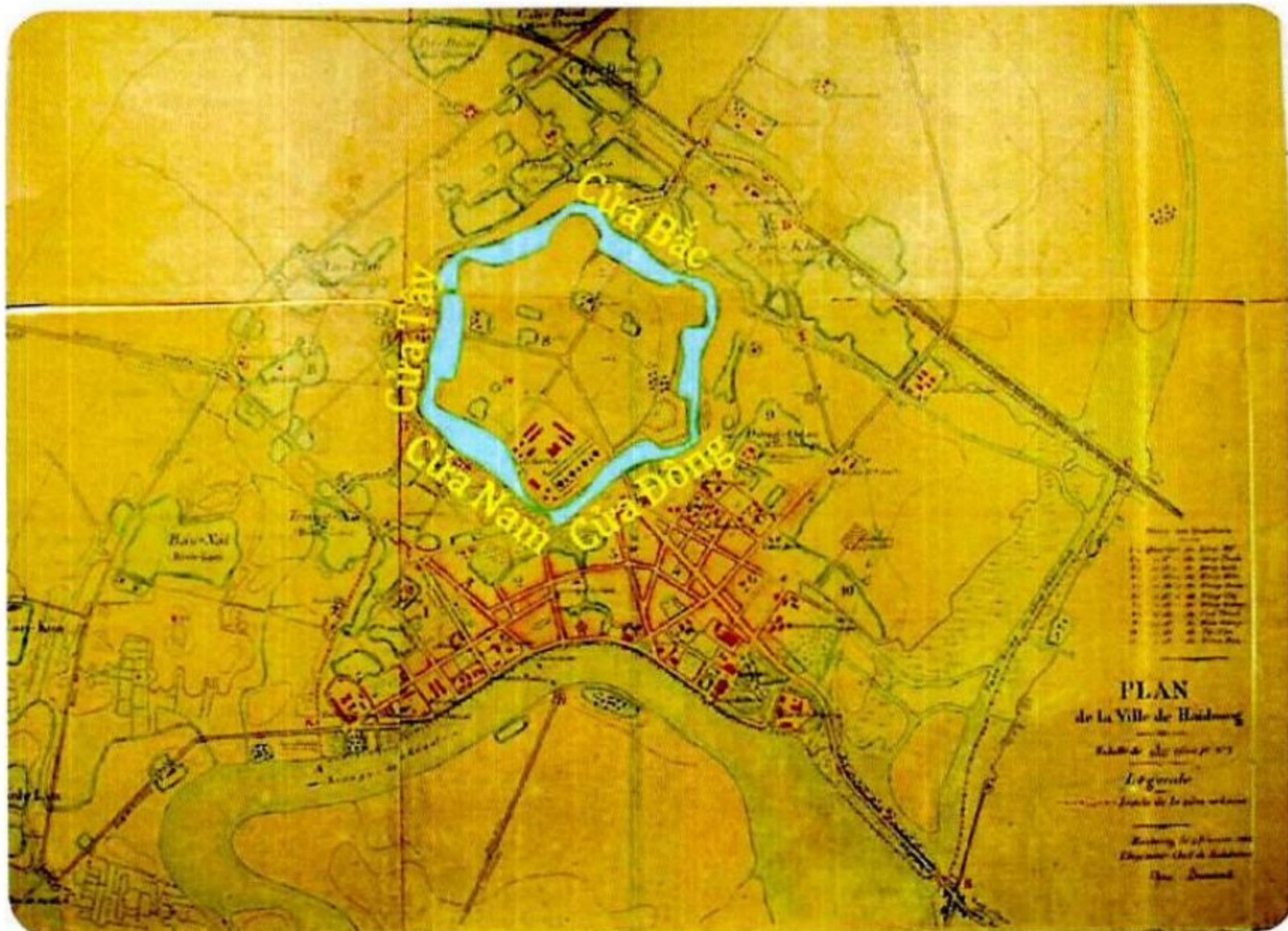
(Lời tâu của Nguyễn Tri Phương với vua Gia Long về tầm quan trọng của vị trí trấn thủ tại Hải Dương được ghi chép trong: Quốc Sử Quán triều Nguyễn (2007), Đại Nam thực lục, tập 7, NXB Giáo dục)

Việc lựa chọn vị trí xây thành, đặt trấn sở của Hải Dương không chỉ có ý nghĩa quyết định đến sự ổn định tình hình chính trị và phát triển kinh tế – xã hội của địa phương, mà còn có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ và phòng thủ đất nước.

Sự kiện đặt nền móng mới và xây dựng thành trì phòng thủ tại Hàm Giang năm 1804 đã đánh dấu cột mốc quan trọng và đặt nền móng cho sự ra đời và phát triển của Thành Đông, thị xã Hải Dương, thành phố Hải Dương sau này.

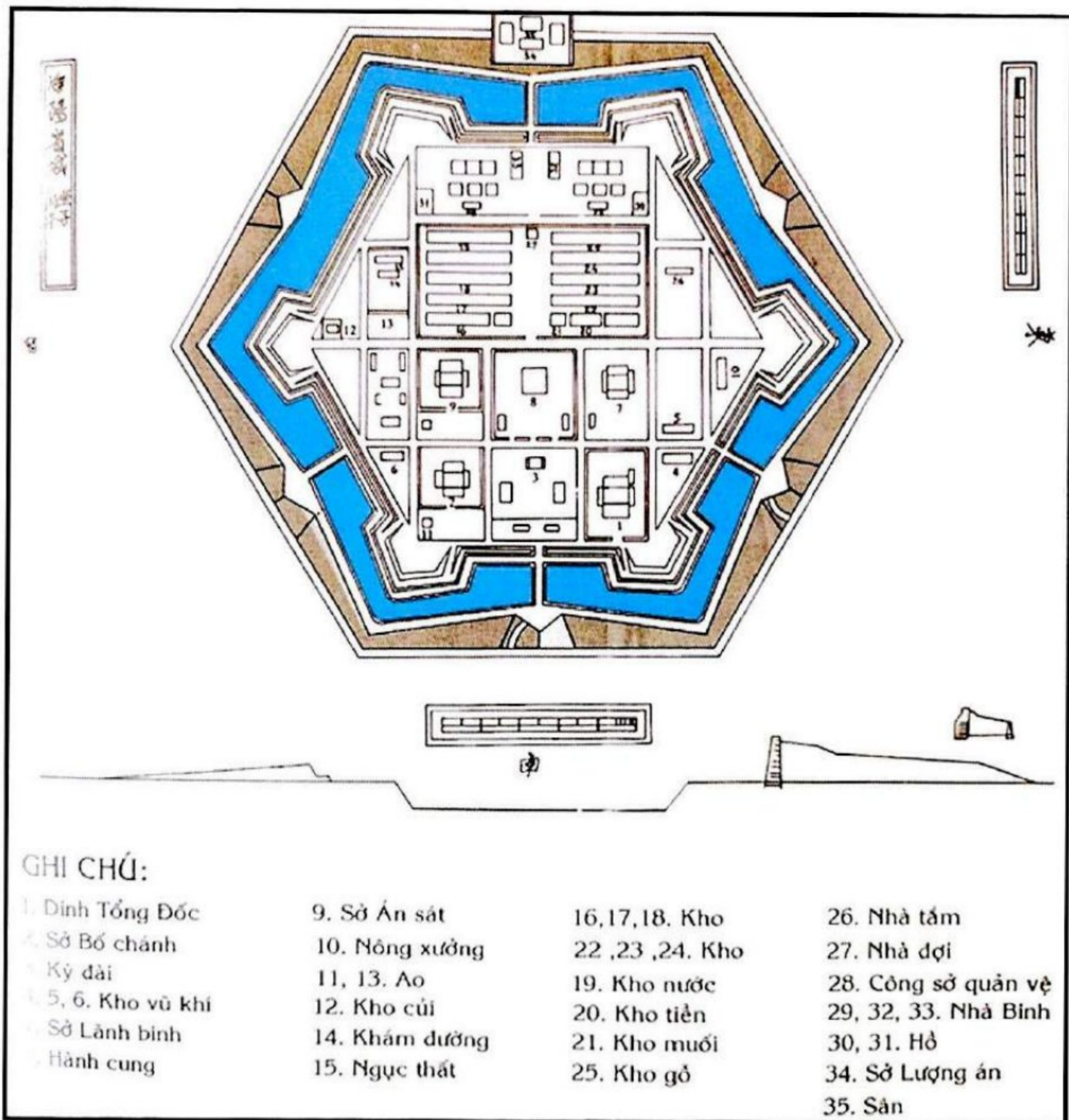
2 Cấu trúc của Thành Đông

Thành Hải Dương vừa là nơi ở và làm việc của bộ máy quan lại cấp tỉnh, vừa là một đồn binh quan trọng trấn giữ miền biên ải phía đông; là nơi tập hợp lực lượng binh lính để trấn áp các cuộc nổi dậy của các cuộc khởi nghĩa nông dân và là pháo đài phòng thủ trước các cuộc tấn công xâm lược của thực dân Pháp.



Hình 1. Bản đồ xác định vị trí của Thành Đông

Trung tâm của Thành Đông thuộc ngã tư giao cắt đường Nguyễn Trãi – Hoàng Hoa Thám, Nguyễn Trãi – Tuệ Tĩnh ngày nay. Cửa bắc của thành là cây cầu bắc qua Hào Thành trên đường Chi Lăng (sát công ti Dược phẩm). Cửa đông ở vào khoảng giữa Bưu điện tỉnh và Ngân hàng Công Thương, nhìn ra đường Phạm Hồng Thái. Cửa tây còn di tích cây cầu bắc qua Hào Thành trên đường Tuệ Tĩnh. Cửa nam thuộc khu vực sau Sở Công an trên đường Nguyễn Trãi ngày nay.



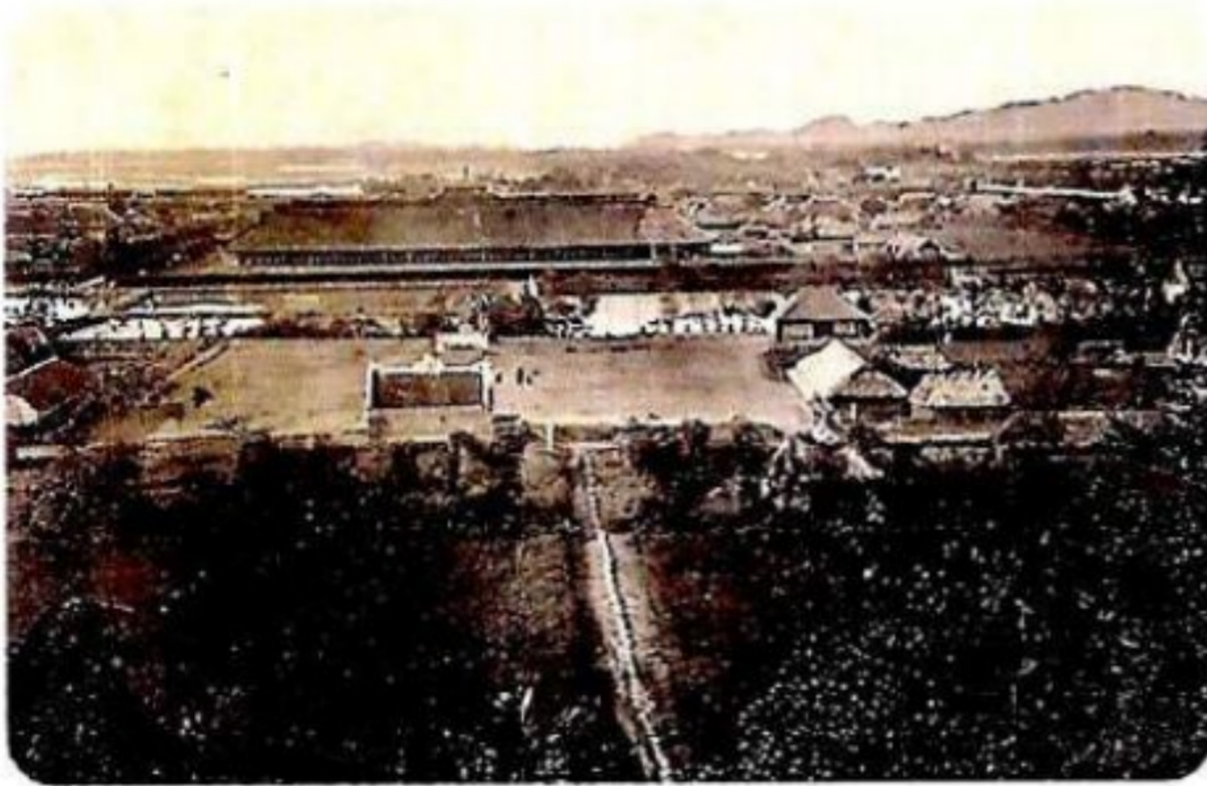
Hình 2. Cấu trúc của Thành Đông

Thành Hải Dương được xây dựng theo kiến trúc của thành Hà Nội, Nam Định, Bắc Ninh, Sơn Tây,... cùng thời kì. Thành có hình lục lăng, được bao bọc bởi ba vòng thành với hệ thống thành cao, hào sâu bảo vệ. Hào thành nối với sông Kẻ Sặt và sông Thái Bình cũng chính là đường thủy quan trọng để tiếp tế lương thực, vũ khí cho binh sĩ trong thành; là đường liên lạc nối Thăng Long và các trấn thành khác.

Handwritten signature



Cấu trúc của Thành Đông gồm thành nội, hệ thống công đường và hệ thống kho. Thành nội có hình lục giác đều, có 6 góc thành nhô ra phía ngoài. Bên trong thành nội có xây dựng hệ thống công đường (là nơi làm việc của bộ máy quan lại cấp tỉnh). Hệ thống kho gồm: 12 kho thóc, 2 kho tiền, 1 kho muối, 1 kho thuốc súng, 1 kho binh khí,...² Thành Đông có 4 cửa (Bắc, Nam, Đông, Tây), ở phía ngoài 4 cổng thành được đắp thêm 4 thành phụ gọi là Dương Mã thành (thành ngoài). Phía ngoài Dương Mã thành lại có một lớp thành đất bao bọc xung quanh gọi là la thành. Ngăn cách giữa mỗi lớp thành là một hệ thống hào rộng và sâu, được nối thông với sông Kẻ Sặt và sông Thái Bình.



Hình 3. Toàn cảnh Thành Đông xưa



Hình 4. Một cổng của Thành Đông

Với cấu trúc kiên cố, thành Hải Dương giữ vai trò là một pháo đài phòng thủ, một đồn binh trọng yếu có nhiệm vụ trấn giữ vùng biên ải phía đông của kinh thành Thăng Long.



1. Hãy hoàn thành nội dung thông tin về lịch sử Thành Đông tại cột B.

A	B
Thời gian xây dựng Thành Đông	
Vị trí xây dựng Thành Đông	
Người phụ trách khởi công xây dựng Thành Đông	
Nhiệm vụ của Thành Đông	

2. Tại sao đầu thế kỷ XIX, nhà Nguyễn xây dựng trấn thành Hải Dương tại Hàm Giang?



Hãy sưu tầm hình ảnh và giới thiệu về trấn thành Hải Dương thế kỷ XIX.

VAI TRÒ CỦA THÀNH ĐÔNG VỚI LỊCH SỬ HẢI DƯƠNG



Từ một thành trì quân sự, hành chính được khởi lập năm 1804 với mục tiêu trấn giữ vùng biên ải phía Đông, theo dòng thời gian, Thành Đông đã không ngừng phát triển và trở thành trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá của Hải Dương trong suốt chiều dài lịch sử từ thế kỉ XIX đến nay.

Đô thị cổ Hải Dương đã được ra đời và phát triển như thế nào? Tại sao Thành Đông trở thành biểu tượng của Hải Dương?

1 Sự xuất hiện của đô thị Hải Dương

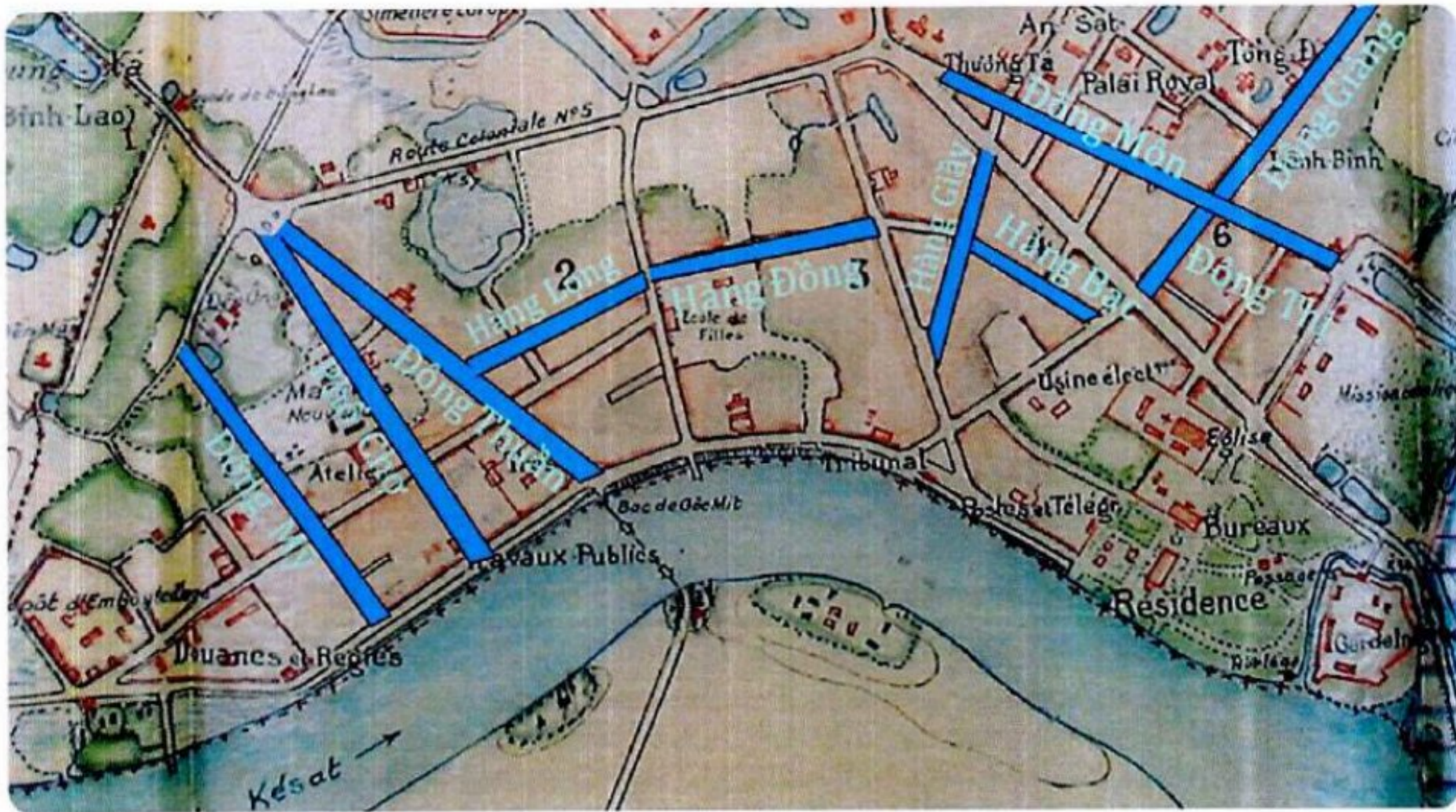


Đô thị tại Hải Dương được ra đời như thế nào?

Cùng với vai trò là một trấn thành, Thành Đông cũng là một trung tâm hành chính – chính trị, nơi ở và làm việc của bộ máy quan lại cấp tỉnh của trấn Hải Dương (từ năm 1804 – 1830) và tỉnh Hải Dương sau năm 1831.

Trên cơ sở yếu tố “đô” được thiết lập và củng cố, đã đưa đến sự xuất hiện yếu tố “thị”. Việc xây dựng thành Hải Dương đã thúc đẩy, đưa đến sự tập trung cư dân ở khu vực ngoài thành, ven sông Kẻ Sặt, hình thành nên một trung tâm sản xuất và buôn bán hàng hoá với các đường phố, các cửa hàng, chợ, bến sông tấp nập, gọi là Đông Kiều Phố.

² Viện Sử học Việt Nam (1998), *Khâm Định Việt sử Thông giám cương mục*, tập 13, tr.187.



Hình 5. Lược đồ Đông Kiều Phố



Đông Kiều Phố là một khu dân cư sinh sống và buôn bán ở ven sông Ké Sắt (phía đông của Thành Đông) gồm các phố cổ như: phố Hàng Giày (nay là phố Sơn Hoà); phố Hàng Bạc (nay là Xuân Đài); phố Hàng Đồng (nay là Đồng Xuân); phố Hàng Lọng (nay là Tuy An); phố Đông Thuần (nay là Tuy Hoà); phố Đông Mỹ (nay là Bùi Thị Cúc); phố chợ (nay là Ngân Sơn); phố Đông Thị và Đông Giàng (nay là Quang Trung); phố Đông Môn (nay là Phạm Hồng Thái). Hoạt động kinh tế chính tại Đông Kiều Phố là thủ công nghiệp và thương nghiệp. Đông Kiều Phố đã trở thành trung tâm thương nghiệp lớn ở khu vực đồng bằng Bắc Bộ.

Với việc xuất hiện của Thành Đông ở phía tây bắc và khu kinh tế – dân cư Đông Kiều phố ở phía đông nam đã tạo nên một tổng thể cấu trúc đô thị hoàn chỉnh, đó là cấu trúc “trong thành, ngoài thị” mang tính truyền thống của đô thị cổ Việt Nam, làm thay đổi hoàn toàn diện mạo của vùng đất ngã ba sông Ké Sắt và sông Thái Bình. Thành Đông và Đông Kiều Phố chính là các yếu tố thiết lập nên đô thị cổ Hải Dương và trở thành trung tâm của tỉnh Hải Dương.

2 Những chuyển biến về kinh tế, văn hoá của Hải Dương



Sự xuất hiện và phát triển của đô thị cổ Hải Dương đã tác động như thế nào đến kinh tế, văn hoá Hải Dương?

Về kinh tế

Trước khi thành Hải Dương được xây dựng, hoạt động kinh tế của cư dân ở khu vực này chủ yếu là trồng lúa và đánh cá. Cùng với sự hiện diện của Thành Đông là quá trình tập trung dân cư tạo nên Đông Kiều phố và đưa đến sự xuất hiện của nhiều nghề thủ công, sự ra đời của hoạt động buôn bán.

Do nhu cầu hàng hoá, những người thợ thủ công ở các địa phương trong tỉnh đã tụ về Đông Kiều phố vừa sản xuất, vừa buôn bán hàng hoá, tạo nên sự tập trung của nhiều nghề thủ công và những phố mang tên nghề nghiệp như Hàng Giấy, Hàng Bạc, Hàng Đồng...



Phố Hàng Giấy (nay là phố Sơn Hoà) là phố đóng giấy dép và làm các đồ bằng da của những người thợ người làng Trúc Lâm, Phong Lâm, Văn Lâm (huyện Gia Lộc) tập trung làm nghề. Phố Hàng Bạc (nay là phố Xuân Đài) là phố của những người thợ kim hoàn chuyên chế tác các mặt hàng vàng bạc từ Trâu Khê (huyện Bình Giang) và làng Đồng Sâm (nay thuộc huyện Kiến Xương, Thái Bình) vừa sản xuất, vừa bán hàng mà lập nên...

Bên cạnh sự phát triển các nghề thủ công, hoạt động buôn bán cũng ngày càng phát triển ở Đông Kiều phố, đặc biệt là buôn bán thóc gạo. Sự phát triển của kinh tế thủ công nghiệp và thương nghiệp đã góp phần làm cho đô thị Hải Dương trở thành đô thị lớn trong vùng, đồng thời có tác động tích cực, thúc đẩy sự phát triển của kinh tế nông nghiệp và thủ công nghiệp của Hải Dương.

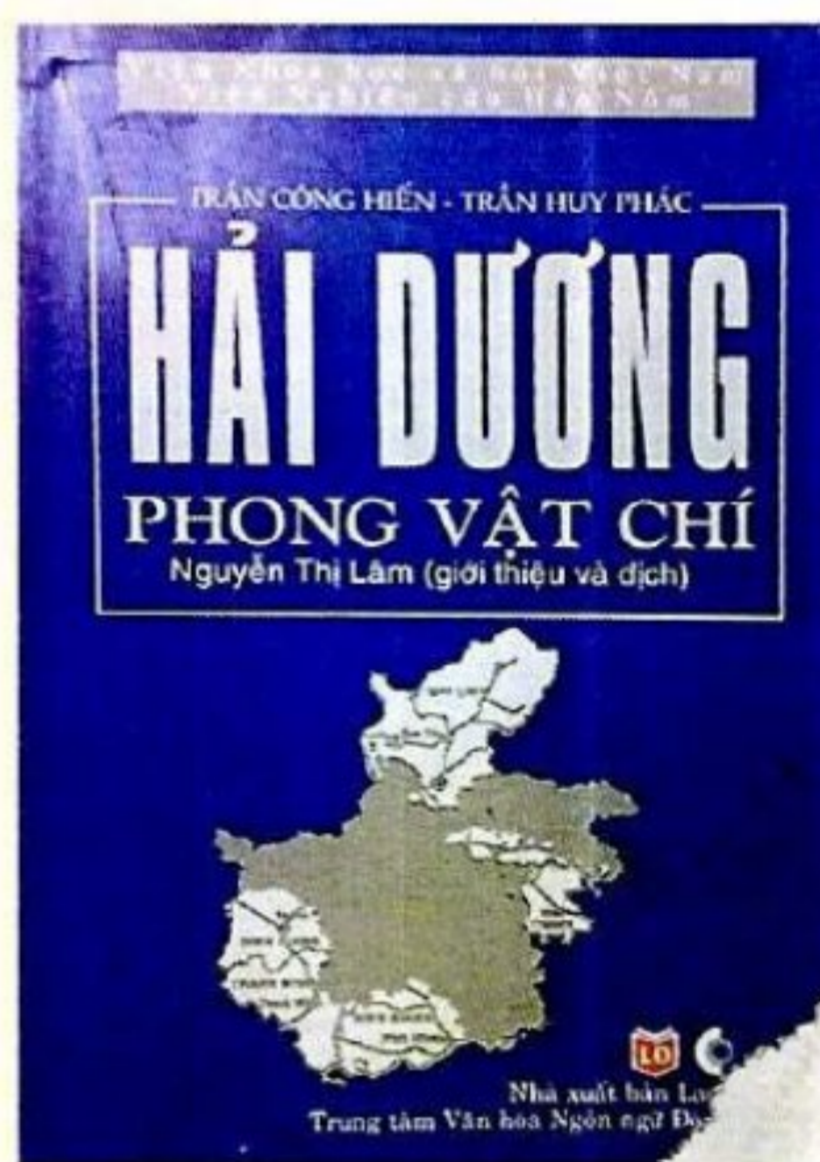
Về văn hoá

Trong suốt 80 năm (1804 – 1883), với vai trò là trung tâm chính trị – kinh tế – văn hoá của tỉnh, cùng với sự phát triển kinh tế, hoạt động văn hoá, giáo dục trong đô thị Hải Dương cũng được chú trọng và có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển.

Việc xây dựng Hải học đường và xuất bản các tác phẩm Hán Nôm nổi tiếng như Bạch Vân am thi tập, Hải Dương phong vật chí,... Hải học đường đã có những đóng góp to lớn trong việc giữ gìn, truyền bá giá trị văn hoá của dân tộc và đào tạo nhân tài cho đất nước nói chung, Hải Dương nói riêng. Sự ra đời và các hoạt động của Hải học đường đã góp phần tích cực vào sự phát triển của văn hoá Hải Dương thời kỳ này. Những ấn phẩm của Hải học đường được xuất bản đã giúp nhân dân được mở mang hiểu biết về giá trị văn hoá dân tộc; nội dung, quy chế giáo dục của nhà nước và những kiến thức khoa học, kĩ thuật,...



Hải Dương phong vật chí là tác phẩm của Hải Học đường Hải Dương do Trần Huy Phác soạn theo chủ trương của Trần Công Hiến là cuốn sách nổi tiếng có giá trị, ghi chép công phu tỉ mỉ về Hải Dương, bao hàm đủ các lĩnh vực như địa lí vùng đất, thể sông, thể núi, phong tục tập quán, văn hoá, kinh tế, các nghề thủ công,...



Kết nối di sản

Cùng với công cuộc xây dựng thành Hải Dương, nhà nước phong kiến đã xây dựng các công trình văn hoá, giáo dục khác như: Trường học tỉnh Hải Dương thuộc địa phận hai xã Hàm Giang và Bình Lao; miếu Hội Đồng trên địa phận xã Hàm Thượng thờ hệ thống thần linh ở địa phương; đàn Xã Tắc trên địa phận xã Hàm Giang thờ thần Đất và thần Lúa; miếu Thành Hoàng trên địa phận xã Hàm Thượng thờ vị thần giữ thành... Các công trình này nằm ngoài thành, tạo thành một vành đai bao quanh thành và phục vụ cho các nghi lễ hằng năm của quan quân và nhân dân địa phương.

Trấn thành Hải Dương được xây dựng đã đánh dấu sự ra đời của một trung tâm hành chính, chính trị, quân sự của tỉnh. Qua tiến trình lịch sử, Thành Đông đã trở thành biểu tượng lịch sử, văn hoá của vùng đất Hải Dương.



Hình 6. Biểu tượng Thành Đông tại cửa ngõ thành phố Hải Dương



Hình 7. Trung tâm thành phố Hải Dương



Hình 8. Chương trình "Ánh sáng Thành Đông" chào mừng thành phố Hải Dương lên đô thị loại I năm 2019



1. Trình bày những nét chính về sự ra đời của Thành Đông và Đông Kiều Phố.
2. Đánh giá vai trò của Thành Đông đối với lịch sử, văn hoá tỉnh Hải Dương.



Đóng vai một hướng dẫn viên du lịch, giới thiệu về lịch sử Thành Đông.

Handwritten signature

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

ĐI TÌM DẤU TÍCH CỦA THÀNH ĐÔNG VÀ ĐÔNG KIỀU PHỐ

1. Bước 1. Giáo viên giới thiệu, chia nhóm, thống nhất kế hoạch về thời gian, cách thức trải nghiệm và giao nhiệm vụ cho các nhóm

Nhóm 1. Thiết kế phục dựng cổng thành Hải Dương: Sử dụng bìa hoặc xốp để cắt dán, hoặc vẽ hình ảnh cổng thành Hải Dương; giới thiệu về lịch sử thành Hải Dương.

Nhóm 2. Xác định vị trí các cổng thành Hải Dương gắn với các vị trí hiện nay của thành phố Hải Dương (có thể xác định trên bản đồ hoặc chụp ảnh thực địa); giới thiệu về lịch sử thành Hải Dương.

Nhóm 3. Lập poster giới thiệu về các phố cổ tại thành phố Hải Dương (tên phố xưa và; lịch sử hình thành; sản phẩm nghề và những dấu tích, văn bia...).

Nhóm 4. Vẽ sơ đồ tư duy hoặc tạo poster; thuyết trình về vai trò của Thành Đông với lịch sử Hải Dương.

2. Bước 2. Giáo viên tổ chức cho các nhóm trải nghiệm, sưu tầm hình ảnh, tư liệu; thiết kế và hoàn thành sản phẩm học tập.

3. Bước 3. Giáo viên tổ chức cho các nhóm báo cáo sản phẩm học tập và trao đổi thảo luận các vấn đề đặt ra.

4. Bước 4. Giáo viên phân tích, đánh giá kết quả trải nghiệm của từng nhóm và kết luận.

CHỦ ĐỀ 3

DẤU ẤN VĂN HOÁ PHƯƠNG TÂY (THẾ KỈ XVI – XX) TẠI HẢI DƯƠNG

Mục tiêu

- Nhận diện được những dấu ấn văn hoá phương Tây (về văn hoá, giáo dục, kiến trúc, giao thông) tại Hải Dương từ thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX.
- Nhận xét được giá trị của sự tiếp thu văn hoá phương Tây, ý nghĩa của những dấu ấn văn hoá phương Tây tại Hải Dương.
- Trải nghiệm, tìm hiểu và giới thiệu được một số những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Hải Dương có ảnh hưởng từ phương Tây.



Cầu Phú Lương, thành phố Hải Dương

Handwritten signature

TÌM HIỂU DẤU ẤN VĂN HOÁ PHƯƠNG TÂY (THẾ KỈ XVI – XX) TẠI HẢI DƯƠNG



Trong các thế kỉ XVI – XX, qua quá trình giao lưu kinh tế và truyền đạo của các nước phương Tây, đặc biệt qua công cuộc xâm lược, khai thác thuộc địa của nước Pháp, sự giao thoa văn hoá đã diễn ra mạnh mẽ. Với vị trí là một cửa ngõ phen giậu, là trấn thủ của đất nước, Hải Dương là vùng đất sớm được các nước phương Tây tiếp xúc, truyền đạo từ thế kỉ XVI; là nơi Pháp thực hiện đánh chiếm từ lần đầu tiên đưa quân ra xâm lược Bắc Kỳ năm 1873 và chính thức thiết lập bộ máy cai trị từ năm 1883. Trong suốt quá trình đó, các yếu tố văn hoá phương Tây từng bước du vào vùng đất Hải Dương, tạo nên những sắc thái mới trong văn hoá địa phương.

Hãy chia sẻ những dấu ấn văn hoá phương Tây trong các thế kỉ XVI – XX tại Hải Dương mà em biết.

1 Về chữ viết và giáo dục



Dấu ấn về chữ viết và giáo dục phương Tây trong các thế kỉ XVI – XX được lưu lại như thế nào tại Hải Dương?

Trong những năm cuối thế kỉ XIX, bên cạnh nền giáo dục phong kiến, dạy và học chữ Hán, chữ Nôm, Hải Dương bắt đầu xuất hiện việc học tiếng Pháp và xuất hiện các cơ sở giáo dục dạy tiếng Pháp.



Năm 1897, một số quan chức tỉnh Hải Dương cùng với một số quan chức, trí thức người Pháp đã thành lập Hội Tương trợ giáo dục tỉnh Hải Dương (gọi là Hội Trí tri). Hội đã lập ra một trường tư thục (Tân học đường) gọi là Trường Trí tri tại hội sở của Hội. Đây là trường theo tân học đầu tiên của tỉnh, dạy chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp cho những người lớn tuổi đã biết chữ Hán. Minh chứng về di tích này là tấm bia Hội Trí tri Hải Dương trong khuôn viên của Trường Trung học cơ sở Ngô Gia Tự, thành phố Hải Dương hiện nay.

Mặt trước của văn bia được khắc bằng chữ Hán, có nội dung chính như sau: Tỉnh Hải Dương ngày xưa gọi là Hải Đông, là một trọng trấn của cả nước. Hải Đông vốn có truyền thống hiếu học lâu đời. Từ những người vốn được ăn học dựng lên một toà nhà mới (tân học đường), gọi là Trí tri học sở. Mục đích của hội Trí tri là khuyến khích người học, đầu tiên là học để biết, rồi biết tường tận do được biết nguyên lí sự vật...



Hình 1. Mặt trước tấm bia Hội Trí Tri (tại trường Trung học cơ sở Ngô Gia Tự, thành phố Hải Dương)



Hình 2. Mặt sau tấm bia Hội Trí tri (tại trường Trung học cơ sở Ngô Gia Tự, thành phố Hải Dương)

Mặt sau của bia được khắc bằng chữ Pháp và chữ Quốc ngữ về những thành viên của Hội: "Hội hỗ trợ giáo dục tỉnh Hải Dương, thành lập năm 1897. Chủ tịch danh dự của hội là vị Công sứ thị trưởng thành phố Bút-xê (Alfred - Bouchet)..."

Tên của 11 hội viên danh dự gồm những người Pháp, người Việt có chức sắc còn đương chức (Công sứ Bút-xê, Tổng đốc Nguyễn Văn Bân, Án sát Nghiêm Thuý Ứng, Thư kí thành phố Văng-đec-ca, Bác sĩ Đờ-vi) và những người đã nghỉ hưu (Công sứ Đờ-vi, Tổng đốc Từ Đạm, Tuần phủ Nguyễn Huy Tường).

Handwritten signature or mark.

Đầu thế kỉ XX, chính quyền thuộc địa cho xây dựng một trường Tiểu học Pháp – Việt (tức trường Nam Tiểu học tại vị trí trường Tiểu học Tô Hiệu ngày nay), trường Pháp – Việt ở Ninh Giang và trường nữ Tiểu học Hải Dương (nay là Trường Tiểu học Võ Thị Sáu).



Từ năm 1905, chính quyền đô hộ Pháp thực hiện chương trình giáo dục ở Việt Nam thuộc địa: mở hệ thống trường Tiểu học Pháp – Việt tại các tỉnh lỵ và phủ huyện lớn, chương trình Tiểu học được học bằng tiếng Pháp. Học hết Tiểu học, học sinh sẽ vào học tại trường Quốc học (Huế) hay trường Bảo hộ (Hà Nội).

Trường nam Tiểu học (còn gọi là trường Tiểu học Pháp – Việt). Trường do cả giáo viên người Pháp và giáo viên người Việt giảng dạy. Học sinh được học bằng tiếng Pháp theo chương trình đào tạo của chính quyền Pháp.



Hình 3. Một góc trường Nam Tiểu học Hải Dương xưa (từng tồn tại ở trường Tiểu học Tô Hiệu, thành phố Hải Dương)

Các trường học Pháp – Việt tuy phục vụ cho mục đích cai trị của Pháp, song đã đào tạo được đội ngũ trí thức mới, tạo nên biến chuyển lớn trong giáo dục và xã hội Hải Dương. Bên cạnh đó, cũng qua giáo dục và giao thoa văn hoá, cách ăn mặc theo Âu phục và cắt tóc ngắn đã dần phổ biến tại Hải Dương.

1. Phân tích ý nghĩa của việc chính quyền thuộc địa Pháp mở trường dạy học và dạy bằng tiếng Pháp tại Hải Dương đầu thế kỉ XX.

2. Hãy giới thiệu một di tích hoặc một bảo vật ở Hải Dương là minh chứng về dấu ấn về chữ viết và giáo dục phương Tây cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX tại Hải Dương hiện nay.

2 Thiết kế đô thị, giao thông

Dấu ấn văn hoá phương Tây về thiết kế đô thị, giao thông ở Hải Dương được thể hiện như thế nào?

Để phục vụ quá trình khai thác thuộc địa, Pháp đã tập trung xây dựng hệ thống tuyến đường sắt và đường bộ. Nhiều tuyến đường quan trọng của Hải Dương được xây dựng trong thời kì này như: đường sắt và đường bộ (đường thuộc địa số 5) Hà Nội – Hải Phòng (đoạn qua địa bàn Hải Dương dài 45 km); ga Hải Dương; cầu Phú Lương; đường thuộc địa số 18 Hà Nội – Hòn Gai (đoạn qua địa phận Hải Dương dài 43 km); đường thuộc địa số 10 Nam Định – Hải Phòng (đoạn qua địa phận Hải Dương dài 10 km); đường sắt Ninh Giang – Cẩm Giàng,... Mạng lưới đường tỉnh lộ với tổng chiều dài tính đến năm 1918 là 386,25 km.³ Hệ thống đường giao thông này đã cải thiện đáng kể tình trạng giao thông vận tải ở Hải Dương và góp phần kết nối Hải Dương với các vùng lân cận.

Các đường phố trong đô thị Hải Dương được sửa sang với các tên gọi mới: Hàng Giày (Rue Des Cordonnier), Hàng Đồng (Rue du cuivre), Hàng Bạc (Rue des Changeurs), Hàng Lọng (Rue des parasols),...

³ Tư liệu Địa chí Hải Dương, Sự tiến triển của thành phố Hải Dương, Trích sách hướng dẫn của Madrolie "Miền Bắc Đông Dương – Bắc Kỳ", Nhà sách Hachette ấn hành năm 1923, Thư viện tỉnh Hải Dương năm 1998.



Hình 4. Cầu Phú Lương qua sông Thái Bình tới Hải Dương do Pháp xây dựng (1898 – 1902)



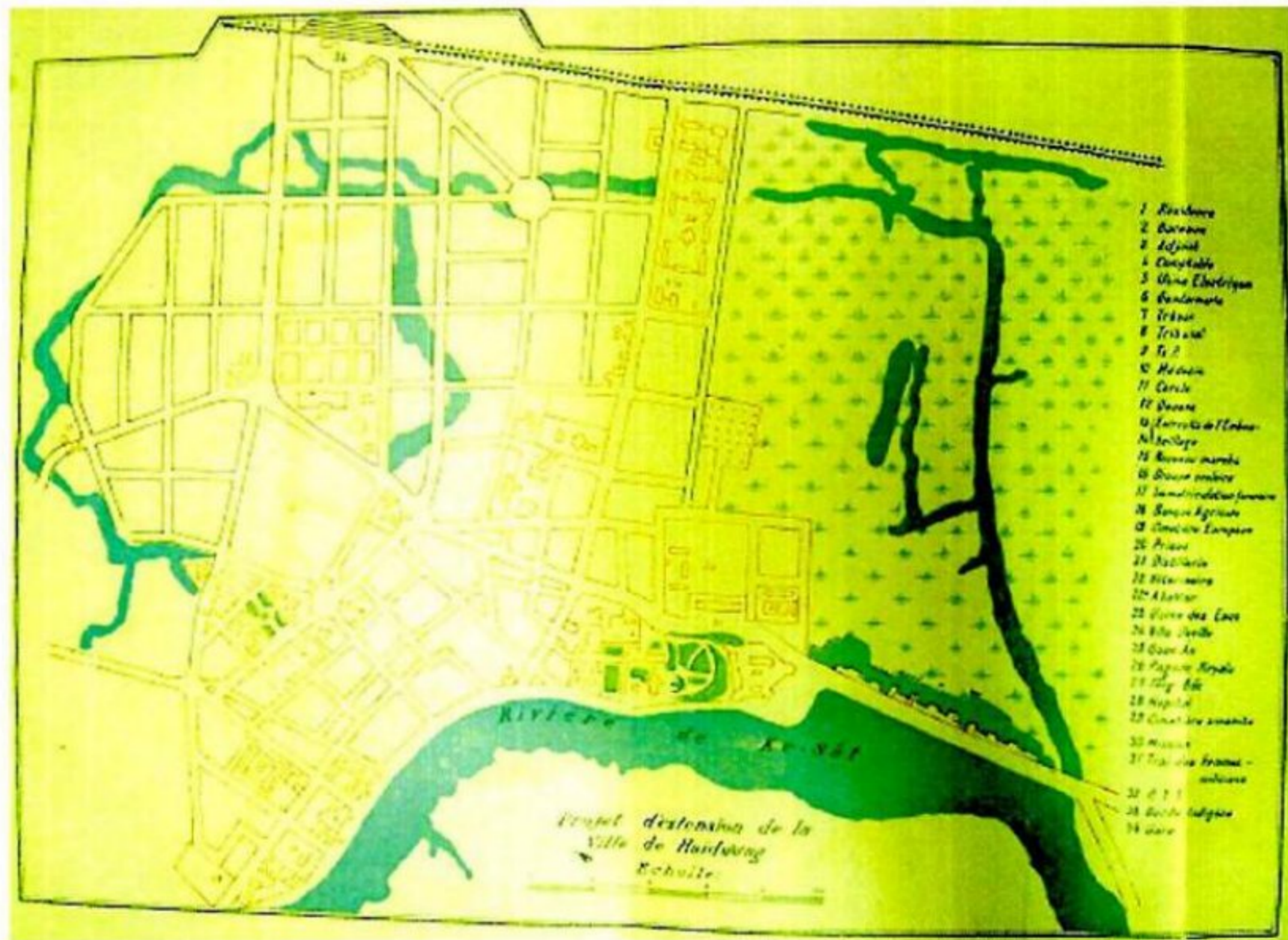
Hình 5. Nhà ga xe lửa tại Hải Dương do Pháp xây dựng năm 1899

Nguồn: Báo Hải Dương, ngày 23 – 10 – 2019

Handwritten signature



Hình 6. Các đường phố tại Hải Dương được thay thế bằng tiếng Pháp



Hình 7. Bản đồ dự án quy hoạch thành phố Hải Dương (1923 – 1927) của Pháp

Nguồn: Alfred Bouchet (1928), *L'essor de la ville de Hải Dương 1923 – 1927*,
Impr. Tonkinoise, Hà Nội.

Hệ thống đường giao thông do Pháp xây dựng đều được thiết kế khoa học, rộng rãi, có vỉa hè, cột đèn và hệ thống thoát nước quy củ, tạo nên diện mạo văn minh cho Hải Dương.

Handwritten signature or mark

?

1. Vì sao trong những năm cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX, chính quyền thuộc địa Pháp chú trọng đầu tư xây dựng hệ thống đường giao thông tại Hải Dương?
2. Việc xây dựng hệ thống đường sắt, đường bộ và thiết kế đô thị của Pháp cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX đã tác động như thế nào đến diện mạo Hải Dương?
3. Suy tầm hình ảnh, thơ, tác phẩm âm nhạc gắn với cầu Phú Lương, đường quốc lộ số 5 và giới thiệu về lịch sử, tầm quan trọng của cầu Phú Lương đối với Hải Dương nói riêng, cả nước nói chung.

3 Công trình kiến trúc

U

Kể tên những công trình kiến trúc tiêu biểu thể hiện dấu ấn phương Tây tại Hải Dương.

Từ năm 1892, chính quyền thuộc địa Pháp cho xây dựng một loạt các công trình tại Hải Dương: toà Công sứ, Dinh Phó sứ, trại lính Khố xanh, Sở Thuế quan, bưu điện, và khu văn phòng bên bờ sông Kẻ Sặt (gần chỗ giao nhau của sông Kẻ Sặt và sông Thái Bình – nay là đường Bạch Đằng của thành phố Hải Dương)⁴. Tất cả các công trình này đều được xây dựng theo phong cách kiến trúc Pháp.



Hình 8. Dinh Tổng Đốc xưa trên phố Quang Trung (nay thuộc trụ sở của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Dinh Tổng đốc được xây dựng năm 1889 tại khu phố Đông Quan (nay là phố Bắc Sơn) và được xây dựng lại năm 1924 trên phố Đông Giàng (nay là phố Quang Trung). Đây là nơi làm việc của viên Tổng đốc cũng là nơi sinh hoạt của gia đình viên Tổng đốc.

Kiến trúc của dinh duy trì gốc kiến trúc Việt là nhà ba gian, hai chái; trên mái có hai con rồng chầu mặt trời, song lại mang dáng kiến trúc Pháp (mái lợp ngói, hệ thống cửa cao thoáng, hệ thống cột trang trí cầu kì...).

⁴ Sở Lục bộ (Sở Giao thông); nhà Séc-tây (Sở Thể dục – Thể thao cũ), Kho bạc (Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh), dinh Phó sứ (Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch),...

Handwritten signature

Công sứ là chức quan cao nhất của chính quyền thuộc địa tại tỉnh, phụ trách mọi công việc cai trị cấp tỉnh. Toà công sứ vừa là cơ quan tổng hợp, vừa là cơ quan hành pháp và tư pháp của Công sứ cấp tỉnh, là cơ quan giúp việc trực tiếp cho Công sứ.

Toà Công sứ được xây dựng năm 1892 tại vị trí thoáng mát, có tầm nhìn đẹp ven sông Kẻ Sặt với kiến trúc Pháp là một hình ảnh biểu trưng cho chính quyền cai trị của Pháp tại Hải Dương.



Hình 9. Toà Công sứ Hải Dương xưa (Từng là Nhà khách Tỉnh uỷ Hải Dương)



Hình 10. Nhà thờ Giáo xứ Đại Lộ ở xã Hà Kỳ, Tứ Kỳ xây dựng năm 1904



Hình 11. Nhà thờ Công giáo trên đường Trần Hưng Đạo, thành phố Hải Dương

Hệ thống các công trình kiến trúc mang dấu ấn phương Tây, điển hình là dấu ấn văn hoá Pháp đã tạo nên một diện mạo mới cho đô thị và các địa phương ở Hải Dương.

?

1. Kể tên các công trình kiến trúc Pháp còn tồn tại trên đất Hải Dương.
2. Trong các công trình kiến trúc được chính quyền thuộc địa Pháp xây dựng tại vùng đất Hải Dương cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ X, công trình kiến trúc nào là phổ biến và rộng khắp nhất? Tại sao?
3. Sưu tầm hình ảnh và giới thiệu về một công trình kiến trúc được xây dựng cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ X có dấu ấn phương Tây tại huyện, thành phố; làng, xã nơi em sinh sống.

4 Các di sản văn hoá khác

Lối sống phương Tây ảnh hưởng vào vùng đất Hải Dương cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX được biểu hiện như thế nào?

Thế kỉ XIX – XX, lối sống phương Tây từng bước được du nhập vào xã hội, làm thay đổi phong tục, lối sống của một bộ phận dân cư ở Hải Dương, đặc biệt là ở đô thị. Cách ăn mặc theo Âu phục và cắt tóc ngắn ngày càng phổ biến. Bên cạnh hoạt động khám chữa bệnh bằng Đông y thì bệnh viện và phương pháp chữa bệnh bằng Tây y xuất hiện.



Hình 12. Dấu tích Nhà thương Hải Dương do chính quyền thuộc địa Pháp xây dựng được hoạt động từ năm 1906 (từng tồn tại trên phố Quang Trung, thành phố Hải Dương ngày nay)

Nguồn: Tỉnh uỷ Hải Dương, Địa chí Hải Dương tập III, trang 426

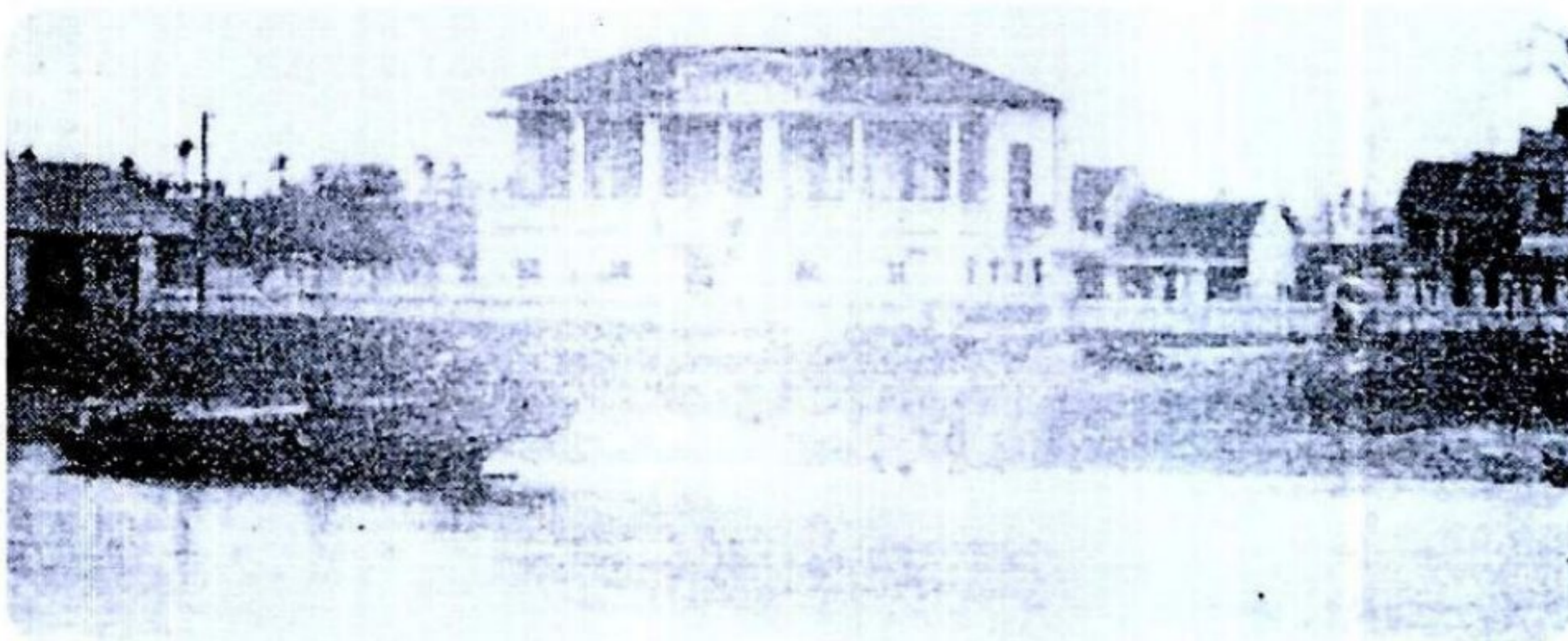
Sự xuất hiện của tháp nước đã đánh dấu bước phát triển mới của văn hoá Hải Dương: hệ thống nước sinh hoạt từ trong tự nhiên được lọc và dẫn về các hộ dân.



Hình 13. Tháp nước tại thành phố Hải Dương

Handwritten signature

Nhu cầu thể thao, giải trí và giao lưu văn hoá cũng được du nhập vào Hải Dương. Nhà séc Tây là Câu lạc bộ Pháp kiều được xây dựng (nay là cơ sở của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch trên đường Bạch Đằng). Câu lạc bộ có phòng chơi bóng bàn, phòng chơi bi-a, phòng khiêu vũ, phòng đọc sách báo và một thư viện nhỏ, bên trong có sân chơi tennis, sân chơi thể thao... Câu lạc bộ này đã dần thu hút đông đảo người Pháp làm việc ở Hà Nội, Hải Phòng, Phả Lại cùng về sinh hoạt.



Hình 14. Câu lạc bộ Pháp kiều Hải Dương (nhà séc Tây)

Nguồn: Alfred Bouchet (1928), *L'essor de la ville de Hải Dương 1923 – 1927*, Impr. Tonkinoise, Hà Nội

Sự xuất hiện của rạp chiếu bóng tại Hải Dương cũng là một minh chứng cho sự xuất hiện lối sống theo phương Tây vào vùng đất Hải Dương.



Hình 15. Rạp chiếu bóng do chính quyền đô hộ Pháp xây dựng đầu thế kỉ XX (nay thuộc đại lộ Hồ Chí Minh – thành phố Hải Dương)



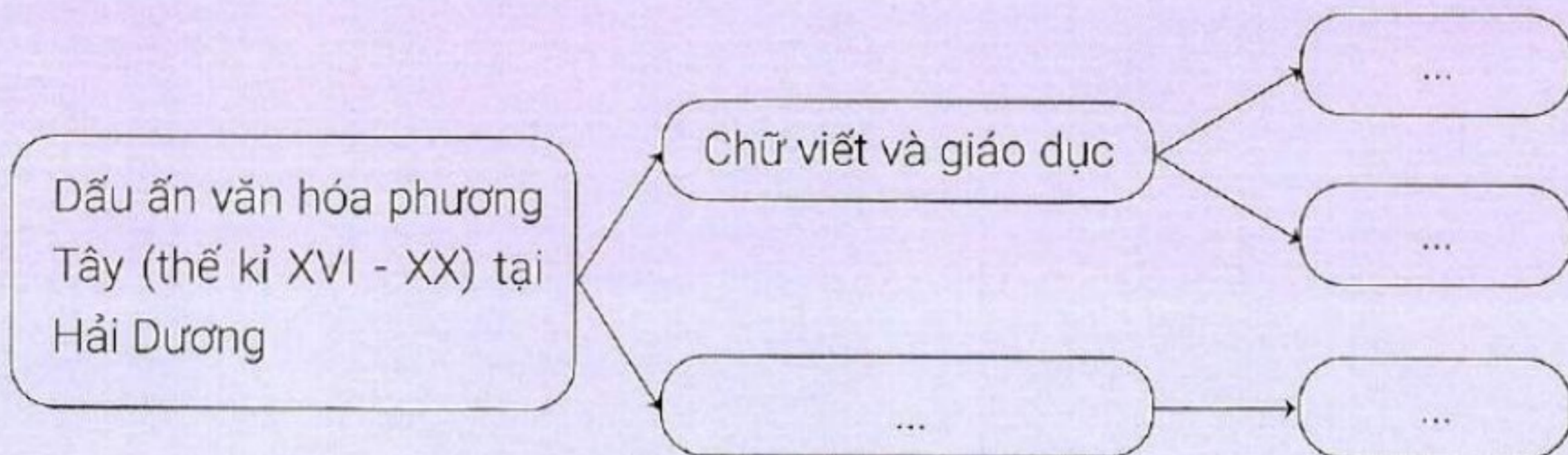
Hình 16. Rạp chiếu bóng Hoà Bình từng tồn tại trên đại lộ Trần Hưng Đạo ngày nay

?

1. Trong số các công trình văn hoá qua kênh hình 12, 13, 14, 15, 16, công trình nào còn tồn tại ở Hải Dương đến ngày nay?
2. Sự xuất hiện của bệnh viện, tháp nước và rạp chiếu bóng tại Hải Dương đầu thế kỉ XX có ý nghĩa như thế nào đối với văn hoá Hải Dương?



Lập sơ đồ về dấu ấn văn hoá phương Tây (thế kỉ XVI – XX) tại Hải Dương theo gợi ý:



Sưu tầm và giới thiệu về các di sản văn hoá khác tại quê hương em có mang dấu ấn phương Tây.

Handwritten signature

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

TÌM HIỂU VỀ DẤU TÍCH VĂN HOÁ PHƯƠNG TÂY (THẾ KỈ XVI – XX) TẠI HẢI DƯƠNG

1. Bước 1. Giáo viên giới thiệu, chia nhóm, thống nhất kế hoạch về thời gian, cách thức trải nghiệm và giao nhiệm vụ cho các nhóm

Nhóm 1. Trải nghiệm, tìm hiểu tấm bia Hội Trí tri tại trường THCS Ngô Gia Tự, thành phố Hải Dương; thuyết minh giới thiệu về nội dung, ý nghĩa của di sản đối với văn hoá, giáo dục Hải Dương.

Nhóm 2. Trải nghiệm, tìm hiểu về di tích cầu Phú Lương và ga đường sắt Hải Dương; thuyết minh giới thiệu về lịch sử xây dựng và giá trị của các công trình này đối với lịch sử, văn hoá Hải Dương.

Nhóm 3. Trải nghiệm, tìm hiểu toà nhà Dinh Tổng đốc xưa nằm trong khuôn viên của Ủy ban nhân dân tỉnh, số 45 Quang Trung, thành phố Hải Dương; chụp hình và giới thiệu về phong cách kiến trúc độc đáo, biểu hiện sự giao thoa văn hoá Việt – Pháp, Đông – Tây của toà nhà.

Nhóm 4. Trải nghiệm và tìm hiểu về dấu ấn văn hoá phương Tây qua các nhà thờ tại Hải Dương: tìm hiểu và giới thiệu về thời điểm xuất hiện đạo Công giáo; quá trình xây dựng nhà thờ; đặc trưng kiến trúc của nhà thờ và nhận xét về ý nghĩa của các dấu ấn văn hoá phương Tây đó với văn hoá Hải Dương.

2. Bước 2. Giáo viên tổ chức cho các nhóm trải nghiệm, sưu tầm hình ảnh, tư liệu; thiết kế và hoàn thành sản phẩm học tập.

3. Bước 3. Giáo viên tổ chức cho các nhóm báo cáo sản phẩm học tập và trao đổi thảo luận các vấn đề đặt ra.

4. Bước 4. Giáo viên phân tích, đánh giá kết quả trải nghiệm của từng nhóm và kết luận.

CHỦ ĐỀ 4

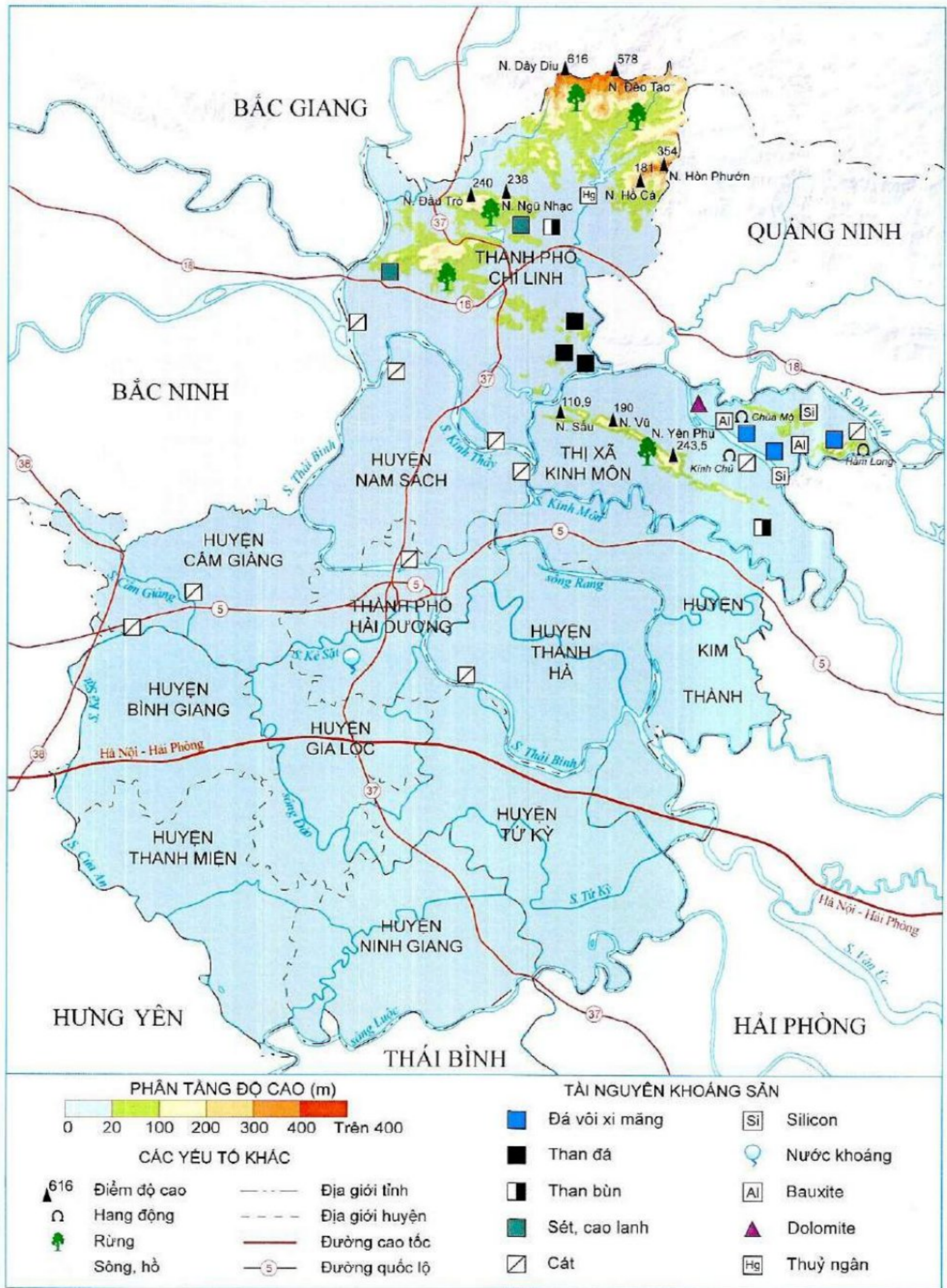
ĐẶC ĐIỂM CHUNG ĐỊA HÌNH VÀ ẢNH HƯỞNG CỦA SỰ PHÂN HOÁ ĐỊA HÌNH ĐỐI VỚI TỰ NHIÊN VÀ KHAI THÁC KINH TẾ

Mục tiêu

- Trình bày được đặc điểm chủ yếu của địa hình tỉnh Hải Dương.
- Trình bày được đặc điểm của các khu vực địa hình tại địa phương, nơi em sinh sống.
- Phân tích được ảnh hưởng của địa hình đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Hải Dương.
- Liên hệ về địa hình, ảnh hưởng của địa hình tại địa phương em.



Cảnh quan, địa hình tỉnh Hải Dương



Tỉ lệ 1 : 350 000

Hình 1. Lược đồ địa hình tỉnh Hải Dương



TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CHUNG ĐỊA HÌNH HẢI DƯƠNG



Địa hình của Hải Dương được hình thành là kết quả của quá trình địa chất từ rất sớm, trong môi trường khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa nên địa hình khá đa dạng: có diện tích đồi núi, có diện tích trung du và phần lớn diện tích là đồng bằng.

Em hãy kể tên một số dãy núi ở Hải Dương mà em biết.



1 Đặc điểm địa hình



Đọc thông tin, quan sát “Lược đồ địa hình tỉnh Hải Dương”, em hãy trình bày một số nét chính của đặc điểm địa hình tỉnh Hải Dương.

Hải Dương là tỉnh thuộc đồng bằng sông Hồng, địa hình có sự tương phản rõ nét giữa vùng đồi núi và vùng đồng bằng.

Địa hình ở Hải Dương khá đa dạng, bề mặt địa hình nghiêng từ phía bắc xuống phía nam và có sự khác biệt khá rõ nét giữa các khu vực địa hình. Độ cao địa hình giảm dần từ bắc – đông bắc về phía nam – tây nam.

Địa hình đồng bằng chiếm ưu thế, chiếm tới 84,15% diện tích đất tự nhiên, địa hình khá bằng phẳng, một số đồng bằng nhỏ, bị chia cắt, xen kẽ giữa các dãy núi.

Địa hình đồi núi chiếm tỉ lệ nhỏ khoảng 15,85% diện tích tự nhiên. Địa hình chủ yếu là đồi núi thấp, tập trung ở khu vực Đông Bắc của tỉnh, các dãy núi là ranh giới tự nhiên của Hải Dương với tỉnh Bắc Giang và tỉnh Quảng Ninh.

Nguồn gốc hình thành, bề mặt địa hình của Hải Dương chia thành bốn nhóm địa hình có nguồn gốc khác nhau: địa hình do bóc mòn, địa hình Karst, địa hình tích tụ và địa hình nhân sinh.

Trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với lượng mưa khá lớn và tập trung theo mùa làm cho địa hình bị xói mòn, chia cắt, trượt lở. Đặc biệt, với tác động của con người làm cho địa hình bị biến đổi, đồng thời tạo ra ngày càng nhiều các dạng địa hình nhân tạo như: đê, đập, hầm mỏ,...



Việc khai thác đá để sản xuất xi măng, vật liệu xây dựng đã làm cho địa hình bị biến đổi.

Hình 2. Hoạt động khai thác đá, thị xã Kinh Môn

Trong điều kiện nhiệt, ẩm dồi dào, lượng mưa trung bình năm khá lớn làm cho quá trình hoà tan đá vôi diễn ra mạnh mẽ đã tạo nên dạng địa hình Karst, với nhiều hang động đẹp.



Địa hình Karst của Hải Dương tập trung ở khu vực Nhị Chiểu, dãy núi Dương Nham (thị xã Kinh Môn) với khoảng 22 hang động khác nhau. Dạng địa hình Karst ở đây có nét độc đáo riêng, đáng chú ý là những khối đá sót lởm chởm đá tai mèo và hệ thống hang động thuộc khu di tích quốc gia. Trong đó, động Kính Chủ (hay còn gọi là động Dương Cốc) được mệnh danh là “Nam thiên đệ lục động”. Đây là khu vực không chỉ có giá trị về cảnh quan, danh thắng mà còn có giá trị khảo cổ, văn hoá, tôn giáo và kiến trúc nghệ thuật.

2 Các khu vực địa hình tự nhiên

2.1. Địa hình đồng bằng



Đọc thông tin, quan sát hình ảnh và “Lược đồ địa hình tỉnh Hải Dương”, em hãy xác định khu vực địa hình đồng bằng của Hải Dương.

Vùng đồng bằng chiếm phần lớn diện tích tự nhiên (khoảng 84,15%), thuộc lưu vực sông Thái Bình với độ cao trung bình từ 3 – 4 m. Vùng được hình thành do quá trình tự bồi đắp phù sa của sông Thái Bình và một phần của sông Hồng, địa hình tương đối bằng phẳng nhưng vẫn có sự chênh lệch, thấp dần từ phía bắc – đông bắc xuống phía nam.

Đồng bằng ở Hải Dương phân bố chủ yếu phía nam của thành phố Chí Linh, một phần thị xã Kinh Môn và các huyện, thành phố còn lại trong tỉnh.



Hình 3. Cảnh đồng lúa ở huyện Ninh Giang

Phần lớn các khu vực địa hình vùng đồng bằng có nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội, vừa là vùng canh tác nông nghiệp vừa là khu vực tập trung đông dân cư và nhiều trung tâm kinh tế phát triển của tỉnh.

2.2. Địa hình đồi núi

Quan sát “Lược đồ địa hình tỉnh Hải Dương” và đọc thông tin, em hãy xác định khu vực địa hình đồi núi của Hải Dương. Tại địa phương nơi em sinh sống là địa hình đồng bằng hay đồi núi?

Địa hình vùng đồi núi của tỉnh chủ yếu là đồi núi thấp, độ cao trung bình dưới 1 000 m. Đây là khu vực địa hình được hình thành trên miền núi tái sinh có nền địa chất trầm tích Trung sinh. Trong vận động Tân kiến tạo, vùng địa hình này được nâng lên với cường độ từ trung bình đến yếu.

Vùng đồi núi tỉnh Hải Dương chiếm tỉ lệ nhỏ (khoảng 15,85% diện tích đất tự nhiên), với hướng nghiêng địa hình cao ở phía tây bắc, thấp dần xuống đông nam. Đây là ranh giới tự nhiên giữa tỉnh Hải Dương với Bắc Giang và Quảng Ninh (là bộ phận đồi núi kết thúc của cánh cung Đông Triều). Tiếp theo là những dải núi tách biệt, được ngăn cách bởi các cánh đồng giữa núi hoặc xen kẽ với các núi đá vôi tiếp giáp với khu vực đồng bằng phía nam.

Địa hình đồi núi ở thành phố Chí Linh, một số dãy núi có đỉnh khá cao, cao nhất là đỉnh núi Dây Diều (616 m), ngoài ra còn có một số ngọn núi thấp như núi Phượng Hoàng (214 m), núi Ngũ Nhạc (238 m). Chuyển tiếp giữa vùng đồi núi phía đông bắc là vùng đồng bằng phía nam.



Thành phố Chí Linh nằm phía đông bắc tỉnh Hải Dương, đây là địa phương có diện tích đồi núi lớn nhất trong tổng số 12 huyện, thị xã, thành phố. Phong cảnh núi rừng ở đây có nét giống tây bắc; nơi đây có diện tích trồng cây dẻ lớn nhất Hải Dương và là nơi có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.



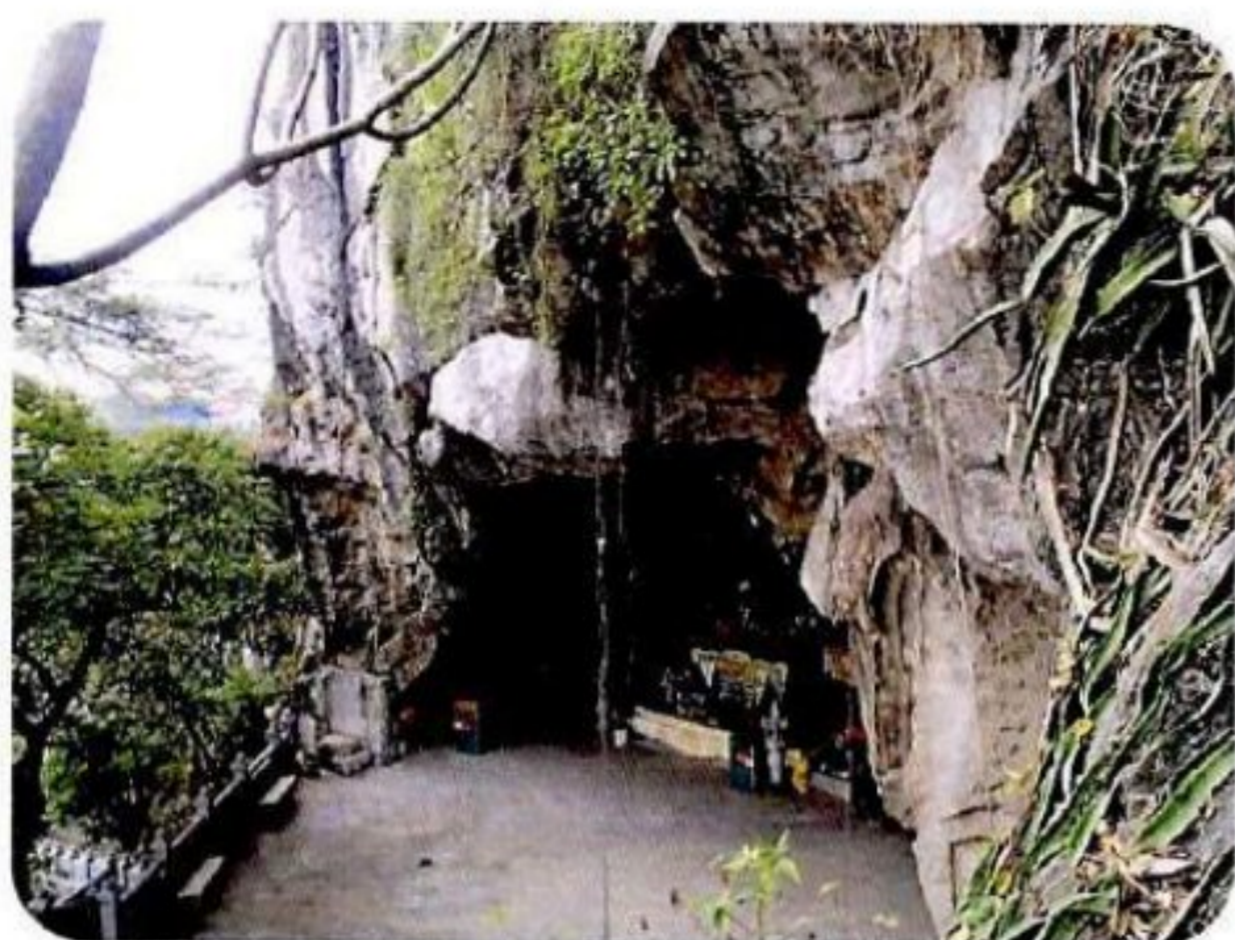
Hình 4. Dãy núi Dây Diều, thành phố Chí Linh

Địa hình đồi núi ở thị xã Kinh Môn, một số dãy núi thấp có hình dạng bát úp, đỉnh tròn như dãy núi An Phụ, có chiều dài khoảng 20 km, chạy theo hướng tây bắc – đông nam. Dãy An Phụ có nhiều đỉnh nhỏ, đỉnh cao nhất là đỉnh núi Yên Phụ (246 m), ngoài ra còn có một số dãy núi đá vôi xen giữa những cánh đồng ở khu vực phía nam.

Tại khu vực đồi núi ở thị xã Kinh Môn còn có dạng địa hình được hình thành từ quá trình hoà tan trong nước của đá vôi nên có dạng địa hình độc đáo (dạng địa hình Karst), tạo ra cảnh quan đặc biệt gắn với lịch sử, nay trở thành di tích quốc gia đặc biệt. Điển hình cho dạng địa hình này là núi Nhấm Dương (phường Duy Tân), núi Thầy, núi Yên Phụ (phường An Sinh).

Khu vực đồi núi có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế như khai khoáng, trồng rừng, trồng cây ăn quả, cây lâu năm, chăn nuôi gia súc, gia cầm...

Tuy nhiên, do độ dốc địa hình vùng đồi núi khá lớn (30–40°) nên trong quá trình khai thác, sử dụng phải chú ý đến các biện pháp bảo vệ sự an toàn và vấn đề bảo vệ môi trường.



Hình 5. Động Kính Chủ, thị xã Kinh Môn



Động Kính Chủ còn có tên gọi khác là động Dương Cốc, nằm ở phía nam núi Dương Nham, phường Phạm Thái, thị xã Kinh Môn; đây là một trong những điểm du lịch và tham quan hấp dẫn du khách gần xa.



1. Nêu đặc điểm chính của địa hình Hải Dương.
2. Xác định phạm vi, đặc điểm vùng đồi núi trên bản đồ địa hình Hải Dương.
3. Xác định phạm vi, đặc điểm vùng đồng bằng trên bản đồ địa hình Hải Dương.



Nêu đặc điểm chính địa hình ở địa phương em. Đặc điểm đó có những thuận lợi, khó khăn gì trong việc phát triển kinh tế – xã hội?

68

ẢNH HƯỞNG CỦA ĐỊA HÌNH ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI



Với mỗi khu vực địa hình sẽ có những thế mạnh và hạn chế riêng nhưng với chủ trương, chính sách của các cấp quản lí; với kinh nghiệm và phương thức khai thác phù hợp sẽ phát huy được những lợi thế, khắc phục những khó khăn để hướng tới sự tăng trưởng, phát triển kinh tế bền vững.

Vậy, Hải Dương đã và đang khai thác thế mạnh của từng khu vực địa hình như thế nào?



1 Khai thác kinh tế đối với khu vực đồng bằng

Đọc thông tin và quan sát hình ảnh, em hãy cho biết ảnh hưởng của địa hình đồng bằng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội ở Hải Dương.

Khu vực đồng bằng ở Hải Dương có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế – xã hội. Đây là vùng sản xuất nông nghiệp chủ yếu của tỉnh, trong đó diện tích trồng lúa lớn nhất, ngoài ra còn là vùng trồng các loại cây rau màu, cây công nghiệp ngắn ngày...và diện tích nuôi trồng thủy sản. Trong những năm gần đây, các sản phẩm nông nghiệp của tỉnh đã và đang phát triển theo hướng chuyên canh, nhiều sản phẩm đã phát huy được thế mạnh của địa phương mang lại giá trị kinh tế cao, góp phần nâng cao đời sống của người dân.

OCOP là cụm từ tiếng Anh được viết tắt "One Commune One Product" dịch ra tiếng Việt có nghĩa là "mỗi xã một sản phẩm". Sản phẩm OCOP là sản phẩm hàng hoá có nguồn gốc từ địa phương, mang đặc trưng về giá trị văn hoá, dựa trên lợi thế về điều kiện tự nhiên và văn hoá vùng miền của mỗi địa phương. Đặc biệt là những sản phẩm đặc sản, sản phẩm của các làng nghề. Hải Dương có hàng trăm sản phẩm OCOP, trong đó có 150 sản phẩm đạt chất lượng 3 sao, 4 sao, sản phẩm tiêu biểu: bánh đậu xanh Hoàng Gia, vải thiều Thanh Hà, rươi Tứ Kỳ,...



Cẩm Giàng là huyện có diện tích trồng cà rốt lớn nhất tỉnh với 535 ha, ngoài ra còn được trồng nhiều ở huyện Nam Sách, thành phố Chí Linh. Sản phẩm được xuất khẩu sang các nước Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, một số nước châu Âu, Trung Đông,...



Hình 6. Vải thiều, huyện Thanh Hà



Thanh Hà là huyện có diện tích trồng vải thiều lớn nhất tỉnh với 3 273 ha, ngoài ra còn được trồng nhiều ở thành phố Chí Linh. Sản phẩm được xuất khẩu sang các nước Nhật Bản, Singapore, Australia,.... Hiện nay, cây vải tổ gần 200 năm tuổi vẫn sinh trưởng tại thôn Thuý Lâm, xã Thanh Sơn, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Thuộc đồng bằng châu thổ sông Hồng, vùng địa hình đồng bằng của tỉnh có mạng lưới sông hồ khá dày đặc, với nhiều sông lớn thuận lợi cho phát triển giao thông đường thuỷ như: sông Thái Bình, sông Kinh Thầy, sông Luộc, sông Sặt, sông Văn Úc,.... ngoài ra còn là điều kiện để phát triển ngành đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản. Toàn tỉnh có chín huyện, thị xã, thành phố nuôi cá lồng trên sông, tập trung nhiều trên sông Thái Bình và sông Kinh Thầy, nuôi nhiều nhất trên sông các địa phương như: huyện Nam Sách, thành phố Hải Dương, huyện Tứ Kỳ,...



Nam Sách là huyện có số lồng nuôi cá trên sông lớn nhất tỉnh, toàn huyện có 2 948 lồng, chiếm 38,08% số lồng toàn tỉnh, chủ yếu là nuôi cá trắm, cá chép, cá diêu hồng,...



Hình 7. Nuôi cá lồng trên sông Thái Bình (huyện Nam Sách)

Hiện nay, một số vùng có nước lợ như khu vực ven sông ở Thanh Hà, Tứ Kỳ, Kim Thành, người dân đang mở rộng phát triển nghề nuôi, khai thác rươi. Mô hình kết hợp trồng lúa hữu cơ với nuôi rươi ở Tứ Kỳ cho giá trị kinh tế cao đang được các địa phương khác nhân rộng.



Với diện tích khoảng 500 ha, Tứ Kỳ là vùng nuôi rươi trọng điểm của tỉnh Hải Dương, rươi ở Tứ Kỳ hiện được công nhận là sản phẩm OCOP 4 sao. Việc mở rộng, khai thác diện tích nuôi rươi không chỉ tạo tiềm năng khai thác mà còn phát triển vùng du lịch sinh thái kết hợp ẩm thực bảo tồn nguồn lợi từ thiên nhiên, góp phần phát triển kinh tế, nâng cao đời sống cho người dân.

Thành phố Hải Dương là trung tâm văn hoá, chính trị, kinh tế của tỉnh. Hiện nay, thành phố Hải Dương là đô thị loại I.



Hình 8. Một góc thành phố Hải Dương

Tuy nhiên, đồng bằng là nơi có mức độ tập trung đông dân cư, được khai thác, sử dụng từ khá sớm. Đồng thời, cũng là nơi tập trung nhiều các trung tâm kinh tế của tỉnh nên diện tích đất nông nghiệp bị giảm sút nhanh, tình trạng suy thoái tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng.

2 Khai thác kinh tế đối với khu vực đồi núi

Đọc thông tin và quan sát hình ảnh, em hãy trình bày hoạt động khai thác kinh tế đối với khu vực đồi núi ở Hải Dương.

Diện tích không lớn nhưng địa hình vùng đồi núi của Hải Dương đã làm cho bức tranh kinh tế của tỉnh đa dạng, là vùng thu hút nhiều dự án, mô hình kinh tế có hiệu quả cao. Đặc biệt là các hoạt động sản xuất công nghiệp và du lịch.

Đối với nông – lâm nghiệp: Vùng đồi núi thấp, đất feralit trên nền đá vôi, đá ong,... thuận lợi cho việc phát triển các vùng trồng cây ăn quả, cây ngắn ngày và trồng rừng.



Hải Dương có khoảng 3 500 ha rừng sản xuất, chủ yếu trồng bạch đàn cao sản và keo tai tượng, tập trung chủ yếu ở vùng đồi núi Chí Linh và Kinh Môn.

Ở Chí Linh có một số vùng đồi thấp, triền đồi thoải rộng có thể trồng cỏ, cung cấp thức ăn cho chăn nuôi gia súc. Đặc biệt, đây là điều kiện xây dựng và phát triển sân golf.



Sân golf Chí Linh có tên gọi đầy đủ là Chí Linh Star Golf & Country Clubs thuộc phường Sao Đỏ, thành phố Chí Linh.



Hình 9. Sân golf Chí Linh

Đối với phát triển công nghiệp: địa hình đồi núi của Hải Dương là nơi có trữ lượng một số loại khoáng sản, đặc biệt là nhóm vật liệu xây dựng (cát, đá vôi, đất cao lanh, đất chịu lửa, đất sét, than,...), thuận lợi cho phát triển một số ngành công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản (xi măng, vật liệu xây dựng,...).



Hình 10. Khai thác đất cao lanh ở Chí Linh



Đất cao lanh (Kaolin) chủ yếu tập trung ở phường Phả Lại, thành phố Chí Linh, với trữ lượng ước tính khoảng 5 triệu tấn. Cao lanh là loại đất sét trắng mịn nằm sâu dưới các tầng địa chất, hấp thụ nhiều dưỡng chất quý giá từ lòng đất. Từ lâu cao lanh được dùng làm nguyên liệu gốm sứ, cho ra các sản phẩm gốm sứ chất lượng cao. Bên cạnh đó, cao lanh còn có tác dụng làm đẹp. Nhiều hãng mỹ phẩm chỉ mới biết đến và ứng dụng cao lanh vào sản phẩm làm đẹp trong những năm gần đây.

Đối với phát triển du lịch: Với cảnh quan thiên nhiên đa dạng, khí hậu trong lành đã thu hút khách du lịch đến tham quan, nghỉ dưỡng. Thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn là hai địa phương có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái gắn liền với tham quan các di tích lịch sử.

Hiện nay, Hải Dương có bốn Di tích quốc gia đặc biệt; trong đó có hai quần thể di tích quốc gia đặc biệt là Côn Sơn – Kiếp Bạc (thành phố Chí Linh) và quần thể di tích An Phụ – Kính Chủ – Nhãm Dương (thị xã Kinh Môn) là những địa điểm thu hút khách du lịch lớn nhất tỉnh.



Rừng phong lá đỏ nằm trên đỉnh núi Phật Tích, diện tích khoảng 100 ha, có nhiều cây phong cổ thụ. Hiện nay, khu rừng phong và rừng dẻ trên khu vực núi Thanh Mai cùng với di tích chùa Thanh Mai là điểm đến của nhiều du khách, trong đó chủ yếu là các bạn trẻ đến tham quan, cắm trại, chơi dù lượn,...



Hình 11. Rừng phong lá đỏ trên núi Phật Tích, thành phố Chí Linh



Hồ Bến Tắm là hồ nước tự nhiên lớn nhất tỉnh Hải Dương, hồ nước sâu, sạch cung cấp nước cho phát triển nông nghiệp và là điều kiện để xây dựng các khu nghỉ dưỡng sinh thái trong tương lai.



Hình 12. Khu hồ Bến Tắm, thành phố Chí Linh

Hiện nay, vùng đồi núi thuộc thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn do tác động mạnh mẽ của con người tới địa hình như các hoạt động khai thác khoáng sản, xây dựng các công trình, sự phát triển đô thị, các khu dân cư,... đã làm thay đổi cảnh quan tự nhiên, từ đó làm biến dạng địa hình, phần nào tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế, ảnh hưởng đến đời sống người dân.



1. Nêu những thuận lợi, khó khăn trong việc phát triển kinh tế ở vùng đồng bằng.
2. Nêu những thuận lợi, khó khăn trong việc phát triển kinh tế ở vùng đồi núi.



Tìm hiểu những ảnh hưởng của các dạng địa hình ở địa phương em đến sự phát triển kinh tế – xã hội.

HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM

TÌM HIỂU NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN CỦA ĐỊA HÌNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ – XÃ HỘI TỈNH HẢI DƯƠNG

Yêu cầu:

- Lựa chọn vấn đề khai thác thế mạnh của địa hình tại địa phương, nơi em sinh sống.
- Tác động của con người đến địa hình tại địa phương.
- Nêu một số biện pháp khai thác và sử dụng hợp lí thế mạnh về địa hình tại địa phương.

a. Tìm hiểu đặc điểm đất đai gắn với địa hình tại địa phương

- Địa hình vùng đồi núi, chủ yếu là đất nào (đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản)?
- Địa hình vùng đồng bằng, chủ yếu là đất nào (đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản).

b. Đánh giá những thuận lợi, khó khăn của địa hình tác động đến sự phát triển kinh tế – xã hội tại địa phương

- Thuận lợi.
- Khó khăn.

c. Tìm hiểu những tác động của con người đến tài nguyên đất ở địa phương

- Nêu những tác động tích cực của con người đến địa hình (hình ảnh sản xuất, tác động của con người đến địa hình tại địa phương).
- Nêu những tác động tiêu cực của con người đến địa hình (hình ảnh, tư liệu).
- Trách nhiệm của bản thân trong việc sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên đất tại địa phương.

d. Viết báo cáo

- Khái quát về địa hình tại địa phương (hình ảnh, tư liệu).
- Những thuận lợi, khó khăn của địa hình đối với tự nhiên và phát triển kinh tế, xã hội, môi trường ở địa phương.
- Tác động của con người đến địa hình (tác động tích cực, tiêu cực).
- Với trách nhiệm là công dân còn ngồi trên ghế nhà trường, em phải làm gì để khai thác và sử dụng hợp lí địa hình tại địa phương.

ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC Ở TỈNH HẢI DƯƠNG

Mục tiêu

- Nêu được sự đa dạng sinh học của Hải Dương, sự đa dạng sinh học ở tỉnh Hải Dương là gì?
- Trình bày được nguyên nhân gây ra sự suy giảm đa dạng sinh học ở tỉnh Hải Dương.
- Đề xuất các biện pháp bảo vệ sự đa dạng sinh học nói chung và bảo vệ sinh vật tại địa phương em.



Cánh đồng hoa rể (Chí Linh)



TÌM HIỂU ĐA DẠNG SINH HỌC Ở TỈNH HẢI DƯƠNG



Hải Dương là tỉnh nằm ở phía đông bắc của đồng bằng sông Hồng nhưng do các yếu tố địa hình đa dạng, có vùng núi, trung du và đồng bằng; khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm có sự phân hóa khá rõ rệt nên giới sinh vật của tỉnh phong phú về chủng loại.

Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về sinh vật của tỉnh và ở địa phương em.



Đọc thông tin và quan sát hình ảnh, em hãy:

- Cho biết sự đa dạng sinh học của Hải Dương được thể hiện ở điểm nào?
- Kể tên một số loài sinh vật quý, hiếm ở Hải Dương.

Hải Dương có đủ các địa hình cơ bản gồm miền núi, trung du và đồng bằng. Vùng đồi núi ở thành phố Chí Linh, vùng đồi núi đá vôi ở thị xã Kinh Môn. Vùng trung du phía nam thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn có nhiều núi đồi xen kẽ với sông ngòi. Vùng đồng bằng có nhiều sông ngòi, hồ, đầm giàu tài nguyên động vật, thực vật. Hải Dương chỉ thiếu vùng ven biển nhưng thay vào đó lại có vùng nước lợ với nhiều rươi, cáy, cà ra, cói... Hải Dương nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có sự phân hóa khá đa dạng. Với những đặc điểm trên, Hải Dương được đánh giá là địa phương có tính đa dạng sinh học cao của cả nước, với các loài động, thực vật phong phú, đa dạng.

Đa dạng về hệ sinh thái: Các hệ sinh thái tự nhiên của Hải Dương bao gồm hệ sinh thái trên cạn gồm rừng nhiệt đới gió mùa; hệ sinh thái dưới nước chủ yếu là hệ sinh

thái nước ngọt ở các hệ thống ao, hồ, sông, suối và vùng nước lợ. Ngoài ra còn có hệ sinh thái nhân tạo được hình thành do hoạt động sản xuất nông nghiệp của người dân như hệ sinh thái đồng ruộng, các vùng trồng chuyên canh cây ăn quả, rừng trồng, hệ sinh thái nuôi trồng thủy sản... Hiện nay các hệ sinh thái ở các khu đô thị "xanh" đang được quan tâm mở rộng với nhiều loại cây bóng mát, cây cảnh, các vườn hoa... đã góp phần làm phong phú các hệ sinh thái trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

Chí Linh có 14 470 ha đất đồi rừng, trong đó rừng trồng 1 208 ha, rừng tự nhiên 2 390 ha. Rừng tự nhiên có nhiều loại gỗ quý như lát hoa, lim, sến, táu,... ước khoảng 140 000 m³, có nhiều loại động thực vật đặc trưng cung cấp nguồn dược liệu cho y học. một số rừng trồng cây bạch đàn, keo cung cấp nguyên liệu cho sản xuất gỗ, giấy.



Hình 1. Rừng tự nhiên trên dãy núi Dãy Diều, thành phố Chí Linh

Tỉnh Hải Dương hiện có khoảng 2 300 ha rừng tự nhiên, gần 8 000 ha rừng trồng, tập trung chủ yếu ở các xã Hoàng Hoa Thám, xã Bắc An, phường Hoàng Tiến và phường Hoàng Tân, thành phố Chí Linh và một số phường, xã thuộc thị xã Kinh Môn. Trong đó, các cánh rừng tự nhiên ở đây là vùng quan trọng về phân bố các loài sinh vật hoang dã của tỉnh.

Ở các huyện Tứ Kỳ, Kim Thành, Thanh Hà do địa hình thấp, trong năm có các mùa nước lên (xâm nhập của nước lợ) là điều kiện cần thiết để người dân khai thác rươi, cáy, cà ra... những sản phẩm này đã trở thành những thực phẩm nổi tiếng của Hải Dương được nhiều người biết đến.



Hình 2. Cảnh quan, hệ sinh thái vùng ven sông

Đa dạng về thành phần loài: Hiện nay, Hải Dương có 25 loài thú, 99 loài chim, 41 loài bò sát, 21 loài lưỡng cư, 51 loài cá và hơn 400 loài thực vật (Nguồn: Địa chí Hải Dương, 2008). Nhìn chung, thú hoang dã sinh sống trên địa bàn chủ yếu là những loài có kích thước vừa và nhỏ, dễ thích nghi với môi trường sống.

Ngoài các loài thú hoang dã, những khu rừng tự nhiên thuộc các xã Hoàng Hoa Thám, Bắc An (thành phố Chí Linh) một số núi đá vôi trên địa bàn phường Minh Tân (thị xã Kinh Môn) còn có nhiều loài bò sát, lưỡng cư có giá trị như: tắc kè, rồng đất, rắn ráo thường, ráo trâu, cạp nong, cạp nia, hổ mang bành, hổ chúa... Khu rừng Đồng Châu, rừng trên núi Phật Tích, xã Hoàng Hoa Thám, vùng đồi núi xã Bắc An (thành phố Chí Linh) và khu vực núi đá vôi của phường Minh Tân (thị xã Kinh Môn) tập trung nhiều loài chim tự nhiên.

Gần đây, người dân đang nuôi một số loài thú phục vụ phát triển kinh tế như nuôi rắn ở Chi Ngãi, phường Cộng Hòa (thành phố Chí Linh), nuôi nhím, dúi ở phường Hoàng Tiến (thành phố Chí Linh), nuôi baba ở khu vực thị xã Kinh Môn, huyện Kim Thành.



Hiện nay, tại thôn Chi Ngãi 1 và Chi Ngãi 2 thuộc phường Cộng Hòa, thành phố Chí Linh có khoảng gần 30 hộ nuôi rắn. Rắn nuôi ở vùng này chủ yếu là rắn hổ trâu, hổ mang...rắn thương phẩm được tiêu thụ chủ yếu sang thị trường Trung Quốc (chiếm 95%). Việc nuôi rắn ở Chi Ngãi được thực hiện khá chặt chẽ; khi mua bán, vận chuyển rắn đi tiêu thụ đều phải có giấy phép của Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

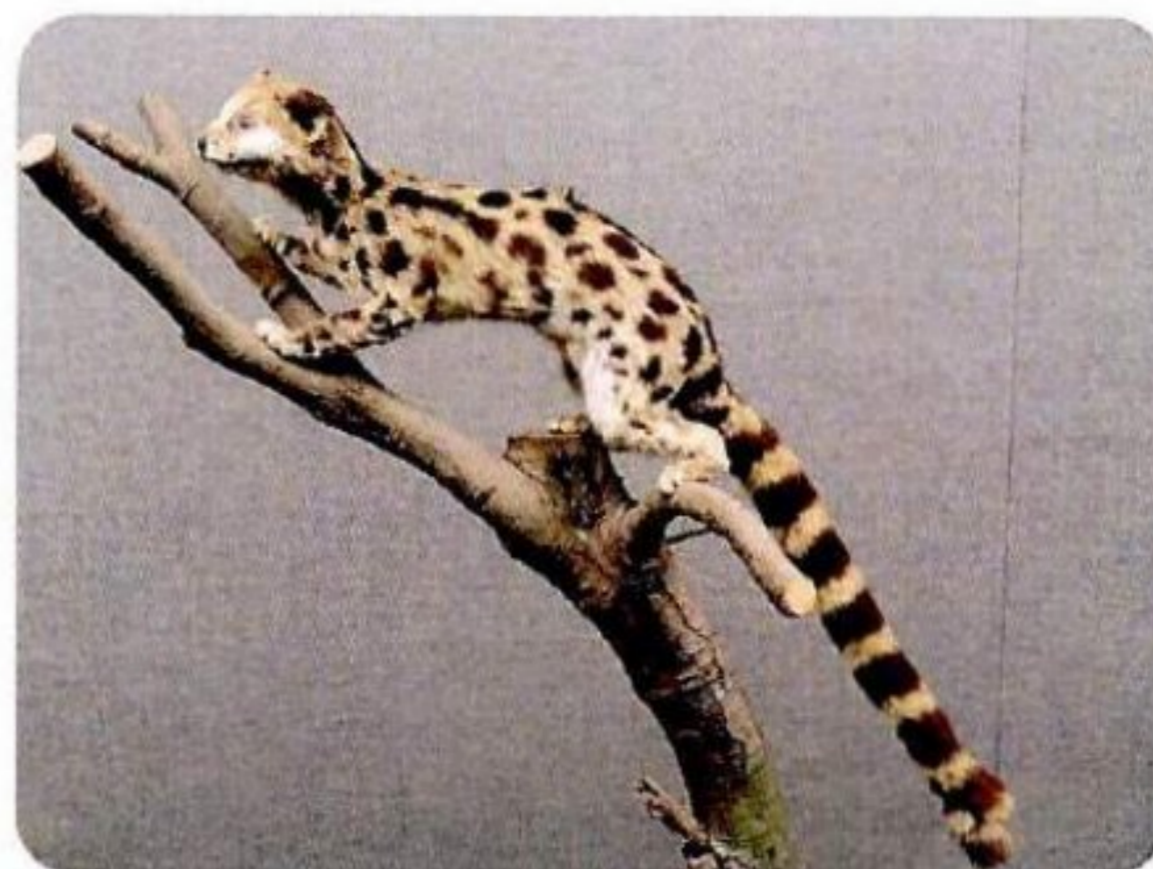


Hình 3. Nuôi rắn, phường Cộng Hòa thành phố Chí Linh

Đa dạng nguồn gen: Các cánh rừng tự nhiên của thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn có nhiều loài chim, thú có giá trị bảo tồn nguồn gen như: gà lôi trắng, cú lợn lưng nâu, chích chòe lửa, hoẵng, lợn rừng, cu li, cây vòi hương, cây vòi mốc, cây gấm, chồn bạc má bắc, các loài sóc... Có 3 loài quý hiếm được xếp vào nhóm nguy cấp, cấm săn bắn, sử dụng là cu li nhỏ, cây gấm và mèo rừng.



Cây gấm hay cây sao, cây báo là loài cây sống trong các khu rừng ở miền trung và đông Himalaya. Đây là loài thú hoạt động trên mặt đất, dáng vóc khá thấp, cơ thể mảnh mai, đầu nhọn và tứ chi nhỏ. Hiện nay loài cây gấm ở Chí Linh còn rất ít cá thể và là một trong ba loài quý hiếm được xếp vào nhóm nguy cấp, cấm săn bắn, sử dụng.



Hình 4. Cây gấm, Chí Linh (ảnh minh họa)

Đảo Cò ở xã Chi Lăng Nam, huyện Thanh Miện là nơi tập trung nhiều loài chim nước, chủ yếu là các loài cò, vạc... Hiện nay, đây là khu vực có thành phần chim đa dạng và phong phú hơn nhiều so với các khu vực khác của đồng bằng sông Hồng, với khoảng 51 loài, thuộc 12 bộ, 30 họ và 42 giống. Trong đó có nhiều loài chim quý như bồ nông, le le, mòng, két, cú mèo... Đặc biệt, Đảo Cò xuất hiện loài cò nhạn, một loài chim quý đã được ghi trong Sách Đỏ của Việt Nam.



Cò nhạn còn được gọi là cò ốc hoặc cò thìa, có tên trong Sách Đỏ Việt Nam, bậc R – loại cực kỳ quý hiếm. Năm 2012 xuất hiện đàn cò nhạn tại Đảo Cò với số lượng lên tới hàng nghìn con bay về trú ngụ. Đây là loài chim có kích cỡ lớn nhất trong số hàng chục loài chim đang trú ngụ. Trung bình mỗi con cò khi trưởng thành nặng 1–1,5 kg; cao 0,8–0,9 m; sải cánh rộng hơn một mét.



Hình 5. Cò nhạn (Đảo Cò, Thanh Miện)

Ngoài diện tích rừng trồng chủ yếu là các loại cây như bạch đàn cao sản, keo tai tượng, keo lá tràm, vùng đồi núi Chí Linh có diện tích rừng thông lớn nhất tỉnh Hải Dương. Hiện nay, cây thông không chỉ có giá trị kinh tế mà còn có giá trị rất lớn về môi trường sinh thái. Tuy nhiên, đến nay do tình trạng khai thác tài nguyên để phát triển kinh tế của con người và những biến đổi của khí hậu đã làm cho sự đa dạng sinh học ở tỉnh Hải Dương suy giảm nhiều.

Handwritten signature or mark.

Trong những năm gần đây, Hải Dương đã đạt được những thành tích đáng kể trong việc trồng rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc, giao đất rừng cho người dân quản lí. Rừng mới trồng tại Hải Dương chủ yếu là keo tai tượng, keo lá tràm cung cấp nguyên liệu cho ngành chế biến gỗ, cho xuất khẩu. Ngoài ra khu vực thành phố Chí Linh và thị xã Kinh Môn là hai địa phương có diện tích trồng cây thông lớn nhất tỉnh.



Hình 6. Rừng thông ở thành phố Chí Linh

Có tổng diện tích là 31 673 ha Khu sinh thái Đảo Cò – Chi Lăng Nam có hệ sinh thái động thực vật vô cùng đa dạng với hơn 170 loài ở cả trên đảo và dưới lòng hồ. Hiện nay ở Đảo Cò – Chi Lăng Nam thường có khoảng 16 000 con cò và khoảng 6 000 con vạc sinh sống.



Hình 7. Một góc Đảo Cò huyện Thanh Miện

Đảo là nơi trú ngụ của họ nhà cò vạc còn dưới hồ An Dương sâu và rộng lại là nơi sinh sống của rất nhiều loại cá quý như cá vược, cá chạch, cá bơn, cá nheo, cá chép, cá quả... hay các loại ba ba, rùa, tôm, cua... (Nguồn: Wikipedia)

Ở Hải Dương, khu vực thành phố Chí Linh, thị xã Kinh Môn là hai khu vực có sự phân bố các loài sinh vật phong phú nhất tỉnh, chủ yếu là các loài sinh vật trên vùng đồi núi. Đảo Cò ở huyện Thanh Miện là trung tâm phân bố các loài chim nước trong đó chủ yếu là cò, vạc... và lòng hồ An Dương là nơi trú ngụ của nhiều loài sinh vật dưới nước. Ngoài ra, một số vùng trũng ven sông thuộc các huyện Tứ Kỳ, Thanh Hà, Kim Thành là nơi phân bố một số loài sinh vật dưới nước như cáy, cà ra, rươi, cói...



1. Nêu sự đa dạng sinh học ở tỉnh Hải Dương.
2. Hãy xác định các khu vực có sự phân bố các loài sinh vật đa dạng ở tỉnh Hải Dương.



Địa phương em có những hệ sinh thái nào. Tại sao phải bảo vệ và phát triển rừng tự nhiên?

NGUYÊN NHÂN SUY GIẢM ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ ĐA DẠNG SINH HỌC Ở TỈNH HẢI DƯƠNG



Trong những năm gần đây, Hải Dương đang đứng trước tình trạng suy giảm đa dạng sinh học. Do nhiều yếu tố mà một số loài sinh vật đang đứng trước nguy cơ bị biến mất, thậm chí có những loài đã bị tuyệt chủng.

Em hãy kể tên một số tác nhân gây ra sự suy giảm đa dạng sinh học. Đề xuất một số giải pháp bảo vệ sự đa dạng sinh học ở tỉnh Hải Dương.



1 Nguyên nhân suy giảm đa dạng sinh học ở tỉnh Hải Dương

Kể tên một số loài sinh vật đã bị biến mất. Nêu những nguyên nhân làm cho sự đa dạng sinh học bị suy giảm ở địa phương em.

Hải Dương được đánh giá là một trong những địa phương có sự đa dạng sinh học cao trên cả nước. Tuy nhiên, cũng như nhiều địa phương khác của nước ta, Hải Dương đang phải đối mặt với tình trạng suy giảm đa dạng sinh học đang diễn ra ngày càng lớn, suy giảm cả về số lượng và chất lượng.



Hình 8.1. Khai thác khoáng sản ở Chí Linh



Hình 8.2. Cháy rừng ở Kinh Môn



Hình 8.3. San lấp mặt bằng khu đô thị



Hình 8.4. Phun thuốc bảo vệ thực vật

Hình 8. Các tác nhân gây suy giảm đa dạng sinh học

Có nhiều nguyên nhân làm suy giảm sự đa dạng của sinh học trong đó có những nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp làm suy giảm đa dạng sinh học. Đó là, việc khai thác quá mức tài nguyên thiên nhiên, khai thác gỗ trái phép, buôn bán trái phép các loài hoang dã; các hoạt động phát triển cơ sở hạ tầng, chuyển đổi diện tích đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp sang đất chuyên dùng; mở rộng thâm canh nông nghiệp cũng như các hoạt động sản xuất kinh tế khác nhằm phục vụ nhu cầu ngày càng gia tăng của con người. Bên cạnh đó còn có sự xâm lấn của một số sinh vật ngoại lai, một số dịch bệnh và các yếu tố tự nhiên như bão, lũ lụt, hạn hán, cháy rừng... đã tác động không nhỏ vào việc suy giảm đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Hải Dương; thậm chí có một số loài đứng trước nguy cơ tuyệt chủng, mất cân bằng sinh học tác động đến môi trường tự nhiên, tình trạng biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống của con người. Việc bảo vệ, khôi phục sự đa dạng sinh học là trách nhiệm của mỗi chúng ta.

Mặc dù tỉnh Hải Dương đã có rất nhiều nỗ lực nhằm giải quyết vấn đề này thông qua các chính sách, dự án. Tuy nhiên, sự suy giảm đa dạng sinh học vẫn đang là một thách thức rất lớn, đòi hỏi sự chung tay giải quyết của cả cộng đồng, bao gồm các cấp chính quyền địa phương, các tổ chức xã hội và đặc biệt là các em học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường – chủ nhân tương lai của đất nước.

2 Các biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở tỉnh Hải Dương

Nêu một số biện pháp bảo vệ sự đa dạng sinh học ở Hải Dương.

Cùng với các giải pháp mang tính bảo tồn thiên nhiên trên phạm vi toàn quốc, cũng như thực tế tại địa phương, Hải Dương đã và đang thực hiện tập trung vào một số giải pháp:

Một là, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lí nhà nước về bảo tồn đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, cần lồng ghép bảo tồn đa dạng sinh học trong các quy hoạch bảo vệ môi trường, kế hoạch của các ngành kinh tế có tác động nhiều đến đa dạng sinh học như nông, lâm, ngư nghiệp, du lịch, giao thông, sử dụng đất...

(Ngày 21/12/2022, Ban Dân vận Tỉnh ủy phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh, Tỉnh đoàn Thanh niên và các sở: Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn phối hợp tổ chức ký kết chương trình phối hợp "Chung tay bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Hải Dương, giai đoạn 2023 – 2025".)

Hai là, tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức kết hợp với huy động sự tham gia của cộng đồng, người dân để bảo vệ đa dạng sinh học. Lồng ghép, tích hợp giáo dục bảo vệ môi trường, bảo vệ thiên nhiên trong các nhà trường theo từng chủ đề, phù hợp lứa tuổi học sinh.

Ba là, có các biện pháp xử lí chất thải của các ngành sản xuất nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường sống của các loài sinh vật.

Bốn là, nâng cao ý thức của người dân, ngăn chặn nạn phá rừng, khai thác lâm sản trái phép, khai thác và đánh bắt thủy sản quá mức.



Hình 9. Một tiết dạy tích hợp giáo dục Bảo vệ môi trường ở trường THPT Khúc Thừa Dụ

Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ đa dạng sinh vật là trách nhiệm của tất cả chúng ta.



Hình 10. "Thông điệp bảo vệ rừng trên núi Ngũ Nhạc, thành phố Chí Linh"

Năm là, tham gia tích cực với các hoạt động trồng cây, trồng rừng, bảo vệ diện tích rừng hiện có đang là nơi sinh sống của nhiều loại sinh vật.

Năm 2022, Hải Dương đã trồng mới trên 104 ha rừng, trồng 1 triệu cây xanh. Từ kết quả trồng cây mùa xuân đã và đang góp phần quan trọng để phát triển kinh tế – xã hội, làm đẹp cảnh quan, cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân.



Hình 11. Rừng trồng mới trên vùng đồi Chí Linh

Giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ sinh vật hoang dã là trách nhiệm của tất cả mọi người.

"Hãy chung tay bảo vệ môi trường, bảo vệ chính chúng ta".





1. Nêu những nguyên nhân chính dẫn đến suy giảm đa dạng sinh học của tỉnh Hải Dương.
2. Thực hành vẽ biểu đồ và nhận xét diện tích rừng của Hải Dương.

Cho bảng số liệu sau:

DIỆN TÍCH RỪNG CỦA HẢI DƯƠNG QUA CÁC NĂM

Đơn vị: ha

Loại rừng \ Năm	2016	2018	2020
Rừng đặc dụng	1 543	1 543	1 513
Rừng phòng hộ	4 656	4 624	4 594
Rừng sản xuất	3 179	3 203	2 396

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Hải Dương năm 2020)

- a. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện diện tích các loại rừng tại Hải Dương.
- b. Nhận xét biểu đồ:
 - + Diện tích từng loại rừng.
 - + Sự biến động về diện tích trong giai đoạn 2016 – 2020.
 - + Thiết kế một sản phẩm (poster, bài viết,...) tuyên truyền mọi người bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học.



Viết báo cáo ngắn gọn về vai trò của rừng đối với tự nhiên và phát triển kinh tế – xã hội.

VĂN HỌC VIẾT HẢI DƯƠNG

Mục tiêu

- Nhận biết được thành tựu, đặc điểm của văn học viết Hải Dương.
- Đọc hiểu một số tác phẩm văn học viết Hải Dương.
- Trân trọng, tự hào và có ý thức giữ gìn, phát huy truyền thống văn học Hải Dương.
- Có ý thức sưu tầm, tìm hiểu một số tác phẩm văn học viết Hải Dương.
- Viết được bài/đoạn văn phân tích/phát biểu cảm nghĩ về nhân vật, đoạn văn, bài thơ/đoạn thơ thuộc văn học viết Hải Dương.
- Trải nghiệm sáng tạo, mở rộng môi trường học tập qua việc tìm hiểu một số tác giả, tác phẩm văn học viết của Hải Dương.
- Rèn phát âm chuẩn tiếng Việt khi đọc và nói.



Côn Sơn, Chí Linh



- Nêu tên tác giả hoặc tác phẩm văn học trung đại Hải Dương tiêu biểu. Em biết gì về tác giả hoặc tác phẩm đó?
- Đóng góp của văn học trung đại Hải Dương đối với sự phát triển của văn học dân tộc.



KIẾN THỨC NGỮ VĂN

Văn học trung đại Hải Dương⁽¹⁾ hình thành sớm nhưng chỉ thực sự phát triển từ thế kỉ XIII. Trải qua quá trình phát triển, văn học trung đại Hải Dương đã đạt được những thành tựu to lớn cả về số lượng các tác giả, tác phẩm và chất lượng sáng tác. Hàng ngàn tác phẩm có giá trị của văn học trung đại Hải Dương được lưu truyền tới nay làm phong phú cho kho tàng văn học dân tộc, đóng góp vào sự phát triển ngày càng cao của ngôn ngữ và văn chương tiếng Việt.

Các tác giả, tác phẩm tiêu biểu làm nên diện mạo của văn học trung đại Hải Dương như: Lương quốc Trọng nguyên Mạc Đĩnh Chi với các tác phẩm thơ và phú; Chu Văn An với các bài thơ chữ Hán; Nguyễn Trãi với Bình ngô đại cáo, thơ chữ Hán và chữ Nôm; Nguyễn Dữ với Truyền kì mạn lục... Ngoài ra có thể kể đến các tác phẩm của Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Phi Khanh, Phạm Đình Hồ, Phạm Quý Thích, Vũ Tông Phan...

Về nội dung: Văn học trung đại Hải Dương phong phú về nội dung, đề tài song yêu nước và nhân đạo là cảm hứng chủ đạo trong các tác phẩm.

Thơ văn Hải Dương ngợi ca lòng yêu nước, tinh thần chiến đấu quật cường chống giặc ngoại xâm, niềm tự hào về lịch sử hào hùng của dân tộc, của con người và quê hương Hải Dương; gửi gắm khát vọng đất nước, quê hương muôn thuở thanh bình, nhân dân no ấm;... Các sáng tác tiêu biểu như: *Bình Ngô đại cáo*, *Chí Linh sơn phú* (Phú núi Chí Linh), *Bảo kính cảnh giới 43* (Gương báu răn mình, bài số 43) của Nguyễn Trãi, *Hành dịch đặng gia sơn* (Đi việc quan lên núi quê nhà) của Phạm Sư Mạnh, *Quá Đống Đa* (Qua Gò Đống Đa) của Vũ Tông Phan... Cũng trong nguồn mạch yêu nước thiết tha đó, thơ văn Nguyễn Phi Khanh, Nguyễn Trãi, Phạm Quý Thích, Vũ Tông Phan phản ánh những suy tư, trăn trở của trí thức, kẻ sĩ có lương tri và trách nhiệm đối với đất nước trước sự đổi thay của thời cuộc. Thơ văn Nguyễn Trãi, Chu Văn An phản ánh đời sống tinh thần phong phú, sâu sắc của những nhà nho yêu nước, có khát vọng cống hiến nhưng lại nhận thấy không hợp với thời cuộc. Tránh xa danh lợi tầm thường, con người tìm đến với thiên nhiên hoặc trở về với thôn quê yên ả, thanh bình, sống giản dị, đạm bạc, vui với cuộc sống của người lao động như một cách đề gìn giữ phẩm giá, nhân cách của mình. Ở khía cạnh khác, thơ văn trung đại Hải Dương lấy cảm hứng từ thiên nhiên, tự hào về cảnh sắc quê hương Hải Dương tươi đẹp, hữu tình: *Côn Sơn ca* (Bài ca Côn Sơn) của Nguyễn Trãi, *Linh sơn tạp hứng* (Cảm hứng đề thơ núi Chí Linh) của Chu Văn An; *Du Côn Sơn* (Chơi Côn Sơn) của Nguyễn Phi Khanh.

Tình cảm nhân đạo thấm đượm trong thơ văn Nguyễn Trãi, Mạc Đĩnh Chi, Nguyễn Dữ... *Truyện kỳ mạn lục* (Ghi chép tản mạn những điều kỳ lạ) của Nguyễn Dữ là tiếng nói phản kháng hiện thực xã hội bất công, thể hiện tình yêu thương con người nhất là những người đau khổ, bất hạnh. Với thành công về nghệ thuật, *Truyện kỳ mạn lục* được đánh giá là "thiên cổ kỳ bút" (bút lạ của muôn đời). Mạc Đĩnh Chi với *Ngọc tỉnh liên phú* (Phú hoa sen trong giếng ngọc) tự tin khẳng định phẩm giá thanh cao của mình.

- Về nghệ thuật: Bên cạnh đặc điểm của văn học trung đại Việt Nam, văn học trung đại Hải Dương với sự xuất hiện của thơ Nôm Nguyễn Trãi (Quốc âm thi tập) là dấu mốc quan trọng góp phần vào quá trình dân tộc hóa văn học Việt Nam, từ đây văn học bớt đi tính công thức, ước lệ; hình tượng và ngôn ngữ trở nên tự nhiên, bình dị, gần gũi với cuộc sống.



Chú thích

(1) Văn học viết: Văn học viết là các sáng tác văn học được lưu truyền bằng chữ viết. Văn học viết Việt Nam được sáng tác bằng các loại chữ viết khác nhau: Chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ. Văn học chữ Hán hình thành sớm (từ thế kỉ X). Văn học chữ Nôm hình thành vào khoảng thế kỉ XIII. Văn học chữ Quốc ngữ hình thành vào khoảng đầu thế kỉ XX. Văn học viết hình thành đã “mở ra một thời kì lịch sử mới, oanh liệt, rực rỡ” (Đặng Thai Mai) cho nền văn học Việt Nam.

Văn học viết Hải Dương là các sáng tác của các tác giả sinh sống và hoạt động tại Hải Dương hoặc các sáng tác có nội dung về Hải Dương, lấy cảm hứng về mảnh đất và con người Hải Dương.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

BÀI 1. XUÂN ĐÁN Chu Văn An

1. Chuẩn bị

- Xem lại phần Kiến thức Ngữ văn, tìm hiểu tư liệu liên quan đến bài thơ *Xuân đán*.
- Đọc trước bài thơ *Xuân đán*; tìm hiểu các thông tin, nhận định về tác giả Chu Văn An.
- Tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác, thể thơ, đặc điểm nội dung, nghệ thuật của bài thơ.



Hình 1. Đền thờ Vạn thế sư biểu Chu Văn An trên núi Phụng Hoàng, phường Văn An, thành phố Chí Linh

2. Đọc hiểu

Phiên âm

Tịch mịch sơn gia trấn nhật nhàn,
Trúc phi tà ủng hộ khinh hàn.
Bích mê thảo sắc thiên như tuý,
Hồng thấp hoa tiêu lộ vị can.
Thân dữ cô vân trường luyến tụ,
Tâm đồng cổ tỉnh bất sinh lan.
Bách huân bán lãnh trà yên yết,
Khê điều nhất thanh xuân mộng tàn.

(*Thơ văn Lý Trần*, tập III, NXB Khoa học xã hội, 1978)

Dịch nghĩa

Nhà trên núi vắng vẻ, suốt ngày thanh thoi,
Cánh cửa phen che nghiêng ngăn cái rét nhẹ.
Màu biếc át cả sắc mây, trời như say,
Ánh hồng thấm nhành hoa sương sớm chưa khô.
Thân ta cùng đám mây cô đơn mãi mãi lưu luyến hốc núi,
Lòng giống như mặt giếng cổ, chẳng hề gợn sóng.
Mùi khói thông sắp hết, khói trà đã tắt,
Một tiếng chim bên suối làm tỉnh mộng xuân.

Dịch thơ

Buổi sáng mùa xuân

Núi xa, nhà quạnh, suốt ngày nhàn
Se lạnh, gài nghiêng cửa trúc hoang
Xanh biếc màu mây, trời lúy tuý
Hồng hoen hoa nọ, mớ chưa tan

Lòng như giếng cổ không xao sóng
Thân với mây đơn mãi nhớ ngàn
Hương bách dụ dần, trà thôi khói
Chim khe một tiếng mộng xuân tàn.

(Nguyễn Phúc Vĩnh Ba dịch)

Chú thích

– Chu Văn An người làng Văn Thôn, xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm nay là huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Ông là một nhà nho mẫu mực, được vua Trần Minh Tông dùng vào chức Quốc Tử Tư Nghiệp, dạy Thái Tử. Đến triều vua Dụ Tông, ông dâng sớ xin chém đầu 7 tên nịnh thần, vua không nghe, ông từ quan về ở ẩn trên núi Phụng Hoàng (nay thuộc thành phố Chí Linh) lấy hiệu là Tiều Ẩn.

– Bài thơ Xuân đán được viết trong thời gian Chu Văn An về ở ẩn tại Chí Linh.

– *Tịch tịch*: lặng lẽ, không tiếng động; *phi*: cánh cửa; *tà*: nghiêng; *úng*: che lấp, cản trở; *khinh*: nhẹ; *bích*: xanh biếc; *mê*: mê đắm, say mê; *thấp*: ẩm ướt; *tiêu*: ngọn cây; *can*: khô; *dữ*: và, với; *tụ*: hang núi, ngọn núi; *tính*: giếng; *lan*: sóng lớn; *bách*: cây bách (gần với cây thông); *huân*: mùi thơm; *bán*: còn ít; *lãnh*: lạnh lẽo, lạnh ngắt; *yên*: khói; *yết*: hết; *khê*: suối.

3. Tìm hiểu sau khi đọc

1. Xác định bố cục của bài thơ và nội dung chủ yếu của từng phần.
2. Vẻ đẹp của buổi sáng mùa xuân được Chu Văn An miêu tả qua những hình ảnh nào? Cảm nhận của em về vẻ đẹp đó.
3. Em thích nhất hình ảnh nào trong bài thơ? Vì sao?
4. Cảm nhận của em về nhân vật trữ tình trong bài thơ.
5. Đọc và nhận xét bản dịch thơ sau:

Buổi sáng mùa xuân

Trên non nhà vắng ngày nhàn,
Phên nghiêng ngăn ngọn gió hàn nhẹ bay.
Ngút ngàn cỏ biếc trời say,
Cánh hoa thấm ánh hồng lay trước vườn.
Thân như mây bện sườn non,
Lòng như giếng cổ không còn sóng lan.
Khói thông vãn, khói trà tan,
Tiếng chim bên suối kêu tàn mộng xuân.

(Đỗ Đình Tuân dịch)



BÀI 2. CÔN SƠN CA (trích)

Nguyễn Trãi

1. Chuẩn bị

- Đọc trước văn bản *Bài ca Côn Sơn*; tìm hiểu những thông tin, nhận định về tác giả Nguyễn Trãi giúp cho việc đọc hiểu đoạn thơ.
- Tìm hiểu thể thơ, đề tài, đặc điểm nghệ thuật của đoạn thơ.
- Một số hình ảnh, video giới thiệu về Côn Sơn.



Hình 2. Đền thờ Nguyễn Trãi (Côn Sơn, Chí Linh)

2. Đọc hiểu

Phiên âm

Côn Sơn hữu tuyền,
Kì thanh lãnh lãnh nhiên,
Ngô dĩ vi cầm huyền.
Côn Sơn hữu thạch,
Vũ tẩy đài phô bích,
Ngô dĩ vi đạm tịch.
Nham trung hữu tùng,
Vạn lí thúy đồng đồng,
Ngô ư thị hồ yển tức kì trung.
Lâm trung hữu trúc,
Thiên mẫu ấn hàn lục,
Ngô ư thị hồ ngâm tiểu kì trắc.

(*Thơ văn chữ Hán Nguyễn Trãi*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1962)





Hình 3. Lối đi lên đỉnh núi Côn Sơn, Chí Linh

Dịch nghĩa

Côn Sơn có suối
Tiếng nước chảy rì rầm lặng lẽ
Ta xem đó là tiếng đàn cầm
Côn Sơn có đá
Mưa rửa sạch rêu bày ra đá màu biếc như ngọc,
Ta lấy đó làm chiếu để ngồi
Trong núi có thông
Vạn dặm màu xanh xanh biếc sạch trong,
Ta tha hồ ngơi nghỉ dưới bóng
Trong rừng có trúc
Ngàn mẫu in đậm màu xanh lục
Ta tha hồ ngâm khúc vui bên gốc.

Dịch thơ

Côn Sơn (1) suối chảy rì rầm,
Ta nghe như tiếng đàn cầm bên tai.
Côn Sơn có đá rêu phơi,
Ta ngồi trên đá như ngồi đệm êm.
Trong ghềnh thông (2) mọc như nêm (3),
Tìm nơi bóng mát ta lên ta nằm.
Trong rừng có bóng trúc râm (4),
Dưới màu xanh mát ta ngâm thơ nhàn.

(Phan Võ, Lê Thước, Đào Phương Bình dịch trong *Thơ văn chữ Hán Nguyễn Trãi*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1962)



Chú thích

– Nguyễn Trãi (1380 – 1442) hiệu làỨc Trai, quê ở Chi Ngại (nay thuộc Chí Linh, Hải Dương) sau rời về làng Ngọc Ổi (nay thuộc Nhị Khê, Thường Tín, Hà Nội). Ông tham gia khởi nghĩa Lam Sơn với vai trò rất lớn bên cạnh Lê Lợi. Nguyễn Trãi là một nhân vật lịch sử lỗi lạc, toàn tài hiếm có. Ông chịu án oan thảm khốc, bị tru di tam tộc vào năm 1442 và mãi đến năm 1464 mới được vua Lê Thành Tông minh oan. Ông được UNESCO vinh danh là Danh nhân văn hoá thế giới và là một trong 14 anh hùng tiêu biểu của dân tộc Việt Nam.

– *Côn Sơn ca* được sáng tác trong thời gian Nguyễn Trãi cáo quan về sống ở Côn Sơn.

– *Hữu*: có; *lãnh lãnh*: chảy rì rào lặng lẽ; *cầm*: loại đàn xưa có 5 dây do vua Thuấn làm ra (theo Kinh Lễ), sau có 7 dây, gọi chung các loại đàn là “cầm”; *thạch*: đá; *vũ*: mưa; *tẩy*: rửa; *phô*: làm lộ ra; *bích*: màu xanh như ngọc; *đạm tịch*: chiếu làm bằng cỏ dùng để nằm, ngồi; *trung*: giữa, bên trong; *đồng đồng*: dáng vẻ sạch sẽ; *yển tức*: dừng lại nghỉ ngơi; *lâm*: rừng; *ấn*: để lại dấu vết; *hàn lục*: xanh mát lạnh.

3. Tìm hiểu sau khi đọc

1. So sánh thể thơ giữa nguyên tác và bản dịch thơ.
2. Chỉ ra những hình ảnh so sánh trong bản dịch thơ, nêu tác dụng của những hình ảnh so sánh đó.
3. Cảm nhận bức tranh Côn Sơn trong đoạn thơ.
4. Vẽ đẹp tâm hồn Nguyễn Trãi trong *Côn Sơn ca*.

ĐỌC KẾT NỐI MỞ RỘNG

THUẬT HỨNG (Bài 15) Nguyễn Trãi

Ngại ở nhân gian lưới trần,
Thì nằm thôn dã miễn yên thân.
Trúc mai chẳng phụ lòng quân tử,
Viên hạc đã quen bạn dật dân.
Hái cúc ương lan, hương bén áo,
Tìm mai đập nguyệt, tuyết xâm khăn.
Đàn cầm suốt trong tai dội,
Còn một non xanh là cố nhân.

(Nguyễn Trãi toàn tập, Đào Duy Anh, NXB Khoa học xã hội, 1976)

Chú thích

Viên hạc: con vượn và con hạc; *hương bén áo*: hương của cúc, lan như lưu trên áo; *tuyết xâm khăn*: Tuyết vương vít trên khăn; *Đàn cầm suối trong tai dội*: Tiếng suối chảy như tiếng đàn dội bên tai.

Tìm hiểu sau khi đọc

1. Những từ nào trong bài thơ thể hiện quan hệ gần gũi, thân thiết của Nguyễn Trãi với thiên nhiên?
2. Qua bài thơ, em hình dung về cuộc sống của Nguyễn Trãi ở nơi thôn dã như thế nào?
3. Cảm nhận về đẹp tâm hồn của Nguyễn Trãi trong bài thơ.



Viết một đoạn/ bài văn ghi lại cảm xúc của em sau khi học xong một bài/ một đoạn thơ trung đại Hải Dương.



1. Tập làm video giới thiệu về tác giả Nguyễn Trãi, Chu Văn An.
2. Thi sáng tác thơ về Côn Sơn, Kiếp Bạc (Chí Linh).
3. Vẽ tranh về đề tài: Vẻ đẹp Côn Sơn.
4. Sưu tầm một số tác phẩm văn học trung đại Hải Dương.



VĂN HỌC HIỆN ĐẠI HẢI DƯƠNG



- Nêu tên tác giả hoặc tác phẩm văn học hiện đại Hải Dương tiêu biểu. Em biết gì về tác giả hoặc tác phẩm đó?
- Đóng góp của văn học hiện đại Hải Dương đối với sự phát triển của văn học dân tộc.



KIẾN THỨC NGỮ VĂN

Ra đời từ đầu thế kỉ XX và thực sự phát triển từ đầu những năm 30, văn học hiện đại Hải Dương phát triển song hành cùng văn học hiện đại Việt Nam. Kế thừa thành tựu của văn học trung đại, văn học hiện đại Hải Dương phát triển không ngừng qua các giai đoạn: 1930 – 1945, 1945 – 1975 và sau 1975.

Văn học hiện đại Hải Dương giai đoạn 1930 – 1945 hình thành nhiều khuynh hướng, trào lưu:

+ Trào lưu văn học cách mạng: Các tác giả chủ yếu là các chiến sĩ cách mạng như: Nguyễn Lương Bằng, Trần Cung, Lê Thành Lập, Nguyễn Mạnh Hoan, Hồng Quang...

+ Trào lưu hiện thực có sự góp mặt của nhà văn Mạnh Phú Tư với tiểu thuyết tiêu biểu *Sống nhờ* hay *Thiếu Sơn*, cây bút phê bình sắc sảo với các tác phẩm có tính chất bút chiến bảo vệ quan điểm “nghệ thuật vị nhân sinh”.

+ Tiêu biểu cho trào lưu văn học lãng mạn là nhóm Tự lực văn đoàn, trong đó có ba anh em Nhất Linh, Hoàng Đạo, Thạch Lam (cùng quê Cẩm Giàng) có đóng góp quan trọng đối với quá trình đổi mới, hiện đại hoá văn xuôi tiếng Việt đặc biệt là truyện ngắn và tiểu thuyết. Phong trào Thơ mới có sự đóng góp một số cây bút độc đáo như Vũ Đình Liên, Thâm Tâm, Anh Thơ...

Giai đoạn 1945 – 1975, ngoài những tác giả đã xuất hiện ở giai đoạn trước, thời kì này còn thêm Lộng Chương, Hoàng Lộc, Phù Thăng... Đặc biệt là sự xuất hiện Trần Đăng Khoa, một hiện tượng của thơ ca Việt Nam được mệnh danh là “thần đồng” thơ.



Giai đoạn sau 1975 có các cây bút tiêu biểu như Đỗ Thị Hiền Hoà, Trần Nhuận Minh, Đặng Văn Sinh, Hà Cừ, Khúc Hà Linh,...

Các nhà văn, nhà thơ Hải Dương được tặng giải thưởng cao quý về văn học nghệ thuật như Lộng Chương (Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2000), Anh Thơ (Giải thưởng Hồ Chí Minh năm 2007), Trần Đăng Khoa (Giải thưởng Nhà nước năm 2001), Thâm Tâm (Giải thưởng Nhà nước năm 2007),...

Về giá trị: Văn học hiện đại Hải Dương tiếp tục mạch nguồn cảm hứng yêu nước, ngợi ca tình yêu tổ quốc, quê hương, tinh thần dũng cảm, lòng căm thù giặc, tình đồng chí, đồng đội, tình cảm gia đình,...

Văn học hiện đại Hải Dương với các sáng tác của một số cây bút trong nhóm Tự lực văn đoàn và phong trào Thơ mới không chỉ có đóng góp mới về nội dung, tư tưởng mà còn có vai trò quan trọng trong quá trình hiện đại hoá ngôn ngữ và văn học Việt Nam. Đến đây văn học mở rộng về đề tài, đối tượng phản ánh, đi sâu vào thế giới nội tâm con người, đề cao ý thức cá nhân, tự do; ngôn ngữ văn học đạt đến tự nhiên, tinh tế.

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

BÀI 1. CÔ HÀNG XÉN Thạch Lam

1. Chuẩn bị

- Xem lại phần Kiến thức Ngữ văn, tìm hiểu tư liệu liên quan đến văn bản.
- Đọc trước văn bản *Cô hàng xén*, tìm hiểu thông tin, nhận định về tác giả Thạch Lam giúp cho việc đọc hiểu văn bản.
- Tìm hiểu về cốt truyện, tư tưởng, đặc điểm tâm lí, tính cách nhân vật, cách kể chuyện,...



Hình 4. Một góc con đường mang tên Thạch Lam tại thị trấn Cẩm Giang, huyện Cẩm Giàng

2. Đọc văn bản

Chợ huyện một tháng sáu phiên Gặp cô hàng xén kết duyên Châu Trần.

Cô Tâm bốt mệt hẳn đi khi nhìn thấy cây đa và cái quán gạch lộ ra trong sương mù. Cùng một lúc, dây tre đầu làng gần hẳn lại, cành tre nghiêng ngả dưới gió thổi và nghe thấy tiếng lá rào rào và tiếng thân tre cọt két. Cô sắp về đến nhà rồi, gánh hàng trên vai nhẹ đi, và những cái uốn cong của đòn gánh bây giờ nhịp với chân cô bước mau. Cô thấy chắc dạ và ấm cúng trong lòng, bỏ hẳn nỗi lo sợ từ nãy vẫn quanh quẩn trong tâm trí khi cô qua quãng đồng rộng, trơ gốc rạ dưới gió bắc vi vút từng cơn.

Qua cái cổng gạch cũ, cô vào hẳn trong làng. Ngõ tối hơn, đất mấp mô vì trâu bước, nhưng cô thuộc đường lối lắm. Chân cô giẫm lên lá tre khô và tai nghe tiếng xao xác đã quen; mùi bèo ở dưới ao và mùi rạ ướt đưa lên ấm ướt. Đi ngang các nhà quen, cô thấy ánh sáng đèn chiếu qua rào, và tiếng những người quen thuộc ở trong đưa ra.

– "À, bác cả Sĩ đã về rồi". Lần nào hàng bác cũng bán hết sớm, bác cũng ra về trước vì nhà có con mọn. Còn cô, cô cũng có thể về sớm được vì chợ chiều cũng vắng người mua. Nhưng cô còn cứ vui chị vui em, lần khần ở lại. "Chỉ tại con Liên nó cứ giữ mình để về một thể. Bây giờ nó đã về đến nhà chưa?". Cô Tâm lại nghĩ đến mình, mẹ già đang mong đợi và các em đang nóng ruột vì quà. Gói kẹo bông cô đã gói cẩn thận để ở dưới thúng, mỗi đứa sẽ được hai cái. Chắc hẳn chúng sẽ vui mừng lắm. Tâm vội vã bước mau. Trước đình, sân gạch rộng đầy bóng tối và yên lặng; con sấu đá⁽¹⁾ vẫn phục yên trên bệ ở ngoài, hình dáng quen thuộc quá. Bỗng cô dừng lại; cô suýt va phải một người ở ngõ rẽ ra. Người kia cũng tránh sang bên, sát vào hàng rào. Nhưng Tâm nhận ra ngay:

– Bác Mỹ đấy ư? Đi đâu mà tối thế?

Người kia tiến một bước, nhìn tận mặt: "Ai? A, cô Tâm, cô đi chợ về."

Tâm đã bước xa rồi, hàng tre vi vút thêm, trời lại lấm tẩm mưa lạnh rơi xuống mặt. Cô đi qua nhà bà cụ Nhiêu rồi về đến ngõ. Cánh cửa gỗ chưa đóng. Cô xoay đầu đòn gánh đẩy cửa rồi bước vào. Tất cả cái tối tăm rét mướt, và cánh đồng hoang vắng cô để lại ở ngoài. Đây là nhà rồi. Mùi phân trâu nồng ấm sặc ngay vào cổ; thoáng qua, cô nghe tiếng chân trâu đập trong chuồng. Con vá⁽²⁾ thấy động sữa lên, rồi chạy lại vấp vào chân quần quít. Trong nhà mấy đứa em reo:

– A, á. Chị Tâm đã về.

Tâm đặt gánh ở trên thềm. Ánh đèn chiếu ra, cô thấy quần áo lấm tẩm ướt vì mưa bụi. Thăng Lân chạy ra trước nhất, suýt nữa vấp vào cửa bực bàn. Rồi thằng Ái, con Bé cũng theo ra.

– Quà của chúng em đâu, chị?

Nó cúi xuống định lục vào gánh hàng, Tâm vội bảo em:



– Ấy chớ, để chị lấy cho, không khéo vỡ cả kính.

Cô nhìn xuống ô hàng, mưa chỉ hơi phớt trên kính, chưa việc gì. Hàng không có cái gì ướt.

– Kẹo đây, mỗi đứa hai chiếc.

Chúng nó xúm cả chung quanh chị.

– Em bé ngoan ngoãn quá, đây phần riêng chị dành em đây này.

Bỗng tiếng dịu dàng của bà Tú ở dưới nhà đưa lên:

– Tâm con đã về đấy ư?

– Thưa ư, vâng ạ.

Bà Tú đến dắt lũ con, khẽ bảo:

– Chúng mày háu ăn quá, không để cho chị vào đến nhà nữa. Rồi quay lại Tâm:

– Con rửa chân tay rồi đi ăn cơm kẻo đói. Sao về muộn thế, con?

– Thưa ư, hôm nay con ngồi chợ Sơn ạ. Con Gái từ nãy ở dưới bếp lên cứ đứng mãi góp chuyện ở trên thềm. Bà Tú quay ra bảo:

– Kia không cất hàng vào cho cô, còn đứng làm gì ở đấy?

Trong nhà ấm cúng, khác hẳn ở ngoài. Ngọn đèn thân mật chiếu trên án thư⁽³⁾, những nét vàng đã cũ của câu đối hoành phi⁽⁴⁾ lơ mờ ánh trong bóng tối. Mâm cơm đầy lông bàn còn để ở giữa phản.

– Con ngồi đây rồi ăn cơm. Trời rét thế này thì mai nghỉ chợ thôi con ạ. Đi làm gì cho nó khổ?

Em bé nói theo:

– Chị ở nhà với chúng em chị ạ. Mai chủ nhật chúng em được nghỉ.

Tâm mỉm cười xoa đầu em. Cô sung sướng vì thấy mẹ săn sóc, các em mến yêu. Bao nhiêu nỗi mệt nhọc cô thấy tiêu tán cả. Những lúc này khiến cô quên hết cả bao nhiêu nỗi e ngại khó khăn. Cô thấy vui vẻ và nẩy nở trong thâm tâm những ý muốn tốt đẹp cho gia đình. Bà Tú lại âu yếm giục:

– Con ăn cơm đi, không đói. Thôi, hãy để đấy rồi bảo con sen nó cất cho có được không.

Tâm đáp: "Vâng", nhưng cô vẫn chưa lại ngồi ăn ngay. Cô còn thu xếp hàng đã, hai cái hộp gỗ vuông đựng các thức hàng, và những gói buộc kĩ trong thúng. Tất cả vốn liếng quý báu, bởi nhờ nó, cô kiếm lời nuôi các em, giúp đỡ cha mẹ từ ngày trong nhà sút đi và ông Tú ở trên tỉnh dọn về đã ba bốn năm nay rồi. Ruộng nương chỉ còn hơn mẫu, cấy đủ thóc ăn, và căn nhà gạch cũ này là nhà thờ, chung cả họ. Ông Tú độ mắt kém cũng thôi không dạy học nữa. Tâm hỏi mẹ:

– Thầy con chưa về cơ, u?

Bà Tú chậm rãi đáp lời con, an phận:

–Thầy sang chơi bên ông chánh từ hôm qua, để thường còn ở vài ngày mới về.

Hai mẹ con biết rằng, có về nhà ông Tú cũng buồn chả biết làm gì, rồi lại đến đi chơi quanh quẩn các người trong làng. Bữa cơm ngon lành quá, Tâm ngồi ăn dưới con mắt hiền từ và thương mến của mẹ. Các em cô quây quần cả chung quanh, hỏi chuyện chợ búa của chị. Tâm ngắm nghía các nét mặt xinh xắn, những con mắt ngây thơ lóng lánh dưới mái tóc tơ của các em: cô thấy lòng đầm ấm và tự kiêu, lòng người chị chịu khó nhọc để kiếm tiền nuôi các em ăn học. Cô hỏi han sách vở của thằng Lân và thằng Ái, học lớp ba ở trường làng. Ngày trước, thời còn sung túc, cô cũng đã cắp sách đi học và về nhà lại được ông Tú dạy thêm chữ nho. Nhưng đã lâu, cô rời bỏ quyển sách, để bước chân vào cuộc đời rộng rãi hơn, khó khăn và chật chẽ. Buôn bán bây giờ mỗi ngày một chật vật, bởi cô vốn ít. Tất cả gánh hàng của Tâm chỉ đáng giá hai chục bạc. Giá nàng có nhiều tiền để buôn vải bán các chợ như Liên.

– Thôi, các em đi ngủ đi, mai còn dậy sớm mà đi học chứ.

Lân cười, trả lời chị:

– Mai Chủ nhật cơ mà, chị quên rồi à? Tối nay em thức rõ khuya để nói chuyện với chị.

Nhưng một lát sau, trong căn nhà yên tĩnh, chỉ còn Tâm và bà Tú ngồi trên phản: cô kiểm điểm và xếp đặt lại các thức hàng để mai đi phiên chợ Bằng chính. Những thứ hàng nho nhỏ, khác nhau và xinh xắn: cuộn chỉ, bao kim, hộp bút, cúc áo, giấy lơ, một trăm thức lật vặt qua lại trên ngón tay nhỏ của thiếu nữ, vừa quý báu lại vừa ít ỏi. Mỗi thứ đối với Tâm có một linh hồn riêng, và cô hàng lơ mờ đoán hiểu trong thâm tâm những khó nhọc và công của đã làm thành chúng. Tâm đã thêm vào vài thức hàng mới bắt đầu bán được ở chợ: phấn xoa mặt, dầu bôi tóc và son thoa môi. Cô ngắm nghía trên tay cái ống sáp con bằng đồng, hào rươi một cái – đựng một chất đỏ thơm làm thắm tươi môi các thiếu nữ ở trên tỉnh. Đôi khi trong buổi chợ Tâm đã được thấy một vài cô gái tỉnh về quê, da trắng, môi đỏ, lịch sự và sang trọng. Có lần, một đêm khuya, Tâm đã lấy sáp bôi lên môi mình và ngắm trộm bóng trong chiếc gương tròn nhỏ. Cô Ba. Cô hơi thẹn thấy bóng mình trong đó, với đôi môi đỏ như sẫm máu...

– Độ này, hàng có bán được không con?

– Thừa u, cũng khá ạ.

Chị Liên bán vải cũng chẳng đẹp bằng. Tâm biết mình xinh nhất chợ. Bọn con trai cứ hay quanh quẩn chỗ cô ngồi và buông lời chòng ghẹo. Nhưng cô không để ý. Tâm

thấy vững vàng ở giá trị và lòng cao quý của mình. Nàng đã đảm đang nuôi cả một nhà, với lại, trừ phi là cô gái hư không kể, còn ai ở địa vị nàng cũng phải tảo tần buôn bán như thế. Làm việc, đối với Tâm, là lẽ chung của người ta. Cô thấy chung quanh toàn những đàn bà chịu khó làm ăn vất vả để nuôi chồng, nuôi con. Không bao giờ Tâm nghĩ cho mình, cho cuộc đời riêng của cô. Nhưng Tâm cũng không khỏi thắc mắc vấn vợ cho thân thể. Tâm ngừng lên nhìn nét mặt hiền từ của bà Tú, rồi quay đi, hơi e thẹn. Vì nàng có tâm sự kín riêng. Hình ảnh một người con trai lanh lợi, miệng tươi như hoa, ăn nói mềm mỏng dễ nghe. Những ngày phiên chợ Bằng, Tâm thường thấy người ấy ra hàng Tâm mua kim chỉ. Nàng cúi mặt xuống hàng thấy cái nhìn âu yếm của người con trai ấy đè nặng trên người. Má Tâm phơn phớt đỏ. Câu chuyện ngượng ngịu và giống một, nhưng nàng thấy tâm hồn say sưa như nhấp rượu. Người ta bảo đó là cậu giáo trường làng. Về người đứng đắn, có tư cách, chứ không chót nhả như những anh trai làng khác. Nhưng nhìn cái áo lương cũ, Tâm cũng đoán là cậu giáo nghèo thì phải cũng như nàng. Lúc lên giường nằm, dưới tấm chăn mỏng và lạnh. Tâm còn tơ tưởng mãi đến con người xinh trai ấy. Trong nhà đã ngủ yên tĩnh cả rồi. Trên án thư, bên ngọn đèn Hoa Kỳ⁽⁵⁾, chồng sách và cái ống bút của Lân, Ái che khuất ánh sáng. Các em nàng! Những đứa em thông minh và ngoan ngoãn quá. Không biết nàng có tảo tần mãi được để kiếm tiền mua giấy bút cho chúng ăn học không? Tâm mơ màng nghĩ đến sự thành công của các em sau này: đỗ đạt rồi làm trên tỉnh giúp thầy mẹ. Nhà nàng lại sung túc và mát mặt như xưa. Người chị mộc mạc và âu yếm ấy nghĩ ngợi trong đêm yên lặng. Tiếng trống cầm canh⁽⁶⁾ đã qua nửa đêm, nàng mới khê thở dài, nhắm mắt ngủ. Tất cả những nỗi lo lắng lui đi và tâm hồn giản dị của thiếu nữ được nghỉ yên tĩnh.

Sáng sớm hôm sau, trong gió bắc lạnh, Tâm đã mở cổng gánh hàng lên chợ. Sương trắng còn đầy ở các ngõ trong làng; mùi rơm rác và cỏ ướt thoang thoang bốc lên, mùi quen của quê hương và của đất màu khiến Tâm thấy dễ chịu và thêm can đảm. Nàng rảo bước cho mau chóng đến chợ. Cái đòn gánh cong xuống vì hàng nặng, kiu kịt trên mảnh vai nhỏ bé theo nhịp điệu của bước đi. Chịu khó, chịu khó từng tí một, hết bước nọ sang bước kia, cứ thế mà đi không nghĩ ngợi. Tâm thấy ngày nay cũng như mọi ngày, ngày mai cũng thế nữa. Tất cả cuộc đời nàng lúc nào cũng chịu khó và hết sức, như tấm vải thô dệt đều nhau. Có phải đâu chỉ một mình cô. Trong những luỹ tre xanh kia, bao nhiêu người cũng như cô, cũng phải chịu khó và nhọc nhằn, để kiếm tiền nuôi chồng, nuôi con, nuôi các em. Tâm không chán nản cũng không tự kiêu, chỉ thấy yên tâm chắc chắn, như nhiều người khác cũng làm việc, cũng sống như nàng. Tâm cứ bước đều chân và đến chợ vẫn còn sớm. Nàng bày hàng trên khoảng đất nàng vẫn ngồi xưa nay. Ánh sáng đầu tiên của mặt trời lấp lánh trên mặt kính các ô hàng. Các màu đua nhau thắm tươi dưới ngón tay xinh xắn của Tâm.



Những cuộn chỉ mượt, những cái cúc xà cừ, những gương lược sáng loáng. Cái gì cũng sạch sẽ ngăn nắp, nhỏ nhắn như công việc, như ý nghĩ của cô hàng xén. Không khí giá và trong của buổi sáng làm hồng da dẻ và khiến máu chạy mạnh. Tâm thấy vui vẻ nhanh nhẹn trong người. Chị Liên với thằng nhỏ gánh vải cũng đã đến rồi. Hai chị em cười nói chuyện trò như đôi chim sẻ:

– Hôm qua mày bán được bao nhiêu? Tao ngồi mãi chỉ bán cho bà Lý có một tấm lụa.

Tâm đáp:

– Thế còn gì nữa, bằng cả ngày lãi của tao kiếm.

Chợ mỗi lúc một ồn ào. Người đến họp đã đông. Cái đông đúc và ồn ào ấy khiến cho Tâm như lịm đi. Tiếng nói, tiếng cười đùa, chửi rủa tràn đầy cả mấy gian hàng. Sự hoạt động rục rờ và nhiều màu. Các hàng quà bánh, các thức hàng rẻ tiền và vụn vặt ở thôn quê, những hoa quả chua chát hái xanh trong vườn nhà, và bên kia đường, mùi thơm nôi cháo nóng của chị Tư bay ra ngào ngạt. Tâm không nghĩ ngợi, lo lắng gì nữa. Sự buôn bán, mặc cả bao bọc lấy nàng như một hơi gió nóng. Tất cả hàng tổng trong buổi phiên này. Từ những người đàn bà nghèo ăn mặc rách rưới, cho đến các bà tổng, bà lí, váy sồi, thắt lưng dũi và áo bông mềm, túi nặng những tiền. Một hai cô trên tỉnh, chừng con gái ông thừa hay ông chủ ti ở huyện, vui đùa đi lại trong chợ, răng trắng và môi đỏ. Tâm thấy họ hình như vô tâm và sung sướng lắm thì phải. Các cô bá vai nhau mua hết thức này, thức nọ không tiếc tiền, ngây thơ như con trẻ. Tâm và Liên nhìn nhau mỉm cười.

Gần trưa, cậu giáo ra. Vẫn con người mảnh dẻ và nho nhã trong chiếc áo lương cũ. Bốn mắt nhìn nhau: Tâm má đỏ bừng, tay không biết làm gì. Cậu giáo ngượng nghịu, nửa muốn ngồi xuống bên hàng, nửa không dám. Chỉ có Liên là tinh nghịch, sống sượng lại hay nói đùa:

– Kìa ông giáo, mời ông mua hàng của em nó đi.

Rồi cô ngả đầu ra sau cười ngặt nghẽo, trong lúc Tâm đưa mắt trách và cậu giáo khẽ mỉm cười. Vụ gặt hái xong, cậu giáo Bài nhờ người mối lái đến hỏi Tâm. Bà mối là người cô trong họ nhà bà Tú. Sau khi khen ngợi cậu giáo là người chí thú nết na, bà mối bảo:

– Tôi cũng vì tình chị em nói giúp cho cháu nó nên vợ chồng. Cậu giáo tuy nghèo nhưng là con nhà thế gia, ông cụ trước cũng có đi dạy học. Cháu Tâm nó mà về làm dâu nhà ấy thì không còn phải quản ngại điều gì nữa.

Bà Tú cảm ơn và đáp:



– Vâng, bà để cho rồi tôi hỏi cháu xem thế nào đã.

Bà mỉm cười, vừa đứng dậy vừa trả lời:

– Được nơi xứng đáng, mình bằng lòng thì gả, chứ còn cần gì phải hỏi nó nữa.

Sau khi bà mỉm về, bà Tú đem câu chuyện hỏi ông Tú, ông bảo:

– Bà xem chỗ nào nên gả thì gả, không phải hỏi tôi làm gì.

Rồi ông lại xách ô đi chơi sang làng khác. Bà nhìn theo ông, thở dài. Từ ngày trong nhà kém sút đến giờ, ông Tú như người mất hồn, chẳng còn để ý đến công việc gì nữa. Việc trong nhà ông để bà trông nom. Bà nghĩ đến Tâm âu yếm, Nếu không có nó sớm hôm buôn bán thì bà cũng không biết xoay sở vào đâu. Nhà năm, sáu miệng ăn, lại hai con đi học, hơn mẫu ruộng cấy chỉ đủ thóc dùng. Bà lại chợt nghĩ: nếu Tâm đi lấy chồng thì làm thế nào? Tuy vậy, buổi chiều hôm ấy bà gọi Tâm vào buồng và nói cho Tâm biết. Tâm yên lặng nghe, rồi thưa:

– Con mà đi lấy chồng thì ai kiếm tiền cho các em ăn học? Thôi u cứ để con ở nhà buôn bán và trông nom nhà cửa cho thầy u.

Bà Tú nhìn con, thương mến:

– Không được, con gái đến tuổi phải đi lấy chồng, chứ con ở nhà mãi hay sao? U sẽ làm hàng sáo để kiếm thêm chi tiêu trong nhà. Con cứ nghe u đi. Bà thêm:

– Với lại không đám nào hơn đám này nữa. Bà cụ đảng ấy cũng hiền lành và cậu Bài là người nết hạnh đứng đắn. Con về nhà ấy thì u mừng lắm.

Tâm cúi mặt thẹn đỏ hai gò má. Nàng tưởng đến cậu giáo, con người xinh trai và nhã nhặn, mà mới buổi gặp lần đầu, nàng đã mến yêu ngay. Nhưng bỏ nhà đi lấy chồng? Thăng Lân và Thăng Ái lấy tiền đâu mà mua sách vở học? Nghĩ đến mẹ già phải làm lụng vất vả lòng Tâm lại không nở. Nàng khóc nói:

– Thôi, u cứ để con ở nhà hầu hạ thầy và săn sóc các em. Chúng nó còn bé dại cả, nếu con đi thì ai là người trông nom nhà cửa.

Nhưng thương con, bà Tú không ngăn ngại chút nào. Bà bằng lòng cho Tâm và nhắn tin cho bà mối biết. Bên nhà trai xin cưới ngay trước Tết.

Ngày về nhà chồng, Tâm buồn rầu không thiết gì trang điểm. Nàng gọi các em vào trong buồng để từ biệt: Lân và Ái níu lấy cổ Tâm quẩn quít, không muốn rời ra. Nàng âu yếm dặn dò:

– Các em ở nhà chịu khó ăn, học nhé đừng để cho thầy u phải phiền lòng. Rồi tháng tháng chị sẽ gửi tiền về cho các em tiêu.

Tâm ngừng lại, ứa nước mắt không nói được nữa. Nàng xúc em bé lên hôn rồi ra ngoài lễ tạ cha mẹ.

Đám rước dâu theo con đường nhỏ trong làng đi ra cánh đồng. Hai bên ngõ, người trong làng đứng xem cô dâu và chú rể mới.

Buổi chiều hôm ấy, trong nhà bà Tú trở nên lạnh lẽo và vắng không. Bữa cơm chỉ có mấy mẹ con ngồi ăn. Lúc thắp đèn, bà Tú gọi con sen lên bàn nói chuyện về Tâm cho đỡ buồn. Thăng Lân và Ái cũng ngẩn ngơ nhớ chị. Không còn những buổi tối chờ đợi chị Tâm gánh hàng về, nghe tiếng cười nói vui vẻ của chị và mong đợi chia quà nữa. Chúng ngồi nghe chuyện bà Tú mãi tới khuya rồi gục trên sách ngủ. Về nhà chồng được vài hôm, Tâm lại phải đi bán hàng ngay để khỏi mất mấy phiên chợ Tết. Nhà chồng nàng cũng nghèo, nhà cửa không có gì. Cậu Bài dạy học trong làng được dăm bảy đồng bạc lương. Bao nhiêu việc chi tiêu trong nhà lại trông cả vào mình nàng. Bây giờ gánh hàng trở nên nặng quá trên đôi vai nhỏ bé. Chiếc đòn gánh càng cong xuống và rên rĩ. Ngoài giang sơn nhà chồng nàng phải gánh vác, Tâm lại còn lo sao kiếm được đủ tiền để thêm cho các em ăn học. Trong sương muối sớm rét và giá lạnh, nàng đã phải bước ra ngõ để đi chợ rồi. Trên con đường mấp mô và đất rắn, Tâm bước những bước nhỏ và mau. Đồi nàng lại khó nhọc và cố sức kể tiếp nhau. Có khi Tâm tưởng nàng vẫn còn ở nhà, vẫn còn con gái và buổi chiều nàng sẽ gánh hàng về căn nhà cũ, thấy các em ra đón và nghe tiếng mẹ nàng dịu dàng săn hỏi. Nhưng không, bây giờ nàng không được về nhà mẹ luôn nữa. Gia đình của chồng là gia đình của nàng: nàng phải lo tiền cho chồng vụ thuế. Những lúc giỗ Tết, phải may vá cho Bài: chiếc áo lương mới chàng sắm ngày cưới bây giờ đã bắt đầu bạc và rách rồi. Ngày phiên chợ đối với nàng cũng kém vui. Má nàng hồng hơn, môi nàng thắm thêm, người ta bảo nàng bây giờ đẹp ra hơn trước. Nhưng nàng cần gì những cái đó nữa. Bọn trai làng không còn chòng ghẹo nàng ^(?), và trong lòng nàng cũng không còn cái thời con gái duyên thắm và chờ mong đã hết rồi. Nàng chỉ còn là một người đàn bà tảo tần hôm sớm để nuôi chồng. Buổi phiên chợ Bằng, Liên ngồi cạnh nàng nhí nhảnh khoe:

– Này Tâm xem, tôi mới sắm được cái này đẹp lắm.

Liên đưa ra một đôi khuyên vàng cô mới gửi đánh ở trên tỉnh. Tâm cầm lấy ngắm nghĩa trên tay. Mắt nàng sáng lên, Tâm nghĩ đến những buổi nói chuyện với Liên khi nàng chưa lấy chồng. Hai chị em bàn về những đồ trang sức, và đôi khuyên là cái ước vọng tuyệt đích của hai cô gái quê. Hai người buổi nào cũng nhắc đến, và cùng hẹn nhau dành dụm để sắm một đôi đeo Tết.

– Đẹp quá nhỉ. Chị mua hết bao nhiêu?

Nàng ngẩn ngơ đưa trả lại Liên, yên lặng nhìn bạn mắc vào tai. Tâm nghĩ không bao giờ nàng có thứ ấy nữa. Làm sao dành dụm được chừng ấy tiền, mà nếu có số tiền ấy nữa nàng cũng còn phải để tiêu việc nhà, hay gửi cho các em. Lân đã lên học



trường tình, sự tổn kém lại tăng thêm. Đạo hè năm ngoái nó đã lấy của nàng hơn chục bạc. Hôm qua, bà Tú lại nhắn người bảo gửi thêm cho nó để nộp giấy đi thi. Nàng lo quá. Những số tiền nàng cho em là tiền dành dụm riêng của nàng. Tâm phải đưa giấu, sợ mẹ chồng và chồng nàng biết. Nhiều lần Bài đã gắt với nàng, vì Tâm không còn tiền đưa. Và những lời của mẹ chồng nàng đã bắt đầu có vẻ đay nghiến và nghi ngờ.

Hai năm sau, Tâm để đứa con trai. Ở cũ⁽⁸⁾ được nửa tháng, nàng phải để con cho mẹ chồng trông nom, rồi lại gánh hàng đi chợ. Mấy năm khó nhọc đã thay hẳn người nàng. Tâm bây giờ không còn là cô gái xinh xắn hồi trước. Nàng già đi nhiều lắm. Đã lâu nàng không còn chú ý đến sắc đẹp của mình và cũng không biết nó tàn lúc nào. Sắc đẹp cũng vô ích cho nàng khi đã có chồng rồi. Tâm thấy mình già và yên tâm trong sự đứng tuổi. Những ngày chợ phiên⁽⁹⁾, nàng nhìn các cô gái với ý nghĩ an phận⁽¹⁰⁾ của người đã qua tuổi trẻ rồi. Bây giờ nàng còn thì giờ đâu trang điểm nữa. Cái cô hàng xén xinh đẹp trước kia nổi tiếng cả một vùng, bây giờ không còn ai nhớ đến nữa. Đã có những cô con gái khác mới lớn lên, rục rịch và tươi tắn, cười nói có duyên với những cậu con trai khác. Nhiều khi nhìn vẻ hân hoan sung sướng của họ, Tâm lại nghĩ đến ngày trước kia, hình như đã lâu lắm, nàng còn là cô hàng xén má hồng môi đỏ, e lệ cúi mặt dưới cái nhìn âu yếm của cậu giáo Bài nho nhã và đứng đắn trong tấm áo lương. Thời ấy bây giờ đâu? Chị Liên may mắn đã lấy được chồng giàu, lên buôn trên tỉnh, chị ấy vẫn trẻ đẹp như xưa. Tâm khẽ thở dài, bây giờ các chị em bạn cũ không còn ai ở lại để cùng chia sẻ những nỗi khó nhọc với nàng.

Tâm rảo bước đi qua cánh đồng nghĩ ngợi. Đã lâu, nàng không có dịp sang thăm nhà vì bận con mọn và buôn bán. Chiều nay Lân ở trên tỉnh về, nên nàng đến để gặp em và hỏi thăm ông Tú mệt đã mấy tháng nay. Cây đa cổ và cái quán gạch vẫn đứng đợi nàng ở đầu làng. Đường ngõ vẫn lồi lõm vì trâu đi, hai bên vệ vẫn mùi bèo và mùi rạ ướt. Trong làng chẳng có gì thay đổi. Khi nghe thấy tiếng bà Tú âu yếm đón hỏi trên thềm, tiếng thằng Ái và em bé reo mừng chị, lòng Tâm dịu lại như ngày nàng còn gánh hàng về. Tâm bước vào ngòi trên phản bên cạnh mẹ. Căn nhà đối với nàng hình như rộng rãi và lạnh lẽo hơn trước nhiều.

– Em Lân đâu?

– Nó vừa mới chạy đâu sang hàng xóm. Chẳng biết cần gì mà nó còn đợi con để xin tiền.

Tâm thở dài:

– Con chả có đồng nào để ra cả.

Bà Tú nhìn con ái ngại:

– Cậu giáo lại thôi dạy học, thì nhà con túng thiếu thật.

Hai mẹ con yên lặng không nói nữa. Tâm thấy mẹ già đi quá, hai mái tóc đã bạc phơ. Bỗng nhiên, nàng đau xót trong lòng, thương mẹ và buồn cho cảnh nhà nghèo.

– Kia, chị đã đến. Em chờ chị mãi từ sáng đến giờ.

Lân ở ngoài bước vào, nhanh nhẹn. Cậu lớn hẳn lên, dáng điệu mạnh mẽ và hơi xắc lắc⁽¹¹⁾, rõ ra một cậu học trò lanh lợi trên trường tỉnh. Tâm nhìn em mừng rỡ. Mắt nàng sáng lên vì kiêu hãnh có người em như thế:

– Em chơi đâu về? Bao giờ lại lên tỉnh học?

Nàng ân cần săn sóc, hỏi em. Lân trả lời chị qua loa, hơi bực mình về những câu hỏi lẩn thẩn của chị. Cậu nói ngay đến chuyện cần:

– Em xin chị một chục bạc để mua sách học.

Tâm hoảng sợ:

– Sao nhiều thế, chị lấy đâu ra. Độ này buôn bán khó khăn lắm, một ngày vài hào chỉ lãi, em bảo chị làm thế nào được?

Thấy Lân có vẻ không bằng lòng, Tâm vội đáp:

– Hãy để thông thả chị lo rồi gửi chị Liên cho em.

– Thế thì lấy tiền đâu mà nộp đơn và mua sách bây giờ? Không có thà rằng ở nhà cho xong.

Lân vùng vằng đứng dậy bước ra ngoài thềm. Bà Tú ngược mắt trông theo, rồi lại buồn rầu cúi xuống. Tâm nhìn mẹ rồi vội vã bước ra gọi em lại. Nàng dịu giọng, ngọt ngào:

– Gớm, chưa chi em đã giận. Có phải chị tiếc em đâu, vì chị chưa có thật.

Lân yên lặng rồi không nói gì, quay mặt đi chỗ khác. Lòng chị lại không nở thấy em buồn:

– Thì đây, chị có chục bạc này là tiền lấy hộ cho anh ấy đây. Em cầm lấy rồi chị liệu vay sau cũng được.

Tâm lần lượt tượng lấy ra gói bạc giấy cuộn tròn. Số tiền nàng vừa lấy định trang trải các công nợ và lo sưu thuế cho Bài. Nhưng thấy vẻ mặt vui mừng của em, nàng quên mất cả những nỗi lo sợ đang chờ nàng.

Lúc Tâm ra về, trời đã tối. Nàng vội vã bước mau để về cho con bú. Sương mù xuống phủ cả cánh đồng, và gió lạnh nổi lên. Tâm thu vạt áo lại cho đỡ rét, lần theo bờ cỏ đi. Lòng nàng mệt nhọc và e ngại: lấy đâu mà bù vào chỗ tiền đưa cho em? Tâm nhớ lại những lời dẫn của mẹ chồng và những câu giận dữ của Bài mỗi khi hỏi nàng không có tiền. Nàng nghĩ đến những ngày buôn bán được, ngày không, Tâm dẫn bước. Cái vòng đen của rặng tre làng Bàng bỗng vụt hiện lên trước mặt, tối tăm và dầy

đặc. Tâm buồn rầu nhìn thấu cả cuộc đời nàng, cuộc đời cô hàng xén từ tuổi trẻ đến tuổi già toàn khó nhọc và lo sợ, ngày nọ dột ngày kia như tấm vải thô sơ. Nàng cúi đầu đi mau vào trong ngõ tối.

(Thạch Lam tuyển tập, Nhà xuất bản Văn học, 2016)

Chú thích

– Thạch Lam tên thật là Nguyễn Tường Vinh (sau đổi là Nguyễn Tường Lân) sinh năm 1910 tại Hà Nội, xuất thân trong một gia đình công chức có nguồn gốc quan lại. Thuở nhỏ chủ yếu sống ở quê ngoại, phố huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Ông là thành viên của nhóm Tự lực văn đoàn nhưng không đi theo lối viết chung của nhóm mà tìm một phong cách hoàn toàn khác, đôn hậu, nhẹ nhàng, dung dị mà sâu lắng. Thạch Lam được biết đến là một cây bút thiên về tình cảm, sáng tác của ông là niềm xót thương đối với những số phận hẩm hiu, nghèo khổ, sống vất vả, chịu đựng, thầm lặng.

– “Cô hàng xén” là truyện ngắn tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật của Thạch Lam. Truyện xoay quanh những phiên chợ của một cô gái bán hàng xén. Man mác trong mỗi trang văn là hơi thở cuộc sống sau lũy tre làng, là nét riêng của cảnh sắc thiên nhiên và đặc biệt lắng lại ở vẻ đẹp bên trong tâm hồn con người.

– Hàng xén: Hàng bán tạp hóa nhỏ ở chợ, vỉa hè chủ yếu là những mặt hàng thiết yếu cần ít vốn (kim, chỉ, gương, lược...).

(1) *Con sấu đá*: linh vật mang đậm bản sắc Việt thời phong kiến.

(2) *Con vá*: con chó.

(3) *Án thư*: (án: bàn; thư: sách) Bàn thời xưa dùng để sách vở, bút nghiên trên đó.

(4) *Hoành phi*: tấm biển gỗ có hình chữ Nhật được treo ngang trên các gian thờ tại đình chùa, gia tiên, từ đường, trên khắc 3 đến 4 chữ đại tự.

(5) *Đèn Hoa Kỳ*: đèn thắp bằng dầu hoả, có bắc tròn.

(6) *Trống cầm canh (từ cũ)*: Trống báo hiệu, thường dùng để chỉ khoảng thời gian một canh.

(7) *Chòng gheo* (khẩu ngữ): dùng lời nói hoặc hành động, thường là không đúng đắn, để đùa nghịch làm cho người khác xấu hổ, bực tức hoặc sợ hãi.

(8) *Ở cũ*: thuật ngữ chỉ giai đoạn nghỉ ngơi sau sinh của người phụ nữ.

(9) *Chợ phiên*: chợ họp có ngày nhất định.

(10) *An phận* (yên phận): bằng lòng, chấp nhận với thân phận, hoàn cảnh, cuộc sống đang có, không mong gì hơn.

(11) *Xác lác*: tỏ ra thiếu lễ độ và có phần lấc láo.

3. Tìm hiểu sau khi đọc

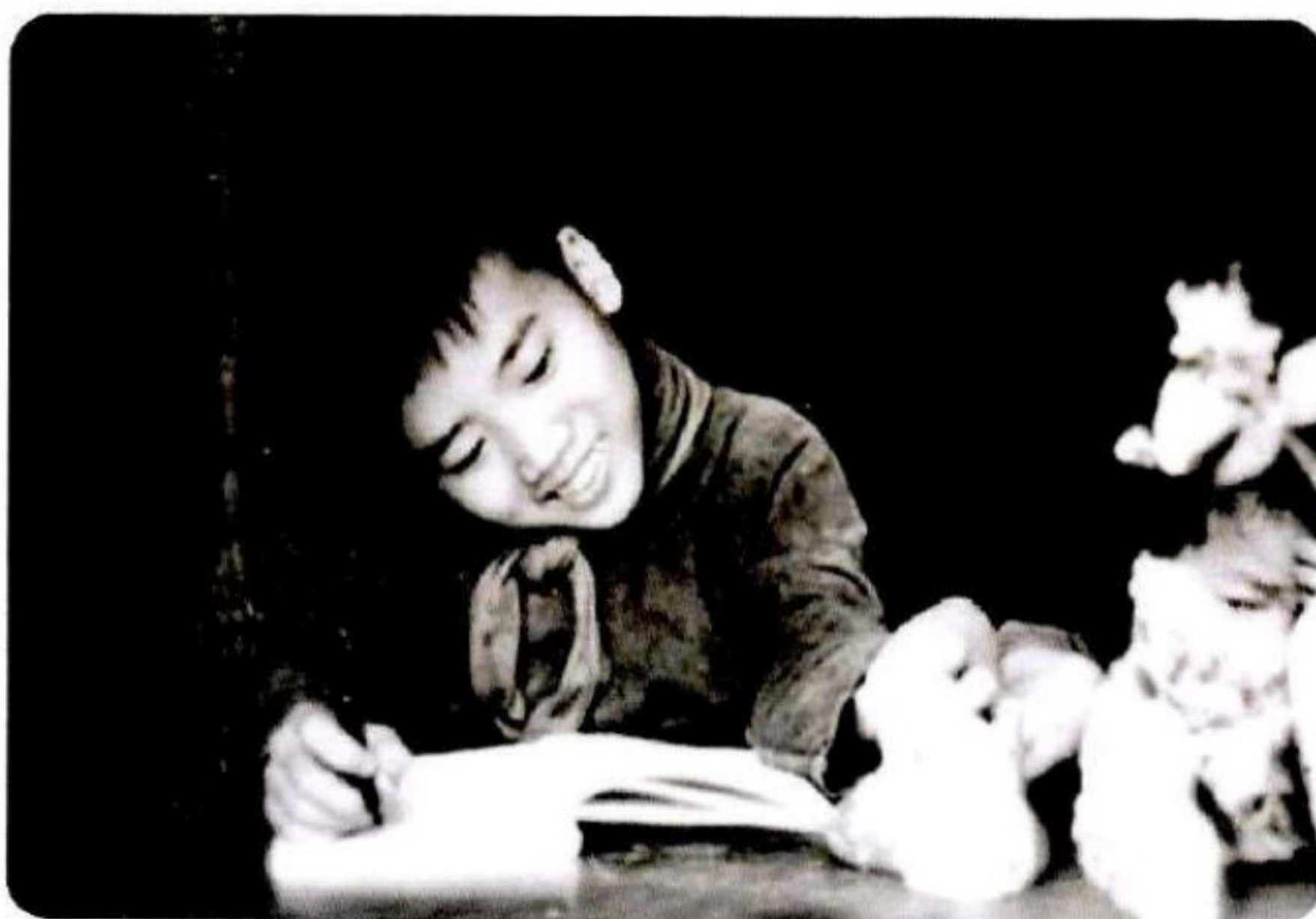
1. Truyện *Cô hàng xén* viết về đề tài gì? Ai là nhân vật chính của truyện?
2. Xác định bố cục của truyện.
3. Trong truyện, nhân vật Tâm làm công việc gì?
4. Cảm nhận về đẹp tâm hồn của nhân vật Tâm.
5. Nêu những nét đặc sắc nghệ thuật của truyện (ngôn ngữ; miêu tả tâm lý, thiên nhiên...).
7. Qua truyện *Cô hàng xén*, Thạch Lam gửi đến người đọc thông điệp gì? Dựa vào đâu em khẳng định như vậy?

ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

BÀI 2. HẠT GẠO LÀNG TA Trần Đăng Khoa

1. Chuẩn bị

- Xem lại phần Kiến thức Ngữ văn, tìm hiểu các tư liệu liên quan đến văn bản.
- Đọc trước văn bản *Hạt gạo làng ta*, tìm hiểu các thông tin, nhận định về tác giả Trần Đăng Khoa.
- Tìm hiểu hoàn cảnh sáng tác bài thơ, đặc điểm thể thơ, từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ.



Hình 5. Nhà thơ Trần Đăng Khoa năm 1968 trong bộ phim tài liệu *Thế giới nhỏ bé của Khoa*

2. Đọc văn bản

Hạt gạo làng ta
Có vị phù sa
Của sông Kinh Thầy⁽¹⁾
Có hương sen thơm
Trong hồ nước đầy
Có lời mẹ hát
Ngọt bùi đắng cay...
Hạt gạo làng ta
Có bão tháng bảy
Có mưa tháng ba
Giọt mồ hôi sa
Những trưa tháng sáu
Nước như ai nấu
Chết cả cá cờ
Cua ngoi lên bờ
Mẹ em xuống cấy...
Hạt gạo làng ta
Những năm bom Mỹ
Trút trên mái nhà

Những năm cây súng
Theo người đi xa
Những năm băng đạn
Vàng như lúa đồng
Bát cơm mùa gặt
Thơm hào giao thông...⁽²⁾
Hạt gạo làng ta
Có công các bạn
Sớm nào chống hạn
Vực mề miệng gàu
Trưa nào bắt sâu
Lúa cao rát mặt
Chiều nào gánh phân
Quang trành⁽³⁾ quét đất
Hạt gạo làng ta
Gửi ra tiền tuyến
Gửi về phương xa
Em vui em hát
Hạt vàng làng ta...



Hình 6. Cánh đồng lúa chín, huyện Nam Sách

Chú thích

– Trần Đăng Khoa sinh ngày 26-4-1958 tại thôn Điền Trì, xã Quốc Tuấn, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, là hội viên Hội Nhà văn Việt Nam (1977). Ông tốt nghiệp Trường Viết văn Nguyễn Du, tốt nghiệp Học viện Văn học Thế giới mang tên M. Gorki, thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Nga. Hiện nay ông là Phó Chủ tịch Hội Nhà văn Việt Nam khoá IX.

Nổi tiếng là “thần đồng” thơ từ khi mới 7, 8 tuổi. Tập thơ *Từ góc sân nhà em* in ở NXB Kim Đồng lúc vừa tròn 10 tuổi. Ngoài thơ, ông còn viết phê bình văn học.

– Trần Đăng Khoa ba lần được tặng giải thưởng thơ của báo *Thiếu niên tiên phong* (các năm 1968, 1969, 1971), Giải nhất báo *Văn nghệ* (1982) và Giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật (năm 2000). Một số tác phẩm tiêu biểu của ông: *Từ góc sân nhà em* (thơ, 1968), *Góc sân và khoảng trời* (thơ, 1968), *Thơ Trần Đăng Khoa* (tập 1, 1970), *Khúc hát người anh hùng* (trường ca, 1974), *Trường ca Giông bão* (trường ca, 1983), *Chân dung và đối thoại* (tiểu luận phê bình, 1998).

– Bài thơ *Hạt gạo làng ta* được sáng tác năm 1968, sau này được nhạc sĩ Trần Việt Bính phổ nhạc (1971). Bài thơ được in trong tập *Góc sân và khoảng trời* (1968). Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của lao động và sự trân quý của hạt gạo giữa hoàn cảnh của nước ta đang chiến tranh.

(1) *Sông Kinh Thầy*: Còn gọi là Kinh Thầy, nối thông giữa sông Thái Bình với các sông vùng Đông Bắc, có chiều dài 44,5 km. Điểm đầu từ ngã ba Lâu Khê xã Cổ Thành, thị xã Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Điểm cuối là ngã ba Trại Sơn nơi giáp ranh giữa thị trấn Phú Thứ và thị xã Kinh Môn.

(2) *Hào giao thông*: đường đào sâu dưới mặt đất để đi lại, vận chuyển trong chiến đấu.

(3) *Quang trành*: quang làm bằng tre, dụng cụ để gánh.

3. Tìm hiểu sau khi đọc

1. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Chỉ ra cách gieo vần, ngắt nhịp và tác dụng của các yếu tố đó trong bài thơ.

2. Trong bài thơ, cụm từ *Hạt gạo làng ta* được lặp lại mấy lần? Dụng ý của sự lặp lại ấy.

3. Ở khổ thơ cuối, tại sao *Hạt gạo làng ta* lại trở thành *Hạt vàng làng ta*?

4. Trong bài thơ, *Hạt gạo làng ta* kết tinh giá trị gì?

5. Quê hương, đất nước và con người Việt Nam trong cảm nhận của Trần Đăng Khoa.

6. Cảm nhận của em về nhân vật trữ tình của bài thơ.

7. Đoạn thơ gợi cho em suy nghĩ, tình cảm gì đối với những người làm ra hạt gạo? Thái độ cần có của mỗi người với những sản phẩm lao động giống như “hạt gạo” được nhắc đến trong bài thơ.

BÀI 1. CHIỀU XUÂN

Anh Thơ

Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,
Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi;
Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng
Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.
Ngoài đường đê cỏ non tràn biếc cỏ,
Đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ
Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió.
Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa.
Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng,
Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,
Làm giật mình một cô nàng yếm thắm.
Cúi cổ cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

(*Bức tranh quê*, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, Hà Nội, 1995)

Chú thích

Anh Thơ sinh tại thị trấn Ninh Giang, huyện Ninh Giang, tỉnh Hải Dương. Thở nhỏ bà học Tiểu học tại Hải Dương sau đó chuyển sang Thái Bình rồi tiếp đến là Bắc Giang. Sáng tác từ sớm, năm 17 tuổi với tập *Bức tranh quê*, Anh Thơ được nhận giải thưởng của Tự Lực Văn Đoàn.

Tập thơ đầu – *Bức tranh quê* (in 1941) gồm 45 bài là phong cảnh nông thôn được sắp xếp theo trình tự bốn mùa và được miêu tả bằng sự quan sát độc đáo, tinh tế. Tập thơ làm sống lại vẻ đẹp nghìn đời của nông thôn Việt Nam. *Chiều xuân* là bài thơ tiêu biểu trong tập *Bức tranh quê*.

Anh Thơ được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2007.

Tìm hiểu sau khi đọc

1. Hãy chỉ ra những chi tiết, hình ảnh đặc sắc của cảnh mùa xuân làng quê đồng bằng Bắc Bộ.
2. Nghệ thuật sử dụng từ ngữ, hình ảnh trong bài thơ. Sự khác biệt trong cách miêu tả mùa xuân của bài thơ so với thơ ca trung đại.
3. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Tác dụng của việc sử dụng thể thơ đó trong bài thơ.



BÀI 2. MẸ ỒM

Trần Đăng Khoa

Mọi hôm mẹ thích vui chơi
Hôm nay mẹ chẳng nói cười được đâu
Lá trầu khô giữa cối trầu
Truyện Kiều gấp lại trên đầu bấy nay.

Cánh màn khép lỏng cả ngày
Ruộng vườn vắng mẹ cuốc cày sớm trưa
Nắng mưa từ những ngày xưa
Lặn trong đời mẹ đến giờ chưa tan.

Khắp người đau buốt, nóng ran
Mẹ ơi! Cô bác xóm làng đến thăm
Người cho trứng, người cho cam
Và anh bác sĩ đã mang thuốc vào.

Sáng nay trời đổ mưa rào
Nắng trong trái chín ngọt ngào bay hương
Cả đời đi gió đi sương
Bây giờ mẹ lại lần giường tập đi.

Mẹ vui, con có quản gì
Ngâm thơ, kể chuyện rồi thì múa ca
Rồi con diễn kịch giữa nhà
Một mình con sắm cả ba vai chèo.

Vì con mẹ khổ đủ điều
Quanh đôi mắt mẹ đã nhiều nếp nhăn
Con mong mẹ khỏe dần dần
Ngày ăn ngon miệng, đêm nằm ngủ say.

Rồi ra đọc sách, cấy cày
Mẹ là đất nước, tháng ngày của con...

Tìm hiểu sau khi đọc

1. Tình cảm của người con đối với mẹ trong bài thơ.
2. Cảm nhận của em về nhân vật trữ tình trong bài thơ.
3. Bài thơ được viết theo thể thơ nào? Tác dụng của việc sử dụng thể thơ đó trong bài thơ.
4. Nhận xét đặc điểm thơ Trần Đăng Khoa qua các bài thơ *Hạt gạo làng ta* và *Mẹ ốm*.



1. Viết một đoạn văn/bài văn ghi lại cảm xúc của em sau khi học xong một đoạn thơ/ một bài thơ hiện đại Hải Dương.
2. Viết một đoạn văn/ bài văn phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật Tâm trong truyện *Cô hàng xén*.
3. Chọn và phân tích một đoạn thơ/ đoạn văn/ nhân vật em yêu thích trong thơ văn trung đại Hải Dương.



1. Suu tầm một số tác phẩm văn học hiện đại Hải Dương.
2. Ngâm một số bài thơ hiện đại Hải Dương đặc sắc.
3. Làm video giới thiệu về tác giả Thạch Lam, Trần Đăng Khoa...
4. Sân khấu hoá truyện ngắn *Cô hàng xén*.
5. Tổ chức tham quan trải nghiệm tại Côn Sơn – Kiếp Bạc, ngôi nhà cũ của nhà văn Thạch Lam.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

SÁCH MẪU

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổ chức và chịu trách nhiệm bản thảo:

Biên tập nội dung:

Trình bày bìa:

Chế bản và sửa bản in:

Bản quyền thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG

TỈNH **HẢI DƯƠNG** Lớp 8

Mã số:

In bản khổ 19 x 26,5cm

In tại:

Địa chỉ:

Số ĐKXB:

Số QĐXB:

In xong và nộp lưu chiểu quý năm 2023

Mã số ISBN:

Giá: đồng